

Sông Lam

SỐ **21** (THÁNG 03 / 2022)

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 21 (THÁNG 03 / 2022)





Thôn nữ (sơn dầu) - TẠ TÂM



Tình mẫu tử (acrylic) - TẠ TÂM



Kéo sợi (khắc thạch cao) - BÁ SIÊU



Đón mẹ về (sơn dầu) - HOÀNG HẢI THỌ



Tắm trắng (sơn dầu) - HOÀNG HẢI THỌ



Sơn nữ (sơn dầu) - TRỌNG HIỆP

Sông Lam

Số 21 (Tháng 03 / 2022)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Phó tổng Biên tập:
ĐÀO THỊ THUÝ HOA
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

• Tòa soạn:
Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: tapchisonglam.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
525/GP-BTTTT ngày 02/12/2019.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số đặt mua Tạp chí

Sông Lam

qua bưu điện: B 18.2

Giá: 30.000 đ

MỤC LỤC

■ THỜI LUẬN	
NGUYỄN KHẮC AN	Tuổi trẻ, sứ mệnh và những kỳ vọng3
■ NHÂN VẬT VÀ ĐỐI THOẠI	
TỔNG PHƯỚC BẢO	Khi người trẻ viết những điều “nóng hổi” và câu chuyện văn chương thời đại 4.07
■ KÝ	
NGUYỄN NGỌC LỢI	Từ Phôn Xa Văn đến Luông Prabang13
■ GÓC NHÌN VĂN HÓA	
HỒ PHI PHỤC	Đọc sách.....19
■ TRUYỆN NGẮN	
PHÁT DƯƠNG	Ba người bạn22
HỮU PHƯƠNG	Hán Đông Gioăng31
ĐỨC BAN	Cầu Giăng43
■ THƠ - NHẠC	
HOÀNG THUY ANH: Bài thơ đẹp nhất là bài thơ bạn không bao giờ chạm tới (tr.49)	
• NGUYỄN THỊ KIM CÚC: Lửa (tr.49) • BÙI SIM SIM: Có những lúc (tr.50) • LÝ THU THẢO: Em sẽ lại bắt đầu một tình yêu (tr.50) • NGUYỄN LÊ: Ngày vui (tr.51) • NGUYỄN THỊ PHƯƠNG: Ngồi dựa lưng thêm (tr.51) • VÂN KHÁNH: Mùa em (tr.51) • TRƯƠNG LÊ NA: Con bạc (tr.52) • TRẦN KIM HOA: Những viên sỏi kiêu lời (tr.53) • TRANG ĐOAN: Có dám tin không? (tr.53) • BÙI TUẤN MINH: Con về với mẹ (tr.54) • BÙI VIỆT PHƯƠNG: Dương cầm đêm (tr.54) • DUY KHÁNH: Một phút trôi đi (tr.55) • KHÉT: Chánh niệm (tr.55) • ĐÀU PHI NAM: Hoa ngâu (tr.56) • ĐÀM CHU VẤN: Nghề đồng nát (tr.56) • HOÀNG ANH TUẤN: Cờ ngũ sắc (tr.56) • HOÀNG VŨ THUẬT: Gửi mẹ (tr.57) • HỒNG THANH QUANG: Lục bát nửa đêm (tr.57) • LÊ QUỐC HÂN: Có thể & không thể (tr.58) • NGUYỄN HÙNG: Chùm lục bát hai câu (tr.58) • LÃNG HỒNG QUANG: Đêm về làng (tr.59) • TRẦN ĐỨC CUÔNG: Thơ viết trên mái nhà (tr.60) • ĐÌNH HÀ: Đoàn khúc tháng Hai (tr.60) • CHUỖNG THANH PHONG: Vẫn còn (tr.61) • NGUYỄN ĐỨC CỎ: Gái Lường (tr.61) • TRẦN THẮNG: Giới hạn (tr.62) • TRỊNH ĐÌNH NGHỊ: Tháng Giêng (tr.62) • PHAN THÀNH: Đò đưa - Em gửi tình về bến mơ (tr.63) • TRIỆU HUỆ QUÂN - QUỐC VIỆT: Dòng sông ký ức (tr.64)	
■ TẢN VẤN	
TRỊNH THU TUYẾT	“Ngồi thế này thôi, làm gì đâu...”!65
■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ	
PHẠM XUÂN CẦN	Nguyễn Đức Giăng, một nhà báo, nhà văn viết bằng tiếng Pháp68
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM	
PHƯƠNG ANH: Giếng nước và Mạch nước ngầm (tr.78) • DƯƠNG HUY: Bắt nắng (tr.79) • LÊ KIỂU HÙNG: Cún con chăm học (tr.80) • LÊ THỊ XUÂN: Cháu là đôi mắt của ông (tr.80) • NGUYỄN THỊ QUỲNH SEN: Gôm (tr.80)	
■ KÝ SỰ NHÂN VẬT	
NGÔ ĐỨC HÀNH	Nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ, nhớ thương xa vời.....81
■ ĐỌC VÀ NGẮM	
HỮU BẮNG SƠN	Chú thỏ thông minh86

■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH	
HUỆ HƯƠNG HOÀNG	Sự chân thật của thơ87
■ SỔ TAY NGHỀ VĂN	
HỒ ANH THÁI	Thiếu tự nhiên95
■ CHÂN DUNG HỘI VIÊN	
TRẦN HỮU VINH	Nhớ một người thơ của thiên nhiên96
■ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI	
HOÀNG XUÂN THƯỜNG (dịch)	Thơ Wisława Szymborska98
■ MỸ THUẬT: TẠ TÂM, ĐÌNH TRUYỀN, BẢ SIẾU, NGUYỄN MINH, TRÀ GIANG, NGUYỄN PHAM ANH THU, ĐẶNG TIẾN, HỒ THIẾT TRINH, PHAN TẮT LÀNH.	
■ ẢNH: CẢNH YÊN, THANH HẢI, PHAN TẮT LÀNH, HỒ CHIẾU, NHẬT THANH, THÀNH VINH, QUỐC ĐÀN, QUỐC KHÁNH.	
■ BÌA 1: HỒ MINH HÙNG: Hoa gạo tháng Ba • BÌA 2: TRỌNG HIỆP, TẠ TÂM, HOÀNG HẢI THỌ, BẢ SIẾU • BÌA 3: QUỐC KHÁNH, QUANG DŨNG, HỒ NHẬT THANH, NGUYỄN ĐẠO, SÁCH NGUYỄN • BÌA 4: NHẬT THANH, QUỐC ĐÀN, QUỐC KHÁNH, HỒ CHIẾN, SÁCH NGUYỄN.	

Thư Sông Lam

*X*hững náo nức hội hè của ngày cuối Xuân đã nhường chỗ cho những lo toan dịch bệnh. Nhưng rồi, chúng ta đã học, đã quen với cách “sống chung”, đã không còn sợ hãi. Suy cho cùng thì sự sợ hãi chỉ là khi chúng ta chưa biết rõ về nó.

Và thay bằng những bình yên năng giá, thì trên trái đất này đang nóng dần câu chuyện vũ khí, chiến tranh, những thành phố tan hoang, những dòng người di tản, những lợi ích quốc gia bị xâm hại, rồi giá vàng, giá xăng phi mã... Mọi biết, thế giới vẫn đầy bất ổn, và lòng người cũng khôn cùng những chông gai dựng đứng...

Nhưng, sự thực thì vẫn là nắng là gió đó thôi. Thiên nhiên vẫn này chồi, đâm lộc, thời gian vẫn chảy trôi và khoáng đạt, không biết đến bom đạn, không biết tới cường quyền. Để nhắc chúng ta sao lại tiêu phí đời mình cho những giận hờn, oán thán, cho những giao tranh đôi bao sinh mạng.

Nhà thiên văn học Carl Sagan trong một bài phát biểu của mình đã nói, trái đất của chúng ta chỉ là một cái chấm xanh nhỏ bé lơ lửng giữa tia sáng mặt trời và chúng ta đã chất lên đó bao nhiêu buồn vui, hạnh phúc và đau đớn... Nếu chúng ta nhìn nó từ vũ trụ, biết đâu, những bạo tàn, tham vọng, những khát vọng cường quyền sẽ dịu lại mà nhường chỗ cho yêu thương?

Tạp chí Sông Lam số tháng Ba mong mọi sẽ đem lại phút “sống chậm” cho bạn đọc vào những ngày tháng nhiều gian nan này.

BBT TẠP CHÍ SÔNG LAM

Tuổi trẻ, sứ mệnh và những kỳ vọng

NGUYỄN KHẮC AN

C huyện kể rằng: Trong cuộc hội thảo khoa học quốc tế bàn về công tác thanh niên, có một vị giáo sư nổi tiếng đăng đàn, trước hàng trăm cử tọa đang chăm chú lắng nghe, ông phát biểu đầy mạnh mẽ: “Thảm họa của chúng ta là đã sinh ra một thế hệ kế tiếp quá bạc nhược. Thanh niên ngày nay chỉ có quan tâm đến hưởng thụ. Họ dường như không có khái niệm ước mơ và hoài bão. Họ sống ích kỷ, thực dụng và vô trách nhiệm...”. Cả hội trường đang lặng phắc bỗng những tiếng vỗ tay tán thưởng cất lên. Vị giáo sư nọ lại tiếp tục: “Đây không phải là phát biểu của tôi. Đây là nội dung mà các nhà khảo cổ vừa mới phát hiện tuần trước, nó được khắc trên một chiếc bình gốm có niên đại cách đây 1 ngàn năm”. Cả hội trường ngỡ ngàng, tiếng vỗ tay còn lớn hơn ban nãy. Đợi mọi người trấn tĩnh, vị giáo sư nọ mới phân tích: “Thưa quý vị, câu chuyện chiếc bình cổ cho phép chúng ta liên tưởng rằng: Không phải đến tận bây giờ mà từ ngàn năm trước các thế hệ cha ông cũng đã từng nhìn nhận và đánh giá giới trẻ một cách khắt khe như vậy. Nhưng thực tế thì sao? Thật hồng phúc cho nhân loại bởi lịch sử đã chứng minh lớp trẻ vẫn lớn lên, vẫn đầy ước mơ hoài bão, vẫn trở thành những chủ nhân vô cùng xứng đáng của hành tinh đẹp đẽ mà chúng ta đang kế thừa”.

Rất tiếc là người bài viết này đã không có đầy đủ thông tin về cuộc hội thảo thú vị kể trên. Nhân tiện đây cũng xin bạn đọc miễn cho tác giả cái việc truy tìm chiếc

THỜI LUẬN

bình cổ để làm bằng chứng. Rõ ràng hàng ngàn năm qua lớp trẻ đã chưa bạc nhược trước sứ mệnh, sự khác biệt trong nhìn nhận giữa các thế hệ không đáng để sợ hãi. Những đòi hỏi có tính cầu toàn của các bậc cha ông với lớp kế cận là một hiển nhiên. Một sự hiển nhiên được chiết xuất từ trách nhiệm và khát vọng.

Mỗi chúng ta đều may mắn được đi qua một quãng đời có tên gọi là tuổi trẻ, đó không chỉ là ân huệ của tạo hóa mà còn là kỳ vọng của đẳng tối cao. Đừng quá ngạc nhiên nếu một ngày nào đó bạn tìm thấy những bí mật của tương lai được mã hóa ngay trong sự sung mãn của tuổi trẻ. Nói một cách vuông vắn thì tuổi trẻ là báu vật cuộc đời, tuổi trẻ cũng là quặng vàng của xã hội. Chỉ tiếc rằng sở hữu tuổi trẻ là một chuyện, kích hoạt giá trị của tuổi trẻ lại là một chuyện khác. Ở đời không ít kẻ nhớn nhor, đến khi nhìn “gương chiếu hậu” mới giật mình tá hỏa nhận ra tuổi trẻ đã không còn. Benjamin Franklin gọi họ là những người “chết ở tuổi 25 nhưng đến 75 tuổi mới được chôn”. Lãng phí tuổi trẻ xứng đáng là thứ lãng phí khủng khiếp và tội lỗi nhất. Ở mỗi cuộc đời, tuổi trẻ là thứ không bao giờ có thể gia hạn.

Người ta không hề vô cớ khi so sánh tuổi trẻ với mùa Xuân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: *“Một năm khởi đầu từ mùa Xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa Xuân của xã hội”*. Nữ thi sĩ Xuân Quỳnh cũng đã “cân” tuổi trẻ với mùa Xuân trong 2 câu thơ *“A mùa Xuân như cầm được trên tay/ Và tuổi trẻ vẫn muôn đời tiếp nối”*. So sánh mùa Xuân và tuổi trẻ không chỉ là sự tinh tế đơn thuần về mặt văn học. Nếu chịu khó tra cứu, chúng ta cảm giác như đẳng tối cao đã chọn “cặp bài trùng” này giao trọng trách cho ngài. Danh ngôn phương Tây có câu rằng: *“Ngày mà Thượng đế tạo ra hy vọng có lẽ cùng một ngày ngài tạo ra mùa Xuân”*. Rất nhiều người trẻ đã làm nên mùa Xuân, rất nhiều chiến công được tạo nên trong mùa Xuân, và tất nhiên, rất nhiều hi vọng được thấp lên từ mùa Xuân.

Thời đại nào, quốc gia nào, hoàn cảnh nào thì thế hệ trẻ cũng là tấm gương phản chiếu tương lai. Thanh niên là tiên phong, là rường cột. Lần giở lịch sử nước nhà, chúng ta không khó để tìm thấy những hình ảnh oanh liệt đó. Năm 1285, Trần Quốc Toản vừa tròn 16 tuổi, cầm thù giặc tay bóp nát quả cam, tự thành lập đạo quân hơn 1000 binh sĩ giương cao lá cờ thêu sáu chữ vàng “Phá cường địch, báo hoàng ân” đánh đuổi giặc Nguyên, góp phần làm nên những chiến thắng. Hay như người anh hùng áo vải Quang Trung, tuổi 20 đã cầm quân ra trận “Mấy lần đánh đuổi quân Xiêm giặc Tàu”. Một thiên tài quân sự bách chiến bách thắng. Anh hùng hào kiệt tuổi hai mươi thì đời nào cũng có, mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, họ luôn luôn là những dũng sĩ tuyến đầu.

Nói tiếp cha ông, lịch sử hiện đại lại xuất hiện biết bao tấm gương, họ dường như làm nên những điều vĩ đại bằng chính bầu nhiệt huyết của thanh niên. Những bậc tiền bối cách mạng như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai... đều dấn thân cho lý tưởng ở lứa tuổi hai mươi. Người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng

năm 21 tuổi. Lý Tự Trọng trước mặt quân thù đã đánh thép tuyên bố: “Tôi chưa đến tuổi thành niên thật, nhưng tôi đủ trí khôn để hiểu rằng con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng và không thể là con đường nào khác”. Trong các cuộc kháng chiến vệ quốc, hàng vạn tấm gương đã anh dũng dâng hiến tuổi thanh xuân cho lý tưởng độc lập, tự do. Họ là Võ Thị Sáu, là Lê Anh Xuân, là Phan Đình Giót, là Nguyễn Văn Trỗi, là Đặng Thùy Trâm, là Lê Thị Hồng Gấm, là Lê Đình Chinh... Chính tinh thần yêu nước và lý tưởng cách mạng của họ đã hòa chung nhịp đập biên cương, kết nên những vòng tròn bất tử trên từng quần đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Khi đã xua tan mùi khói súng, lớp trẻ lại bươn lên tuyến đầu tái thiết non sông. Dù bất cứ ở đâu, dù bất cứ việc gì, dù áo lính xanh, hay blu trắng thì tuổi trẻ vẫn xứng đáng là những nhân tố tiên phong. Hàng triệu công trình được cất lên, hàng triệu việc làm được lấp trống, hàng triệu đơn vị máu được hiến dâng. Họ xuất hiện trong топ thứ nhất trong hành trình đến với cuộc cách mạng 4.0. Họ xuất hiện ngay tuyến đầu trong cuộc chiến chống Covid - 19. Họ có mặt sớm nhất nơi thiên tai, bão lụt hiểm nguy. Và trong số đó, có những người mãi mãi không về. Họ hi sinh vì Tổ quốc, vì Nhân dân. Đó là những đóng góp không ai có thể phủ nhận.

Cái tuổi trẻ dồi dào là năng lượng và nhiệt huyết. Cái tuổi trẻ khuyết thiếu là trải nghiệm và bài học. Không có tuổi trẻ thì dễ bắt thành, nhưng phó mặc cho tuổi trẻ thì dễ bất ổn. Cách đây mấy năm, một vị lãnh đạo cấp tỉnh đã có một phát biểu khá thú vị: “Với thể hệ trẻ chúng ta phải có 4 chữ “tin, giao, tạo, cổ”. Ông giảng giải: “Tin ở đây là tin tưởng. Lâu nay chúng ta thiếu lòng tin vào thể hệ trẻ. Đối xử với thanh niên như những người chưa trưởng thành, áp đặt tư duy của thể hệ đi trước chồng lên suy nghĩ của thanh niên. Đó là sai lầm. Còn chữ “giao”, xin nói rõ giao chứ không phải là dao, nó là động từ! Là giao việc, giao trách nhiệm, giao cơ hội, giao thách thức. Không dám giao cho thanh niên thì làm sao hiểu được thanh niên, làm sao đánh giá được thanh niên, làm sao khơi dậy được thanh niên. Đó là thiếu sót. Chữ thứ ba là “tạo”, tạo ở đây là tạo điều kiện, tạo cơ hội cho thanh niên. Sẽ là vô cùng khó khăn nếu thanh niên không được tạo điều kiện, tạo cơ hội, tạo môi trường. Bốn phận của các thể hệ đi trước và cả trách nhiệm của chính thể hệ trẻ là tạo ra các không gian cơ hội để thỏa mãn hoài bão, để hiến dâng. Và cuối cùng, chữ “cổ” ở đây là cổ vũ! Đã tin thanh niên, đã dám giao cho thanh niên và đã tạo cơ hội cho thanh niên thì cũng cần cổ vũ, động viên khích lệ thanh niên”.

Bàn về thể hệ trẻ chắc nhiều người chưa quên lời nhận xét của Hồ Chí Minh: “Đoàn viên thanh niên ta nói chung là tốt”. Là chỉ “nói chung” thôi. Nếu “nói riêng” thì vẫn còn nhiều thứ lắm. Mỗi ngày vào mạng chúng ta không thể không bận lòng với bao câu chuyện xấu xí liên quan đến bạn trẻ. Một bộ phận sống hời hợt, thờ ơ, vô cảm. Thiếu bản lĩnh, nghèo ước mơ và mất niềm tin. Không ít bạn

THỜI LUẬN

trẻ sống thụ động, đòi hỏi, lười nhác và trông chờ ỷ lại... Đó là những “khối u” có thể chưa thành “ác tính” nhưng cần phải phẫu thuật để loại bỏ. Không ai hiểu tuổi trẻ bằng tuổi trẻ. Cũng không ai thay tuổi trẻ để khắc phục sai lầm của tuổi trẻ. Nhà văn Tô Hoài từng có một câu tuyệt hay rằng “Những gã xốc nổi thường lầm cứ chỉ ngông cuồng là tài ba”. Hãy dừng lại, đó là sự lựa chọn đúng đắn duy nhất, đó là mệnh lệnh xã hội!

Tôi không đủ khôn ngoan để răn dạy các bạn trẻ. Nhưng nếu có thể, bạn hãy nghe lời đúc kết của tỷ phú Jack Ma, một trong những thần tượng đương đại của không ít người trẻ: “Thất bại là gì? Bỏ cuộc là thất bại lớn nhất! Kiên cường là gì? Một khi bạn đã kinh qua gian khó, uất hận và thất vọng, chỉ khi đó bạn mới hiểu được kiên cường là gì! Nghĩa vụ của bạn là gì? Là siêng năng hơn, chăm chỉ hơn, và tham vọng hơn! Chỉ kẻ ngu mới dùng miệng để nói. Người thông minh dùng trí óc, và người sáng suốt dùng trái tim”. Cảm ơn Jack Ma.

Ai đó từng nói, đời người thực chất chỉ có 3 ngày là ngày hôm qua, ngày hôm nay và ngày mai. Hãy nhớ ngày hôm qua, hãy nỗ lực ngay ngày hôm nay để làm nên ngày mai. Tháng Ba đã về, tháng của thanh niên, tháng của lực lượng hùng hậu trẻ trung chiếm đến một phần tư dân số. Chúc mừng những người trẻ, các bạn vinh dự bởi đang nắm trong tay mùa Xuân của xã hội. Hãy hành động, sứ mệnh thuộc về các bạn, tương lai cũng thuộc về các bạn! Hy vọng trong tương lai sẽ không có lời phàn nàn nào được khắc lên bình gốm nữa.



Khi người trẻ viết những điều “nóng hổi” và câu chuyện văn chương thời đại 4.0

■ Năm 2022 mở màn với sự rộn ràng của làng Văn, đánh dấu một năm khởi sắc và nhiều bước đột phá theo hướng phát triển mới phù hợp thời đại 4.0. Giải thưởng Tác giả trẻ được tổ chức lần đầu tiên, ghi đậm dấu ấn dẫn thân và khai phá của các nhà văn trẻ thuộc thế hệ 9X. Văn trẻ đang dần dà góp tiếng nói mạnh mẽ, bút phá, lan tỏa sâu rộng đến công chúng bạn đọc nhờ sự bám sát thực tiễn cuộc sống và không ngại thọc sâu vào đề tài nóng của một lực lượng viết trẻ năng động.

Cuộc trò chuyện của nhà văn trẻ Tống Phước Bảo (cộng tác viên của Sông Lam) với những cây viết cùng trang lứa hy vọng sẽ mang đến cho bạn đọc những giây phút thú vị về hành trình của họ đến với văn chương và khát vọng của họ trong từng tác phẩm.

Khi hiện thực nóng rẫy thôi thúc người viết trẻ

Nhà văn Tống Phước Bảo (T.P.B): Thưa các anh, chị, hôm nay, tôi xin đóng vai là người đi tìm lời đáp cho câu hỏi: “Nhà văn trẻ mang gì trong xã hội vào tác phẩm của mình?”, rất mong nhận được chia sẻ của các anh, chị với bạn đọc Sông Lam!

Nhà văn Phan Đức Lộc (một chiến sỹ công an vừa đoạt giải Cây Bút Vàng do Nhà xuất bản CAND và Chi hội Nhà văn Công an tổ chức trong 3 năm giai đoạn 2018-2021): Tôi thường dành nhiều sự quan tâm cho các vấn đề liên quan đến tình hình an ninh,

trật tự, nhất là trong giai đoạn dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến vô cùng phức tạp. Điều đó khiến tôi trăn trở nhiều. Có một nhà văn từng nói với tôi rằng, dù viết về bất cứ đề tài nào, kỹ thuật hiện đại, bút pháp cách tân mới mẻ ra sao thì tác phẩm cũng phải bám rễ và thăng hoa từ chính hiện thực. Đúng thật vậy, hiện thực nóng rẫy ấy đang thôi thúc tôi dẫn thân sống và viết.

Nhà báo - nhà thơ Lữ Mai (hiện đang công tác tại báo Nhân Dân, có nhiều tác phẩm thơ đoạt giải thưởng từ các cuộc thi vừa được tổ chức như Nhân nghĩa đất phương Nam, Sống và hy vọng): Theo tôi, có rất nhiều đề tài để người viết có thể quan sát, thể hiện. Đó có thể là những câu chuyện ký ức, hiện tại đầy ấn tượng, ám ảnh diễn ra xung quanh bạn được cảm nhận ở góc nhìn của riêng mình. Cũng có thể là những đề tài lớn, mang tính bao quát đã và đang ảnh hưởng sâu rộng tới đời sống con người ở mọi mặt, thậm chí để lại dư chấn tới tận những thế hệ sau. Đó là lý do tôi chọn cách tiếp cận, khai thác đề tài về chủ quyền biên giới, hải đảo của Tổ quốc; hành trình tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; đại dịch Covid-19... Trước những đề tài nóng hổi, tôi luôn sẵn sàng một ý chí dẫn thân bất kể rằng sau đó có thể cho ra đời tác phẩm hay không. Chẳng hạn, có cơ hội lên biên giới, đi Trường Sa tôi sẽ nhanh chóng lên đường và nhập cuộc sôi nổi. Tôi, thời sinh viên hay bây giờ, là hơn 10 năm sau, lúc nào cũng nguyên niềm hăng say đó. Đây cũng là quan điểm làm việc và sáng tạo của tôi. Chúng ta hãy lên đường, hãy nhập cuộc, hãy đặt mình vào một phần của câu chuyện, của những điểm nóng... trước khi đặt bút viết nên những tác phẩm cụ thể.

Nhà văn Vũ Đức Anh (một cây viết dòng trình thám, gặt hái những giải thưởng như giải Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống - lần thứ 4, giai đoạn 2017-2020): Có rất nhiều những biến đổi cả ngầm lẫn trên bề mặt của Việt Nam đương đại bao gồm các yếu tố truyền thống, ngôn ngữ, khác biệt thế hệ. Tôi từng nói trong một vài buổi tọa đàm, chúng tôi quan tâm đến cấu trúc tinh thần của những người Việt Nam ở thời đại này. Viết là sắp xếp lại thế giới theo một cái lẽ riêng của văn chương. Các “đề tài nóng” cũng là một yếu tố trong đó. Nhưng đôi khi không phải quan trọng nhất. Chúng tôi có dẫn thân chứ: tôi sống, tham gia nhiệt thành vào dòng tiền và hệ thống kinh tế xã hội như một mắt xích năng động của nó. Đối với tôi, ta luôn tìm thấy chính mình ở những khung cảnh bên ngoài: trong một trạng huống cụ thể của đời sống, chúng ta mới bộc lộ được hết bản năng và ham muốn tiềm ẩn. Và trong những giao kèo, làm ăn, đối ngoại, ta nhìn thấy bản chất của con người, những xung năng của họ. Nhưng văn chương thì không nên bao quát, văn chương có lẽ nên đi vào một chuyển động nhỏ để nhìn thấy cái lớn hơn, vì vậy việc của người viết hẳn là chọn một đề tài, một điểm nhìn: nhìn vào một thứ, nhìn thật lâu để nó lộ ra hết cái lý lẽ tồn tại của nó, nó sẽ kể cho ta một điều huyền bí trên mặt đất này, khi đó ta có được văn chương.

Tiến sĩ Ngữ văn Hà Thanh Vân: Tôi cho rằng những người viết trẻ bây giờ là một thế hệ viết rất thú vị. Họ sẵn sàng dẫn thân vào những đề tài nóng: những vấn đề tiêu cực của xã hội hiện tại, vấn đề giới tính, tình dục, vấn đề dịch bệnh... với ngôn ngữ hiện đại và hậu hiện đại, sắc sảo và cái nhìn rất

riêng của thế hệ trẻ, đồng thời tốc độ sáng tác cũng rất nhanh. Sự dẫn thân này cho chúng ta có quyền hy vọng vào một thế hệ thành công tiếp theo của văn chương Việt. Bên cạnh đó vẫn có một bộ phận tác giả trẻ sáng tác theo kiểu truyền thống hơn, ngôn ngữ, phong cách sáng tác ít thay đổi so với các thế hệ trước. Tôi cho rằng đây là điều bình thường và càng cho thấy sự phong phú, đa dạng của các khuynh hướng sáng tác. Và tôi cũng cho rằng chính vì sự đa dạng, phong phú của các khuynh hướng sáng tác này đã đáp ứng và thỏa mãn được nhu cầu đọc của mọi tầng lớp độc giả. Còn về phía các nhà phê bình khác thì tôi không dám phát biểu thay cho họ. Nhưng nếu phải phát biểu ý kiến của cá nhân tôi, tôi sẽ nói là: tôi khâm phục và tin vào các tác giả trẻ bây giờ.

Văn chương mạng và những trái chiều

T.P.B: Văn học trẻ bây giờ phát triển và đạt được sự lan tỏa sâu rộng ngoài sự dẫn thân của người viết trẻ, một phần cũng nhờ vào kỷ nguyên mạng phát triển. Chính các mạng xã hội mới là nơi các tác giả trẻ lan tỏa tác phẩm của mình đến khắp mọi vùng miền, khắp mọi ngõ ngách. Thời đại toàn cầu hóa, văn chương theo đường mạng xã hội ít nhiều dễ dàng tiếp cận công chúng ngày nay. Một tác giả dễ dàng công bố đứa con tinh thần của mình hơn so với cách truyền thống đăng báo hoặc in sách. Đối tượng bạn đọc tiếp cận cũng đa dạng và phong phú hơn. Từ đó có những phát hiện thú vị, tuy nhiên cũng không ít những tác phẩm trái chiều dư luận, gây ra nhiều làn sóng bút chiến xôn xao. Các anh, chị nghĩ gì về điều này?

Nhà thơ Lê Vi Thủy: Nhiều tác giả biết cách sử dụng sự phổ biến của những trang mạng xã hội để quảng bá, lan tỏa những tác phẩm của mình đi xa hơn, rộng rãi nhiều người biết hơn. Ngoài ra, các trang văn chương trên mạng xã hội cũng lan tỏa mạnh mẽ hơn, làm cầu nối giúp cho những tác giả vô danh trở nên nổi tiếng, có thể kể đến như trang Quán Chiêu Văn, với hàng ngàn thành viên và các cuộc thi chất lượng, được đông đảo bạn đọc yêu mến văn chương tham gia. Tuy nhiên, mạng xã hội cũng có tính hai mặt, khi một vấn đề khởi xướng sẽ có nhiều luồng dư luận khác nhau được đặt ra, tương tự một tác phẩm cũng có thể được nâng lên hạ xuống theo đám đông, có những tác phẩm được tung hô trong hôm nay nhưng ngày mai lại bị dân cư mạng quay lưng ngay lập tức. Chính vì vậy chỉ có những tác phẩm thật sự có giá trị, không dùng chiêu trò thì mới có thể vượt qua rào cản của dư luận đa chiều như hiện nay để sống trong lòng độc giả. Đứng trước một dư luận trái chiều thì bản thân phải có một cái đầu tỉnh để không bị ảnh hưởng và a dua ném đá một tác phẩm hay một con người trước những cơn sóng cồn của dư luận.

Tiến sĩ Ngữ văn Hà Thanh Vân: Mạng xã hội là cách thức nhanh nhất, đơn giản nhất, tiện lợi nhất để xuất bản tác phẩm văn chương và cũng là nơi nhanh nhất để độc giả tiếp cận. Ngoài ra không gian mạng có tính thực tế và phổ quát trong việc nâng cao trình độ cho người viết trẻ. Internet đã mang lại cho người viết trẻ những lợi ích văn học, văn hóa thực tế. Tác giả trẻ ngày nay có thể dễ dàng tiếp cận với những giá trị văn hóa, kiến thức về các môn học (lịch sử, địa

lý, toán học, vật lý...), biết về những cảnh quan du lịch, danh lam thắng cảnh, lễ hội, phong tục văn hóa của các dân tộc... nhờ những kiến thức được truyền tải rộng rãi trên Internet. Cùng với những điều đó dĩ nhiên không thể thiếu những kiến thức văn chương, những tác phẩm văn chương có thể được tìm thấy dễ dàng trên Internet. Song song đó, sự nhanh chóng và cập nhật thông tin thời sự chính trị, xã hội, văn chương... mà trước kỷ nguyên Internet, chúng ta phải mất nhiều thời gian mới thu nhận được. Ngày nay, với Internet, tác giả trẻ có thể cập nhật nhanh chóng, dễ dàng, chỉ trong giây lát sau khi sự kiện đó xảy ra, từ đó tác động trực tiếp đến nội dung sáng tác của các tác giả trẻ, giúp họ nhạy bén, thực tế hơn trong các đề tài sáng tác. Không chỉ là giao lưu, tiếp xúc, mà những người sử dụng Internet đã tạo ra một sự nối kết, giao lưu từ nhiều nền văn hóa, nhiều cấp độ văn hóa, thông qua một ngôn ngữ chung: ngôn ngữ trên mạng. Người tham gia Internet có thể đến từ nhiều vùng miền, quốc tịch khác nhau, trình độ văn hóa khác nhau, nhưng họ có thể có chung mối quan tâm đến những vấn đề văn chương, và gặp gỡ trên mạng để thảo luận, trao đổi, qua đó có thể học hỏi, hiểu biết thêm về tri thức văn chương của nhau. Ngoài ra còn tạo được sự công khai và bình đẳng trong việc xuất bản và tiếp nhận văn chương trên không gian mạng. Tác phẩm văn chương trên mạng là công khai, là nguồn tri thức chung mà ai cũng có thể tiếp cận, tất nhiên là sau khi đã chọn lọc, gạn đục khơi trong. Mọi độc giả đều có thể tiếp nhận tác phẩm văn chương với tâm thế bình đẳng như nhau và với những quan điểm khác nhau.

Bên cạnh đó, mạng xã hội và sự kết nối online của thời đại 4.0 cũng có không thiếu những khía cạnh tiêu cực đối với sáng tác của các tác giả trẻ như lượng thông tin khổng lồ từ mạng xã hội trong đó tốt xấu, thật giả lẫn lộn có thể làm cho nhiều tác giả trẻ chìm đắm và thiếu đi khả năng phân biệt đúng sai từ đó làm ảnh hưởng đến nội dung sáng tác cũng như tư duy sáng tạo. Do vậy, một nhận thức và tâm thế tiếp nhận tỉnh táo, khách quan là rất cần thiết cho các tác giả trẻ. Hay sự nổi tiếng trên mạng xã hội và sự hâm mộ của công chúng cũng có thể là con dao hai lưỡi, một mặt, đó là thước đo cho thành công của tác giả đối với công chúng, mặt khác, lại dễ khiến các tác giả trẻ sa vào ảo tưởng với thành công của chính mình, từ đó dễ lệch lạc hay dừng lại, tự thỏa mãn với sáng tác của bản thân, không thay đổi, không tự làm mới mình. Mạng xã hội là nơi thuận tiện để gây sự chú ý, song cũng có những chiêu trò văn chương từ phía nhiều tác giả để lợi dụng văn chương vào những mục đích khác, mang màu sắc tiêu cực, hay thậm chí là nơi diễn ra những hành vi phản văn chương: nói xấu, mạ sát lẫn nhau khi không cùng quan điểm sáng tác, tiếp nhận...

Nhà văn Phát Dương (người tham gia sinh hoạt trên nhiều hội nhóm văn chương cộng đồng mạng, cũng là cây bút trẻ của miệt đồng bằng Cửu Long gặt hái nhiều giải thưởng văn chương, gần đây nhất là giải Ba cuộc thi Làng Việt thời hội nhập của báo Nông thôn ngày nay phối hợp cùng Hội Nhà văn Việt Nam và Ban Văn học Nghệ thuật VOV6 tổ chức): Về những cuộc “bút chiến”, những xôn xao trái chiều, tôi gọi vui đó là những “drama”, và giới trẻ hay đùa rằng “hít drama thì bổ phổi”. Dĩ nhiên là một

người viết, tôi có quan tâm đến những vấn đề xoay quanh việc viết lách bao gồm dư luận trái chiều, về cả tôi và mọi người. Một mặt, tôi quan sát để nhìn nhận những cái chưa tốt, chưa hay để rút kinh nghiệm và thay đổi. Một mặt khác, tôi củng cố quan điểm của mình về chuyện không ai có thể chiều lòng tất cả mọi người, cái gì không đúng thì mình lờ đi. Nếu cần, mình sẽ lên tiếng. Những xô xao không xấu. Nó còn có thể gọi là thước đo nhân cách, đo theo và đánh giá người viết, hoặc ủng hộ và ca ngợi họ. Nhưng những xô xao đầy ý đồ, trục lợi và mang tính công kích cá nhân thì tốt nhất nên tránh xa. Thông qua dư luận, ta cũng có thể biết được xã hội đang quan tâm những gì, để có những thông tin phù hợp phục vụ cho câu chuyện mình muốn viết.

Giữ cái tôi chính mình trong “nét đẹp thi ca”

T.P.B: *Rất nhiều trang văn chương trên mạng xã hội được tác giả tìm đến tham gia, rồi đăng những tác phẩm của mình như Quán Chiêu Văn, Tản Văn Hay... Một số trang văn online này đã tạo được uy tín từ việc duyệt bài cho đến tổ chức hoạt động mục đích rõ ràng như tổ chức các cuộc thi, lựa chọn bài in sách, hoặc cũng là nơi tin cậy để một số báo, tạp chí, nhà đài tìm đến lựa chọn bài vở cho chuyên mục của mình. Tuy nhiên, cũng có những trận bút chiến căng thẳng trên cõi mạng của làng Văn gây nên sự ảm ỉ và kéo theo những dư luận không hay như câu chuyện chiếc bánh chưng được mang ra ví von xóc xĩa từ một trang mạng cá nhân dẫn đến cuộc bút chiến đầu Xuân rôm rả. Vậy làm sao để người viết đặc biệt là lớp nhà văn trẻ biết được đâu là giới hạn của ngòi bút để vẫn giữ được cái “tôi” văn chương của mình, vẫn sáng tạo điều mới mẻ, tạo một khuynh hướng độc đáo mà vẫn đảm bảo “nét đẹp thi ca”?*

Nhà văn Phan Đức Lộc: Tôi chọn sống lặng lẽ, viết âm thầm. Lặng lẽ mà vẫn mãnh liệt. Âm thầm mà vẫn quyết liệt. Khai phá tận cùng chính nội tại và học hỏi những điều mới lạ. Tôi tạo những tác phẩm độc đáo, sắc nét, và riêng biệt của cá nhân mình. Đó chính là cá tính con người và văn chương của tôi mà từng ngày tôi đang cố gắng trau chuốt, hoàn thiện để trở thành phiên bản ổn nhất của chính mình.

Nhà văn Vũ Đức Anh: Tôi nhập cuộc với cuộc đời, ngẫm nghĩ và chọn lọc cái gì có thể tốt cho câu chuyện của mình. Tôi nghĩ văn chương viết bằng tiếng Việt có một bí mật đó là cái nhịp và thanh điệu. Khi tôi viết tôi thường đọc lên để kiểm tra nhạc tính của nó. Tôi để mình tự nhiên chuỗi theo giai điệu bản năng của mình, nó luôn dẫn tôi đi đến đúng chỗ. Cái đó rất quan trọng để bạn có những độc giả trung thành. Tôi cũng không bao giờ từ bỏ phong cách kể chuyện của mình: câu chuyện phải li kì và có thắt mở, và có những xâu chuỗi cuối cùng.

Nhà văn Phát Dương: Tôi nghĩ đây là một câu hỏi rất khó trả lời, bởi chỉ có sự dần dần và thời gian mới là câu trả lời chính xác và trọn vẹn nhất. Những mới mẻ và cá tính luôn cần tìm tòi, xây dựng, và bút phá. Đôi khi, cần đập bỏ những rào cản để xây dựng lại nữa - đây là một việc cực kì nguy hiểm, lúc này lằn ranh giữa sáng tạo và hỗn tạp mỏng như sợi khói. Phải có kiến thức, tinh thần vững vàng không ngừng cố gắng, không ngại thay đổi, không ngại sai và sửa sai, mới có thể làm

được. Với tôi, tôi chọn cách an toàn hơn, tôi cài khóa an toàn cho mình bằng kiến thức và cảm giác về “cái đẹp”. Nghĩa là, tôi sẽ không đi sâu vào những điều tôi không biết để tránh ba hoa sai lầm về chúng; và tôi cũng tránh những thứ quá mới mà bản thân tôi cảm thấy không yêu thích và không “đẹp”. Dĩ nhiên tôi cần học và cố gắng rất, rất nhiều. Có sao đâu, tôi tin thử thách càng nhiều, những cây bút trẻ sẽ càng có đà để bật lên mạnh mẽ.

Nhà thơ Lữ Mai: Trong quan điểm của tôi, năng lực và đạo đức là những yếu tố quan trọng với mọi nghề nghiệp. Nghề viết cũng vậy. Khi chúng ta sống và viết, hãy phát huy tối đa năng lực của mình và giữ trọn vẹn nhất đạo đức nghề nghiệp. Chỉ có như vậy những tác phẩm mới truyền tải được giá trị nhân văn, lan tỏa tích cực và có sức sống lâu bền. Còn về cái tôi thì tôi nghĩ đôi khi không nhất thiết chúng ta phải khua khoắng, ồn ào lên cốt để thể hiện một điều gì đó mà hãy đắm sâu, lắng nghe, nghĩ ngợi nhiều hơn. Ta hãy khai thác cái “vía quặng” trong thăm sâu chính con người chúng ta bằng chiều sâu trải nghiệm và suy tưởng. Về đẹp cũng từ đó mà vụt sáng, mà khác lạ, long lanh...

Tiến sĩ Ngữ văn Hà Thanh Vân: Theo tôi cần phải đáp ứng các tiêu chí sau: Thứ nhất là trình độ đọc, nhận thức ứng xử của tác giả và độc giả phải được nâng cao, kèm theo đó là một tư duy rộng mở, văn minh, biết chấp nhận những gì khác biệt so với chuẩn mực của cá nhân mình. Chúng ta chấp nhận có nhiều kiểu độc giả thuộc mọi tầng lớp và mọi tác giả có phong cách sáng tác khác nhau, không thể đánh đồng hay bắt buộc mọi người phải chấp nhận mình, song chúng ta phải có sự tôn trọng những quan điểm, nhận thức và phong cách sáng tác khác nhau, chấp nhận sự song song cùng tồn tại của chúng. Tiêu chí thứ hai lại có liên quan đến tiêu chí thứ nhất, đó là muốn có được sự cởi mở, tôn trọng mọi sự khác biệt, mọi khuynh hướng thì bản thân mỗi độc giả hay tác giả nên hướng ra bên ngoài, nhìn xem thế giới bên ngoài như thế nào, từ đó soi chiếu lại bản thân mình. Nói một cách khác hơn, một nền văn chương cởi mở chấp nhận mọi khuynh hướng cũng phải là một nền văn chương có sự giao lưu, kết nối với những nền văn chương khác bên ngoài nước để hiểu biết thêm và học hỏi những gì mới mẻ từ thế giới bên ngoài. Dĩ nhiên sự học hỏi này cũng nên được chọn lọc cho phù hợp với mỗi cá nhân độc giả, tác giả và phù hợp với môi trường, hoàn cảnh ở Việt Nam. Tiêu chí thứ ba cũng vô cùng quan trọng, đó là mỗi tác giả và độc giả hãy là người sáng tác và người đọc có trách nhiệm với chính mình và với cộng đồng. Đó chính là nhân cách văn chương của người sáng tác và người đọc. Mỗi tác giả văn chương khi sáng tác nên hiểu về trách nhiệm của bản thân để thận trọng viết ra những câu chữ và mỗi độc giả nên là người đọc cởi mở, đồng cảm và khoan dung.

Nhà thơ Lê Vi Thủy: Tôi nghĩ, viết không những chỉ giải tỏa cảm xúc của riêng mình mà sau đó còn là một câu chuyện truyền cảm hứng, sau mỗi trang sách khép lại, người đọc vẫn sẽ nhớ đến câu chuyện, những cảm xúc còn đọng lại trong tâm trí họ. Đó chính là điều tôi muốn và bản thân luôn cố gắng mỗi ngày.

Tổng Phước Bảo (thực hiện)

Từ Phôn Xa Vắn đến Luông Prabăng

NGUYỄN NGỌC LỢI

Trầy trật, nhầm nhe mãi, cuối cùng, sau ba năm, chúng tôi cũng có chuyến đi Luông Prabăng để đón tết Bunpimay (tết năm mới của Lào). Văn nghệ sỹ huyện mà xuất ngoại, cũng oai ra phết. Nói nhầm nhe trầy trật là bởi đi theo tour mất quá nhiều tiền. Cuối cùng mới nghĩ ra phương án, ai đi thì tự làm lấy hộ chiếu, đóng tiền rồi thuê xe, thuê hướng dẫn. Đoàn có 10 người, xuất phát từ Quỳnh Lưu rồi ngược đường số 7. Ăn trưa tại Mường Xén, Kỳ Sơn, tối ngủ ở Phôn Xa Vắn.

Phôn Xa Vắn được qui hoạch và xây dựng mới giữa cao nguyên Xiêng Khoảng bằng phẳng, mênh mông. Đồi thấp nhấp nhô trơ trụi. Trơ trụi hoang tàn bởi nơi đây đã phải hứng chịu biết bao nhiêu bom đạn của hai cuộc chiến tranh tàn khốc. Xa xa là những đồi cỏ, và xa nữa là núi cao trập trùng... Đường phố rộng rãi, thưa người, thưa xe nên càng như dài rộng thêm. Sau khi ăn sáng ở khách sạn Mê Kông của người Việt (do Quân khu 4 Việt Nam đầu tư xây dựng), đoàn đi thăm Cánh đồng chum. Thời tiết đẹp. Cánh đồng chum với những đồi cỏ mượt mà, vài đoàn khách tham quan lác đác vì còn sớm. Cánh đồng chum, một địa danh nổi tiếng cả về lịch sử, văn hóa, là nơi giao tranh ác liệt của các bên tham chiến. Sau mấy phút thăm thú, chụp ảnh, đoàn tiếp tục lên đường. Vài chục cây số với những đám rừng thông, những đồi cỏ mượt xanh của vùng bình nguyên, qua huyện Mường Khăm khá đông đúc, bắt đầu vào những đoạn đường chênh vênh khúc khuỷu. Xe hết ngoặt trái lại rẽ phải. Mặt trời lúc bên trái lúc bên phải. Tít dưới thung sâu thăm thẳm là mây, là núi, là khe. Núi lớn, núi nhỏ chất chồng xa tít dưới đáy những lòng chảo khổng lồ. Người yếu thần kinh thì tốt nhất hãy nhắm mắt vừa chống say xe vừa khỏi bị choáng ngợp bởi sự kỳ vĩ của núi non.

Duy chỉ nhà văn Phan Nam ngoài bảy mươi tuổi, héo rũ, hai tay giữ túi ni lông áp sát miệng. Tất cả còn lại đều tỉnh táo và chuyện phiếm đã nổ như ngô rang. Thành phần đoàn, ngoài bác sĩ, nhà thơ Đậu Phi Nam trẻ nhất cũng đã ngoài năm mươi, số còn lại đều từ sáu lăm tới bảy lăm tuổi, người viết văn, người làm thơ, người chụp ảnh nghệ thuật. Chưa hy vọng rằng sẽ có tác phẩm nhưng ai cũng háo hức trước khung cảnh thiên nhiên mới lạ. Tôi chợt nhớ “*Ký sự Thượng Lào*” của nhà văn Hà Đình Cẩn mà mình đã đọc. Vùng đất này, những khoảng rừng kia đã vang rền tiếng súng, vang rền tiếng bom pháo trong những trang viết của anh. Những năm bảy mươi của thế kỷ trước, các sư đoàn bộ binh nổi tiếng của Việt Nam từng có mặt sát cánh cùng các đơn vị Pa Thét Lào chiến đấu với các lực lượng phái hữu, với không quân Mỹ, với nhiều tiểu đoàn Thái Lan và lực lượng phi Vàng Pao được Mỹ huấn luyện và nuôi dưỡng trong chiến dịch giải phóng và chiếm giữ Cánh đồng chum. Mật độ bom pháo dày đặc, đánh lớn đánh nhỏ, đánh hợp đồng, đánh du kích. Hà Đình Cẩn kể. Vách núi dựng đứng, vừa thấy bóng bọn phi giương súng bắn bên vách núi, thoát cái đã mất hút rồi lại xuất hiện dưới thung sâu, gây không ít khó khăn và tổn thất cho bộ đội ta.

Đầu tháng Tư dương lịch, đang là thời khắc chuyển giao giữa mùa khô và mùa mưa, tiết trời Lào lúc này chẳng khác mấy ở Việt Nam. Nắng bàng bạc, nhiệt độ vừa phải, mặt trời như ẩn đâu đó, bầu trời như được phủ sương phủ khói. Núi non chất ngất, mờ ảo. Đường 7 lên tới đây đã gần ba trăm cây số. Núi non trập trùng, lâu lâu mới bắt gặp đôi cụm nhà dân bám hai bên đường chênh vênh trên đỉnh núi. Đó là những bản người Mông. Nhà người Mông là nhà đất, rất thấp, mái lợp tranh hoặc tôn, vách thưng gỗ, suốt ngày đóng kín cửa. Nghe nói vùng này, trước đây độ vài chục năm khách đi lại trên đoạn đường này phải rợn gáy. Còn lúc này... không khí thân thiện rất dễ nhận ra từ ánh mắt của những người gặp hai bên đường. Mặt trời đã ngả bóng, quá mười hai giờ, dừng lại ăn trưa tại một quán người Mông. Xem trên máy “định vị”, nơi đây chỉ cách ngã ba Khu Khun độ hơn giờ xe chạy. Bản có độ vài ba chục ngôi nhà vừa gỗ vừa gạch bám trên sống núi. Lùi ra xa là những nhà thấp tè lợp tôn lợp tranh mọc xỉn. Vài quán ăn, tiệm tạp hóa nằm cạnh đường. Chủ quán là một đàn ông người Mông còn trẻ, trao đổi với chúng tôi bằng tiếng Lào Lùm. Lào Lùm là một trong ba nhóm bộ tộc chính ở Lào, có số người đông nhất, giống như người Kinh ở Việt Nam. Tiếp đến là người Lào Thương ở lưng chừng núi. Và cuối cùng là người Lào Xúng, trong đó người Mông ở nơi cao nhất, trên đỉnh núi. Bữa ăn trên đỉnh núi lúc giữa trưa có thịt gà luộc, thịt bò nướng và xôi. Thịt gà thịt bò thì quán có sẵn, riêng xôi, người chủ quán phải đi mua lại của một quán khác. Phương thức kinh doanh của người Mông ở đây cũng khá linh động và mềm dẻo. Họ biết cách cung ứng cho khách du lịch, các món ăn chuẩn bị vừa phải, thiếu đến đâu mua đến đấy... Rượu mang từ nhà sang. Bữa ăn theo kiểu người Lào là dùng tay bốc. Xôi nắm, dùng tay vắt từng cục nhỏ chấm nước chấm, sản phẩm Thái Lan. Thịt cũng dùng tay... Thịt gà, thịt bò Lào thơm ngon, xôi dẻo. Đói, nên ai cũng thấy ngon miệng.

Bỏ qua sự vòng vèo khúc khuỷu, chiếu từ Phôn Xa Vắn, hướng đi sẽ thẳng góc với trục đường 13 nối Bắc xuống Nam Lào tại nơi đây - ngã ba Sala Khukhun.

Ngã ba Sala Khukhun, địa danh nổi tiếng một thời về sự đung độ dai dẳng của tàn quân phi Vàng Pao với bộ đội ta kéo dài suốt nhiều năm sau hòa bình. Biết bao chiến sỹ Việt Nam đã ngã xuống nơi đây và được biết còn rất nhiều người chưa tìm thấy xác. Sala Khukhun, cửa ngõ của cao nguyên Xiêng Khoảng, sống núi nhón hoắt chạy từ hướng đông đâm thẳng vào vách núi án ngữ theo hướng bắc nam đã tạo nên một vị trí quân sự cực kỳ hiểm yếu... Đường số 7, đường số 13 là những con đường độc đạo. Được biết năm 1975, các cánh quân của lực lượng Pa Thét Lào từ Sầm Nưa, từ Xiêng Khoảng kéo về tiếp quản Viêng Chăn đều phải đi qua đây. Ngã ba này đã in dấu chân của vạn vạn người, cả bên này và bên kia, giờ đây đã trở lại bình yên. Dăm bảy năm trước chỉ có mấy ngôi nhà tranh thấp nhỏ và mấy tốp người Mông ngồi bán măng, nấm và một ít sản vật núi rừng, thì hôm nay Khukhun đã là một thị tứ. Một thị tứ trên núi cao, có quán ăn, có hiệu tạp hóa với hàng hóa phong phú và người bán hàng dọc hai bên đường khá đông đúc. Cuộc sống mới như một bức tranh tươi tắn sắc màu theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng đã làm bừng sáng vùng đất thượng du này.

Từ Sala Khukhun, xe ngoặt phải và lại bám vách núi trên đường 13 mà lăn bánh. Ngày mai 13 tháng Tư mới bắt đầu Tết Lào, mà lúc này, mấy khóm nhà bên đường giữa nắng trưa, lác đác đã có những tốp trẻ em với súng phun nước bằng nhựa, với những xô, những can đầy nước đang tưới cười hớn hở. Những tia nước tung vọt cầu vồng long lanh trong nắng nghe náo nức như những tiếng reo vui. Cửa xe đã đóng kín, tha hồ cho những dòng nước phun thẳng vào các tấm kính chắn. Ai cũng đã mệt lử, mệt vì tuổi tác, vì đèo dốc uốn lượn, vì độ cao ù tai và cả vì ăn xôi không quen nhưng mọi người vẫn nhồm dậy vẩy tay hò reo cổ vũ.

Tuy là quốc lộ chính nhưng đường 13 còn hẹp và quanh co uốn khúc. Đường vắng, thì thoảng mới bắt gặp ngược xuôi đôi chiếc xe tải kèn còi, xe bán tải và xe máy chở hai chở ba phóng vùn vụt. Chợt nhớ đường phố Phôn Xa Vẳn rất nhiều loại xe bán tải. Người Lào rất ưa dùng loại xe này bởi nó phù hợp với tập quán canh tác và sinh hoạt của họ. Xe bán tải khỏe và tiện dụng, chở người đi hội, đi sản xuất phù hợp với đường đèo dốc.

Xe chúng tôi tiếp tục lăn bánh trên con đường quanh co. Xa xa, tít dưới thung sâu đôi ba đám khói đốt nương. Chẳng còn rừng già, những dãy núi chất ngất xa tít đã nham nhở những vạt rừng bị đốt trụi, những sườn núi trọc trơ. Người Lào đã bước vào vụ gieo tria mới. Thời tiết Lào có hai mùa mưa, nắng rõ rệt. Mùa mưa bắt đầu vào đầu tháng Tư dương lịch và là mùa gieo tria cấy trồng duy nhất trong năm. Mùa gieo tria, người ta vào rừng bắt trâu về rồi cả làng cả bản kéo nhau vào đồng, lên rẫy. Cấy dầm gieo tria xong để đấy chờ thu hoạch. Thiên nhiên Lào rất ưu ái con người. Núi rừng sông suối lắm sản vật, lắm cá tôm. Điều này quyết định việc hình thành tập quán của người dân. Họ sống thông dong, vui vẻ, cởi mở. Suốt sáu tháng mùa khô là thời gian để người người lên chùa, đi chơi, buôn bán, lễ hội và yêu đương... Văn hóa, những điều được đời sống chất lọc bắt đầu từ cuộc sống như vậy. Mà tập quán sinh sống lại do thiên nhiên, do thời tiết quyết định. Người Lào có câu "Khôn Lào bỏ mặc nhạc". Người Lào ưa sự thanh thản, không thích rắc rối, phức tạp... Tập quán sống từ muôn đời đã

hình thành nên văn hóa Lào, hình thành nên tính cách người Lào, ưa sự phóng khoáng, hồn nhiên. Không bon chen, không tranh giành.

Tính từ lúc ở Sala Khukhun, ba tiếng đồng hồ đã trôi qua mà chúng tôi vẫn cứ quanh co lẩn khuất trong mây tít tận trên núi cao. Dọc đường cũng chỉ gặp đôi ba ngôi nhà kín mít tối om ép mình bên vách núi, dưới tán rừng... Chúng tôi đang ngao du trên chót vót thượng du Lào. Điểm đến đang có sức hút mạnh khiến ai cũng quên cả mệt nhọc. Quãng đường thật là hiểm trở, ngoài sức tưởng tượng. Đèo Hải Vân, đèo Pha Đin... ở Việt Nam cũng chẳng là gì so với ở đây. Đường nguy hiểm, nhưng bù lại phong cảnh hùng vĩ, dễ đưa con người tới những cảm giác choáng ngợp trước thiên nhiên kì vĩ... Chợt có tiếng kêu lên, kia rồi, đến nơi rồi... Tôi phóng mắt nhìn ra, thấp thoáng sau kính xe, loang loáng trong dải mù khô và lẩn trong màu rừng, lẩn trong màu bàng bạc của khói sương, dưới tí tắp xa mù, một khoảnh đất bằng, lấp lánh những mái nhà và dải sông uốn lượn. Luông Prabăng kia rồi. Ai nấy thở phào.

Đã trông thấy nhưng mãi sau hơn ba mươi phút xe chúng tôi mới mon men tới rìa thị xã. Luông Prabăng nằm ở ngã ba sông Mê Kông và sông Nặm Khan, cách Viêng Chăn 425 km về phía bắc. Luông Prabăng, kinh đô của vương quốc Lạn Xạng (vương quốc Triệu Voi) từ thế kỷ 14 đến năm 1946. Trước năm 1975 nó vẫn là thủ đô hoàng gia, trung tâm của vương quốc Lào. Chúng tôi chỉ mới biết vậy. Còn lúc này, cổ đô đã hiện ra ngay trước mắt. Trong ánh chiều tà sương khói, những bóng dừa, những mái chùa, những tòa nhà cao thấp và bóng dáng thiếu nữ Lào tha thướt đã trở nên lung linh như huyền thoại.

Xe lớn không được phép vào trung tâm, hơn nữa khách sạn trong đó đã hết chỗ vì khách du lịch đến rất đông. đành phải tìm chỗ nghỉ ở mấy khách sạn bình dân và may cũng còn chỗ, mặc dù giá phòng so với tiền Việt chẳng dễ chịu chút nào. Nhà nghỉ của người Việt, chủ là một người đàn ông trẻ nói giọng Sài Gòn khá dễ tính và thông cảm. Biết thêm rằng giá như vậy là bèo rồi, chỉ tội mình quá ít tiền. Bữa tối cũng ăn cơm Việt. Không ngờ tại nơi xa xôi tí tắp này lại gặp đồng hương. Với tiếng nói trọ trẹ, người đàn bà độ ba lăm bốn mươi tuổi, khá đầy đặn, thịt da căng mẩy, nói "...mẹ em người Quỳnh Lưu, bố người Diễn Đàn, Diễn Châu. Em sang đây làm cho anh chị đã được mấy năm". Vừa rời nước hai ngày, đang có cảm giác bơ vơ nơi đất khách, tiếng quê hương chợt trở nên gần gũi, thân thương đến lạ lùng. Cảm giác thế mới thấy niềm hoài vọng cổ hương luôn là điều thiêng liêng đối với những ai xa Tổ quốc.

Đêm đầu tiên tại Luông Prabăng bốn người một phòng nhỏ hai giường, thôi đành... Ngày hôm sau, một chiếc tuk tuk chở chúng tôi đi trên đường phố chính với không khí rộn ràng của ngày Tết "Bun hót nặm" (Hội té nước). Chưa đến giờ cao điểm, đường phố chỉ lác đác đôi tốp thanh niên, trẻ nhỏ tập trung với can nước, thùng nước và các dụng cụ phun nước trong tay, vừa ăn uống vừa nhảy múa và một hàng dài sư sãi đi khát thực. Một hàng dài các nhà sư áo vàng nổi bật trên màu xanh cây lá chậm rãi bước dọc các hè phố. Một ban mai bình yên và ngập tràn không khí từ bi hi xả.

Điểm đầu tiên là chúng tôi đi thăm chợ. Chợ Luông Prabăng ngay trung tâm. Hàng thổ cẩm, hàng mỹ nghệ bày trong các kiốt nhỏ, hàng thực phẩm dọc hai bên đường. Cá sông Mê Kông tươi ngon, rau tươi xanh mướt. Người bán niềm nở vui vẻ nhưng không có cảnh mời chào chào kéo. Tôi mua mấy cụm phong lan của một người đàn bà hết hai mươi ngàn kíp, tương đương gần sáu chục ngàn đồng tiền Việt. Chuẩn bị đi tiếp tôi mới phát hiện là đã trả nhầm quá mười ngàn kíp, quay lại chỗ người bán xem sao nhưng thật không ngờ. Vừa thấy tôi, bà bán hàng nhoẻn miệng cười rút ngay mười ngàn kíp trả lại. Sau khi dạo một vòng quanh chợ, chúng tôi đi thăm chùa Xiêng Thoong... Chùa Xiêng Thoong là ngôi chùa cổ nghe nói rất linh thiêng. Cũng là lối kiến trúc đặc trưng của Phật giáo Lào - Thái, mái chùa gồm nhiều lớp xếp chồng lên nhau, chỏm mái cong nhọn cao vút trên nền trời trầm mặc. Màu vàng của tường, của các tượng Phật, màu vàng trên những bức phù điêu đường nét tinh tế, đậm chất Phật giáo... Bức tượng Phật uy nghi trầm tư trong không gian tĩnh lặng... Khách du lịch Tây, Hàn, Nhật... rảo bước thăm thú, chụp ảnh lưu niệm. Tiếp đó, chúng tôi tới thăm cung điện hoàng gia. Cũng như chùa Xiêng Thoong, cung điện hoàng gia ngự trong một khuôn viên rợp bóng cây xanh như cọ, dừa và rất nhiều cây đại hoa trắng, hoa đỏ. Người Lào gọi đại là champa, hoa champa là biểu tượng của đất nước Lào, thơm nhẹ và tinh khiết. Đối diện với cung điện hoàng gia là đồi Phousi có rừng cây với lối lên chùa (nằm ở trên đỉnh đồi) gồm hàng trăm bậc cao vút, từng đoàn người thông thả bước. Vậy là cùng với Thập Luổng, chùa Me Xi ở thủ đô Viêng Chăn... và tất cả các di tích ở đây, trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử, cho dù chiến tranh bom đạn, người Lào vẫn giữ gìn được báu vật của tổ tiên để lại. Hoàng cung, nơi ở và làm việc của Vua Setthathirath tới năm 1560, hôm nay đã trở thành Viện Bảo tàng phục vụ khách du lịch. Các phòng đông nghịt khách tham quan, hướng dẫn viên người Lào nói tiếng Anh, nói tiếng Lào bỗng trầm thánh thót. Khách du lịch lặng phắc nghe... Tôi đưa mắt nhìn, chẳng biết nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Tổ của chúng tôi đã linh đi đâu. Có lẽ ông đang bị các cảnh vật, công trình nơi đây mê hoặc. Bức tượng Phật bằng vàng nặng gần sáu mươi cân cùng các bức phù điêu. Dưới kia, những con thuyền chở khách ngược xuôi trên dòng Mê Kông lãng đãng khói sương... Chúng tôi kéo nhau đi như bị thôi miên qua hết nơi này đến nơi khác... Khách du lịch dập dìu. Khách Tây, khách Việt, khách Hàn, khách Nhật, nhưng đông nhất vẫn là người Lào. Thiếu nữ Lào từng tốp với váy bó hông tôn khuôn người cao khỏe duyên dáng dạo bước. Đâu đó trên núi Phousi, giai điệu của những bản nhạc cung đình cất lên rộn ràng thánh thót càng làm huyền hoặc thêm không gian văn hóa nơi cung điện hoàng gia lúc này. Ôi, Luông Prabăng... Luông Prabăng với những đền chùa miếu mạo bằng gỗ láng như là sự lơ đãng, như là sự lãng quên trong sương khói của thời gian. Dòng Mê Kông lúc này cũng như đang mơ màng đầy quyến rũ. Luông Prabăng... Tôi đã nhận ra những nét rực rỡ vàng son quá vãng còn lưu dấu trên lớp lớp những mái cong trầm mặc, lưu dấu trong những khuôn viên tĩnh lặng thanh bình, những đường phố khuất vắng bình yên và cả trên thân hình, trên những nếp váy vàng, xanh thiếu nữ. Tâm hồn một dân tộc toát hiện đầy vẻ từ bi hồn hậu, đầy vẻ liêu trai thoát tục...

Lần đến Lào đầu tiên của tôi cách nay đã lâu lắm, đó là vào năm 1972, khi tôi là anh lính pháo cao xạ chiến đấu ở chiến trường Bôlikhămxay, Khăm Muộn dưới Trung Lào. Hồi đó rừng Lào còn bịt bùng mà chúng tôi thì suốt ngày ở trong rừng để phục bắn máy bay, để bảo vệ cho pháo đất của ta hiệp đồng với bộ binh đánh Thà Khệt. Vào Ma Ha Xay, một thị trấn xinh đẹp nằm bên hữu ngạn sông Sêbăngphai đã bị đổ nát và hoang vắng. Tôi tản mẫn nhặt những pho tượng Phật nhỏ bị vung vãi rải rác trong những đám cỏ khô xác mà chưa biết xót đau. Năm 2005, cũng như với Việt Nam, khi mà hòa bình đã nhiều năm, và cuộc sống người dân Lào đã có nhiều thay đổi, tôi trở lại con đường ngày xưa mà đơn vị đã hành quân trên đất nước Lào. Tôi gặp lại Napê, Lạcxao... Những cánh rừng xưa đã không còn. Đường 13 lảng vảng bám dọc sông Mê Kông lồng lộng gió. Và thủ đô Viêng Chăn có Thạt Luổng vút cao trầm mặc uy nghi, có Bảo tàng Cay Xôn trang nghiêm, có chùa Me Xi linh thiêng, có những đường phố bình yên và những người Lào thân thiện và gần gũi. Lần đó chúng tôi đã ăn một bữa tối trên phố ăn đêm bên sông Mê Kông lung linh ánh điện. Và bên kia là đất Thái mà lịch sử từng nhắc những nơi đó vốn là đất Lào. Ôi, lịch sử đất nước nào cũng có những trang đau thương và bi tráng... Và lần gần đây là vào năm 2007. Lần đó, chúng tôi cũng thăm Cánh đồng chum rồi ra ngã ba Khukhun, theo đường 13 ngoặt trái xuống Ca Xỷ, xuống Văng Viêng, vào Viêng Chăn để kịp đón Tết Bunpimay năm đó. Và lần này đến Luông Prabăng, đứng trên những bậc xi măng dẫn xuống bến thuyền trên dòng Mê Kông cạnh hoàng cung, tôi đưa mắt ngắm những ánh nắng buổi chiều tà trên dòng Mê Kông có phản vắng vẻ, cô liêu mà thấy lòng mình như tan hòa trong cái không gian cô tịch mơ màng.

Thời gian đã hết, vậy là còn rất nhiều điểm cần đến dành lỡ hẹn. Với mỗi đời người sẽ có bao điều lỡ hẹn. Ví như sáng hôm sau, khi quay đầu ngắm nhìn Luông Pabăng đang mơ ngủ để lại tiếp tục chặng đường quanh co đèo dốc trên chót vót núi cao trở về mà lòng tự hỏi, mình còn có dịp quay lại thăm cố đô thêm lần nữa không. Khi phở xá, chùa chiền đã khuất tít dưới sâu thung lũng, tôi thả lỏng người và chợt nhớ tới mấy người lính Pa Thét Lào gặp ở bữa ăn trưa trên đỉnh đèo Khukhun hôm lên. Bốn, năm sĩ quan Lào ngồi ăn lặng lẽ và quan sát chúng tôi với ánh mắt thân thiện. Biết họ rất muốn bắt chuyện, tôi đứng dậy bước sang và tự giới thiệu. Tất cả họ ồ lên, rồi một người cầm chai bia Lào rót mời khắp lượt chúng tôi, miệng không ngớt nói Việt - Lào "xamakhi" (đoàn kết). Văng, Việt - Lào xamakhi. Việt - Lào đoàn kết. Thế đấy, câu nói này là câu nói của miệng của bất kỳ người Lào nào nếu họ gặp người Việt. Tôi đã nghe câu nói này cách nay hơn bốn mươi năm của các chàng trai cô gái dưới Mahaxay. Và được biết nó còn được phát ra từ miệng người Lào từ trước đó rất lâu nữa. Lâu lắm rồi, tình cảm son sắt, thủy chung đã được vun đắp bằng rất nhiều máu xương của hai dân tộc... Xiêng Khoảng, Sala Khukhun, Luông Prabăng... những địa danh đi qua cũng chính là những dấu mốc, cũng là những tình cảm vun đắp làm dày thêm mối tình đặc biệt Việt - Lào.

Tạm biệt Luông Prabăng. Tạm biệt cố đô của đất nước Lạn Xạng, một đất nước yêu chuộng tự do, yêu chuộng hòa bình và nặng tình hòa hiếu.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước ngày Chiến dịch Biên giới nổ súng

Độc sách

HỒ PHI PHỤC

Lại một mùa Xuân mới.

Nơi nơi rộn ràng hội báo Xuân, sách Xuân. Việc đọc gắn với sự học theo nhau suốt mọi thời, mở ra những chân trời mới hữu ích, giúp mọi người thoát khỏi u tối, thoát khỏi trọc phú, cho dù áo mũ xênh xang. Nhà văn Lỗ Tấn nói: Từ khi loài người có ngôn ngữ văn tự thì quỷ thần trong núi cũng phải run rẩy khóc than! Trước đó, nhà văn M. Gorky đã viết: Mỗi cuốn sách là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để đi tới gần con người.

Trước Cách mạng tháng Tám, huyện Diễn Châu có chuyện một cậu bé được mẹ giao cho việc canh giữ sân phơi thóc (canh trời mưa, canh gà vịt, canh người xúc trộm). Không biết là cậu đã “hoàn thành nhiệm vụ” hay đáng bị phê bình chỉ vì ham sách? Cậu bắc ghế ngồi trên hè nhà, hướng ra sân, mải mê đọc. Một lần, trời âm u, rồi mưa, nhưng cậu vẫn không kêu tá điền quét dọn, ướm sạch. Một lần, có anh nhà nghèo trong xóm lại xuất hiện, cậu đang đọc, không ngẩng lên, chỉ bằng quơ hỏi: “Thế cái mùng lúa lấy hôm trước ăn hết rồi à?”. Anh nhà nghèo “tranh thủ” xúc thêm một mùng nữa! Cậu bé đó là giáo sư danh tiếng, nhà đạo học uyên thâm Cao Xuân Huy sau này.

Cũng ở Diễn Châu, một nhà giáo lão thành nói với ông bạn nhà văn: “Tôi có con cháu nội vừa tốt nghiệp đại học, hiện hai chàng trai khá giả theo đuổi, chàng nào cũng khôi ngô. Cháu hỏi tôi nên chọn ai. Tôi chịu. Xin ý kiến anh?”. Nhà văn nói: “Khó thật. Thôi, thế này nhé: anh bảo cháu chú ý cậu nào ít rượu, ham sách báo”. Nhờ “định hướng” này của nhà văn mà nhiều năm sau kết quả thật vui vẻ, rõ ràng!

Dân gian có những tham vọng thật sát sườn: *Không ham ruộng cả ao liền, ham vì cái bút cái nghiên anh đồ*. Bao đời nay việc đọc, việc học từng cuốn hút không ngừng bao nhiêu tầng lớp. Chuyện vua quan, ông nghè ông cử, sĩ tử và thường dân nổi tiếng qua hôn nhân, qua sự nghiệp,... để rồi đem đến đầy vinh quang phú quý cho gia đình, làng xóm. Nhưng cũng có khi quyền uy vô học mang đến nhiều tai ương cay đắng. Nổi oan Nguyễn Trãi - Nguyễn Thị Lộ đã là bi kịch đẫm máu đau đớn cho nhiều dòng họ, cho cả dân tộc, người sống và người chết, người xưa và cả người nay!...

Dân Do Thái có hai biệt tài truyền thống: học giỏi và buôn bán giỏi. Nhiều nghĩa địa ở Israel thường được bày các dãy bàn ghế bằng đá bên cạnh phần mộ. Du khách hỏi, và được trả lời: “Để đêm đến, các âm hồn lên ngồi đọc sách.”. Khi cháy nhà thì sách vở là vật được cứu nguy đầu tiên. Nhiều tổng thống các nước văn minh thường trước lúc mãn nhiệm đều để lại cho đất nước những thư viện quý giá... Tuy nhiên, mặt trái của việc đọc vẫn có không ít xù xì, u bướu. Có những nhân vật lý thuyết suông, nói năng tủa trời nhưng không tiêu hóa nổi kiến thức. Sứ Tàu từng ghi lại hai nhân vật đại hủ nho là Nể Hành và Mã Tốc, hai người này được giao đầy quyền lực nhưng làm hỏng việc lớn. Nể Hành bị Viên Thiệu gạt bỏ không thương tiếc. Còn Mã Tốc, tướng của Lưu Bị thì bị Gia Cát Lượng gạt nước mắt chém đầu!

Thời hiện đại, nhiều nhân vật cỡ lớn có những chuyện đọc sách gây ấn tượng. Năm 1952, trên chiến khu Việt Bắc, tôi có nhận được một bức ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc sách. Ông đứng bên nhà sàn mờ khói bếp và bên một thân cây mùa rụng lá. Lờ mờ sau bức ảnh kí tên là Văn hiện có chút phai mờ: “Ở Bắc Sơn, sau một cuộc hội nghị cán bộ để tiến công đường số 4, tôi cố tìm thì giờ nghỉ, đọc sách và chụp tấm ảnh romatique này.” (romatique: lãng mạn). Bức ảnh nên thơ hiện thân một vị tướng hầy còn khá trẻ, một chính khách, một nhà văn hóa. Và sau cái khoảnh khắc Đại tướng đọc sách này, chiến dịch Biên giới lịch sử nổ

súng, chiến thắng vang dội. Đúng là các danh tướng thường có phong thái ung dung và tâm hồn nghệ sĩ. Đại tướng Vatutin, Nguyên soái Vôrôsilốp đều cho tìm cuốn *"Chiến tranh và Hòa bình"* khi đang trên đường hành quân. Thiếu tướng Nguyễn An trân trọng đọc *Truyện Kiều* cùng đồng đội, ngay trên đỉnh Trường Sơn thời chiến.

Lại có chuyện nhà báo quân đội, phóng viên chiến tranh Đại Đồng có một bài thơ rất thú vị với đầu đề "Nằm trong hầm Đờ Cát". Đêm 7-5-1954 sau khi dứt tiếng súng, đại thắng Điện Biên Phủ, ông được nằm trên giường đệm êm của Đờ Cáttori. Nhưng quên đi 56 ngày đêm bom rơi, đạn rớt, ông không ngủ được, mà đọc mê say cuốn Anna Karêninna - cuốn sách của viên tướng xâm lược bỏ lại trên giường của y. Thế là các vị tướng tá mê sách này đều bị L.Tônxtôi cuốn hút!

Việc đọc sách và duy trì đọc sách làm cho người ta ngày càng thông minh, giàu có không ngờ. Nhà văn lớn Italia Umberto Eco từng gửi một bức thư cho cháu nội. Ông nhấn mạnh lời khuyên đọc sách để luyện rèn trí nhớ, nếu không, não sẽ teo đi và tàn phế trí tuệ, thành người ngu dốt. Ở bộ não người có nhiều kết nối hơn máy tính và ngày càng công năng với những ai biết sử dụng nó. Trong khi máy tính càng dùng càng giảm tốc độ, sau dăm ba năm phải sửa chữa, phải thay. Bộ não người có thể sống xấp xỉ 100 năm. Ở tuổi thọ đó nó sẽ nhớ lại những điều xa xôi với cả những điều vừa mới nhớ. Vô vàn các kí ức lịch sử, các sự kiện xảy ra trong cuộc đời đã đọc là những gì đã xảy ra trước khi người ta chào đời. Để ở thời điểm cuối của cuộc đời việc đọc đã đem đến tổng số ngàn vạn cuộc đời, ngàn vạn sự hiểu biết, sự cảm xúc khổng lồ của trạng thái *vô cùng* - có nghĩa là từ âm vô cực đến dương vô cực! Đó là gia tài vô giá cho những người đọc sách.

Ngược lại, trên trục thời gian xuyên suốt về hai phía đó, một con người nếu không được đọc sách sẽ chỉ là một điểm, một chấm nhỏ hữu hạn mà khái niệm toán học gọi là *vô cùng bé* - thể hiện sự đơn điệu, nghèo nàn, đáng thương và lãng phí của những kẻ không có gì đáng bàn. Nhưng nếu chỉ đọc toàn những sách xấu, hoặc đọc sai, đọc ẩu - nghĩa là thẩm thấu những thứ vô ích, thì hậu quả còn tai hại hơn. Máy tính là công cụ giúp con người đắc lực, đặc biệt trong việc lưu giữ các giá trị của nhân loại. Nhưng máy tính cũng là kẻ đã gián tiếp "đánh cắp" của con người nhiều thứ, trong đó có kĩ năng tư duy, cảm xúc,...

Đọc sách theo lối truyền thống vẫn là việc tất cả mọi người nên làm, dù ở thời đại 4.0 hay 10.0.



Minh họa: TẠ TÂM

Ba người bạn

PHÁT DƯƠNG

Ông Bảy đặt chung trà xuống, ngó thằng con ngồi vò muồn trụi lông con chó phèn. Chắc con chó khó chịu dữ lắm rồi, mà thương thằng chủ đang quạu quọ nên nằm im chịu trận, hay chính bởi nó biết khôn hồn thì ngoan ngoãn mới tốt. Tăng hắng một cái, ông Bảy vừa lơ lơ đoán vừa kiểm câu mở lời hỏi cho tường tận. Chứ mặt thằng con căng cứng tới mức nhuộm luôn không khí xung quanh thành màu xám lạnh cũng ớn ớn.

Còn bức vụ đám giỗ há bây? - Ông Bảy nói mà thấy ngại ngại miệng.

Ông biết vụ đó không chỉ thằng con mà bà vợ cũng nổi gân máu đầy trán và xì khói nóng từ tai. Ở thì cũng kỳ.

Bữa đó nhà làm đám giỗ. Ở quê hễ giỗ chạp là cả xóm xóm vô tiếp. Hồi trước đông vui lắm, bước không khéo là đụng vô tiếng người len dày í ới kêu nhau. Đàn ông xuống mương kéo cá, ra vườn gom củi, trèo bẻ dừa, mổ heo. Đàn bà xúm nhau nấu nướng túi bụi trong bếp. Con nít chạy vòng quanh chờ nghe sai vặt. Y hệt như lễ hội, cực mà vui lắm. Cho tới khi lúa thất mùa kiềng búng từng người, từng người đi khỏi xứ. Không bám đất nổi, nhà nhà rủ nhau khóa cửa lũ lượt đổ về mấy khu công nghiệp hết trơn. Đám giỗ nhà ông Bảy còn đâu vài nhà xa xa tới phụ, tiếng chuyện trò cũng thành vá vúi, không ai dám nhắc những người vắng mặt sợ gợi thêm buồn.

Nhà ông Ba sát mé vườn nhà ông Bảy mà qua trễ nhất. Kêu bạn chuyện lu bu, cười hề hề chào mọi người vài câu qua loa rồi xông thẳng vô bếp. Đó, chuyện bắt đầu kỳ từ khúc đó. Ông Ba vô chê cả đồng người mổ con heo cũng không xong làm bấy nhầy, có người nổi sùng đưa dao ý kêu ngon vô làm tiếp, ông phui phui tay kêu đang đau lưng, quày lên nhà trên uống trà. Bà Ba đảo một vòng mấy cái nồi đang sôi, thọc vá vô mức lên nếm, hết nói món này mặn tới món kia nhạt. Chê nhiều nhất ở nồi thịt kho, kêu ai làm món này ác hơn hông ngọt vậy ăn bệnh chết hay gì. Bà Bảy đang nạo dừa ngược lên, ráng nặn một nụ cười, tui đó chị Ba. Đoạn này mới có vợ ông Bảy lên máu nóng thôi.

Tiếp theo tới thằng con ông đi học về. Nó bận kỳ thi quan trọng không ở nhà phụ được, trường xa về tới tiệc cũng tàn. Vô bếp mở nồi lục cơm ăn, nó tá hỏa ngó mấy món nó khoái đã bốc hơi hết sạch. Hỏi bà Bảy, bà nhớ ra lúc nãy bà Ba kêu mức một miếng đồ ăn đem về cho mấy đứa con. Chắc là bà chứ không ai hết, cái nết đó. Thường làm đám xong chủ nhà luôn chia phần cho mọi người đem về, chớ có ai tự ý lấy trước đâu. Lấy cũng không biết coi trước coi sau, mức cho hết mới chịu. Đó, chê nồi thịt kho mà lấy tới cạn đáy. Coi nổi sùng không. Nghe vợ con cần năn, ông Bảy chỉ biết lắc đầu.

- "Con không có tức vụ đó!" Thằng con làm như thấy đỡ đỡ, định thả con chó đi. Con chó chưa kịp mừng đã bị túm lại, bởi chủ nó kịp hồi cơn tức. - "Ờ con cũng có tức chút, ba đừng nhìn con vậy chớ. Nhưng vụ khác tức hơn. Vụ trái sầu riêng đó!"

Ông Bảy chưng hửng, trái sầu riêng gì cà? Rót thêm ly trà uống cho tỉnh táo, ông lò mò ráng nặn trong đầu coi ký ức có ra hình thù gì liên quan tới trái sầu riêng không. À rồi rồi, trái sầu riêng thằng con ông qua nhà bà dì được cho đem về. Gì chứ nó ghiền sầu riêng dữ lắm. Nó cất trong tủ bếp chứ không ăn liền, háo hức chờ ngày thèm thiết thèm khai ăn mới đã.

- Giờ bên đó chắc đang ăn ngon lành rồi! - Thằng con ngiên rằng như đang ngiên nát hai chữ "ngon lành" làm ông Bảy ê cả hàm.

Gõ gõ trán mấy cái ông Bảy mới biết hồi sáng thằng Tiền con ông Ba qua chơi nói cái gì. Ông nghe không kịp nói gì tới trả lời, thằng Tiền đã ù chạy như bị ma rượt. Ra là nó xin trái sầu riêng, không cần ai cho cũng lấy mất tiêu. Thiệt tình hết nói nổi!

- “Thôi, để lát tao dọn má mày ra chợ mua cho trái khác. Đàn ông con trai để bụng ba cái chuyện lẻ tẻ đó chi”, ông Bảy kiểm cách đồ thành con.

- “Con nể ba mới bỏ qua đó nhe!” Nghe tới sầu riêng, thằng nhỏ hết giận liền.

- Ông Bảy vô tui nói chuyện cái coi!!!

Chưa kịp thở phào, ông Bảy đã nghe bà vợ kêu giạt giọng. Không biết có chuyện gì tới nữa đây.



Nhà ông Bảy nằm ở cuối xóm. Đứng trước nhà trở qua tay phải là nhà ông Ba. Trở qua tay trái là nhà hoang cùng vườn hoang, sau mới tới nhà ông Năm. Gần nhau nên tình cảm cũng nhiều.

Hồi mới vô đây ở, cái hồi mà nhà hoang còn chủ, bốn gia đình đã thấy mền mền nhau. Cùng cảnh nghèo khó, không thương thì thôi nghĩ chi hơn thua, lại là tình làng nghĩa xóm sát bên. Dưới quê mà, mỗi nhà hơn chục công vườn, gọi sát sát chứ tui con nít nghe lời ba má lợi bộ bưng chè bánh qua cho nhau ăn lấy thảo cũng rã cặp giò. Thế đất bên phải coi bộ không êm, làm ăn lụn bại từ từ chủ nhà bỏ đi xứ khác để không từ đó. Không thấy ai có ý hỏi mua. Còn ba gia đình ở lại.

Ba ông Ba, Năm, Bảy một bữa nhậu quắc cần câu cho quên những ngày nắng cào tróc da lưng, mưa dầm bầm tím mặt, nổi húng ca vọng cổ um sùm. Ngộ đời, hình như ai xứ này ca nghe cũng được. Ý là ca cổ đó nhe. Tượng tá lực điền chứ cất tiếng nghe muốt rượt, vang và khỏe có thua gì ca sĩ. Có khi hơn. Bởi ca bằng sự hào sảng bất cần người tung hô. Ca tới mấy câu trong bài Lưu Bình Dương Lễ, tức khí chuyện cũ tích xưa, ba ông nổi máu đập bàn thề. Thề mai này giàu sang vẫn làm bè bạn, khó khăn hoạn nạn giang tay giúp đỡ nhau. Còn đòi cất máu kết nghĩa, nhưng thấy hơi sến nên thôi. Với thấy dao thấy máu mấy bà vợ hoảng hồn báo công an lu bu mất công nữa.

Bữa đó vui lắm. Rượu vô lời ra móc hết gan ruột. Chỉ không biết rượu hứa hay người hứa, rượu thề hay ai thề. Thêm một ly miệng càng mạnh. Ông Năm vỗ đùi tui mà phát lên tui sấm cho mỗi ông một chiếc xe hơi ba đứa mình chạy vòng vòng xóm chơi. Ông Ba cười hề, nhiều đó nhằm nhò gì, tui mà giàu tui cất cho mỗi người cái biệt thự có bể bơi với sân gôn sân ghiếc gì đó, chiều chiều ba thằng già ra tập thể dục.

- “Trời trời lợi dưới sông hồng đã hơn sao! Mà làm một cái đủ rồi, làm chi ba cái chơi sao hết.” Ông Bảy coi bộ là người tỉnh nhất. Có cái tật uống vô thì nói hơi nhiều, nhưng biết kìm. Ông cũng biết bà vợ đang ngồi trong nhà pha sẵn mấy ly nước chanh, ngóng tai nghe coi ông có nói bậy gì không, sợ tỉnh ra ông mang nhục với hàng xóm.

- “Thì tiền nhiều làm gì anh Bảy. Làm cho đã. Quan trọng tình cảm anh em mình”, ông Ba đứng dậy, buông ly cầm luôn chai rượu lên, “Thôi cụng ly vô nè vô cái nè!”

Ông Năm cười, ông Bảy cười theo, cả ba ông cũng cười. Trăng trên trời cũng cười tới mức nhòe đi. Không biết cười vui hay cười chọc ba ông già nhậu xỉn nói toàn chuyện trên trời dưới đất. Xe hơi, biệt thự gì không thấy đâu chỉ thấy xe đạp cà tàng, nhà lá một nhai rột rột và lon sữa bò dùng đóng gạo mức cạp đáy lu gạo nghe cồn cào những hột cuối.



- “Tui thấy ông Ba riết coi hết được rồi anh Bảy ơi!” Ông Năm rít một hơi thuốc, buồn quên cả phả ra. Khói dường như dâng lên tới mắt, khiến ánh nhìn mờ đi, không bầu vịu được vô điểm nào trước mặt.

- “Nó làm gì kỳ, nói nghe coi.” Chung trà đã cạn từ lâu mà ông Bảy chưa bỏ xuống, đầu đang nghĩ coi ông bạn già muốn nói chuyện nào.

Phải công nhận ông Ba dạo này trở tính thiệt. Mấy chuyện chút chút thôi bầm bụng bỏ qua, nhưng chuyện lớn phải nói. Liếc qua cửa sổ thấy thằng con đang ngồi học bài trở mặt hầm hầm khi nghe nhắc tên “người quen”, ông Bảy đành bẻ suy nghĩ của mình lại, ờ thì chuyện nhỏ cũng phải nhắc.

- “Thôi chuyện nó giành mỗi bán vú sữa của mày chứ gì. Nhường nó đi, nghe nói con nó bệnh đang cần tiền.” Thấy cầm chung trà hoài cũng mỏi, ông Bảy để xuống chuyển qua mở nắp bình trà coi nước đã cạn chưa còn châm nước nóng thêm.

- “Chuyện đó tui coi như không có đi. Mà nói thiệt chứ tui nghe đồn con ổng có bệnh hoạn gì đâu anh Bảy ơi! Mạnh cùi cùi kìa”, ông Năm nhớ chuyện cũ mặt đỏ thêm một tông, có ánh cả sắc tím.

- “Vậy chuyện gì nữa?” Ông Bảy thở dài, hồng ngờ lu bu dữ vậy. Hết nói nổi thằng Ba.

- Anh coi đó, tui quý mấy bụi lan muốn chết. Thằng Tiền con ổng qua chơi bẻ đám nụ mới nhú có chút ếc, tui rầy mấy câu, tối đó nó rình qua tưới thuốc rụi hết trơn luôn anh. Anh coi chịu nổi hông! Tui qua mắng vốn thì ổng bênh con chối bay chối biến.

Chà chà chà... Vụ này căng. Ai cũng vậy, thứ mình quý, đụng tới nổi sùng là phải. Với thằng con ông Bảy là trái sầu riêng thì với ông Năm là giàn lan cứng nựng như chăm vợ đẻ. Ông Bảy nghĩ tới nghĩ lui, ráng kiểm từ ngữ nói sao cho cục giận trong bụng ông bạn già xẹp xuống bớt.

- Thôi con ai cũng con vàng con ngọc, chắc nó không nỡ la. Mày nghĩ bỏ qua cho nó, chỗ bạn bè hông à. Đó, tháng trước hồng phải nó chỉ mày chỗ mua cá giống với cây giống rẻ quá trời đó sao!

- “Ờ... Thì vụ đó tui cũng cảm ơn”, ông Năm tính chửi thề, miệng sắp nhả chữ bỗng nhiên khựng lại.

Thấy tình hình có vẻ lắng xuống, ông Bảy để thêm:

- Nó còn hứa dẫn mày đi mua phân bón, thức ăn chỗ quen nữa mà. Thôi lấy chỗ trời lấp chỗ hụt, cho qua lần này đi.

Nói một lát ông Năm cũng nguôi nguôi. Ngồi thêm chút nữa rồi ông đi về, kêu chuẩn bị cơm nước còn ra chợ xá mua mớ đồ. Còn lại mình ên với ấm trà đã lạnh, ông Bảy thả những suy nghĩ bay lên thay khói. Không biết lời hứa ngày xưa đó, thằng Ba hứa hay là rượu hứa.



Ông Bảy xối từng ca nước lạnh lên đầu cho lửa nóng nguôi bớt. Chứ để nó bốc ngùn ngụt lên hoài, dễ xảy ra chuyện. Ông mặc luôn quần áo, để xối xả ngấm ướt đầm đìa. Bà vợ ngó ông lướt thướt đi vô, nửa muốn nói câu gì đó, nửa đành im. Biết nói gì bây giờ. Bà cúi đầu, mắt ướt ướt xót chồng, bước tới nhét vô tay ông cái khăn lau cho khô người.

Thằng con nhìn ông Bảy lấm lét, ôm khư khư con chó phèn trong lòng. Con chó cũng biết thời thế, ư ử không dám hó hé gì. Bầu không khí nặng như làm bằng đá. Người cũng sắp thành tượng. Ông Bảy trầm ngâm ngồi bên bàn trà, kệ cái lạnh bầu vô da và gió đang giạt từng đợt hơi nước khỏi áo quần ướt sũng. Bà vợ và thằng con mỗi người một chỗ, cũng lặng im. Như ba cái cọc đóng dấu ranh giới miếng đất hình tam giác.

Chính nó, câu chuyện bắt đầu từ những cái cọc. Những cái cọc nằm im im, như phong ấn tất cả ngọn nguồn cơn giận của ông Bảy. Vậy mà có người đã nhỏ chúng đi.

Sông chia sẻ dòng nước phù sa của mình với vườn cây xứ này qua mấy cái ống bọng. Từng ống nối với hệ thống mương dẫn nước đi khắp vườn. Người dân coi con nước lớn ròng mà mở hay đóng ống bọng. Đặc biệt tới mùa hạn càng phải để ý kĩ, coi chừng nước mặn ngấm ngược vô vườn. Mùa nước lên cũng phải canh. Nhà ông Bảy đang đóng ống để triều cường không kéo nước vô nhân chìm đắm rễ đang cật lực hút dinh dưỡng thúc cây ra bông. Ống được chốt bằng những cây cọc.

Có người đã rút chúng đi. Nước thừa mứa hí hửng tràn bờ. Kiểu này chưa biết phải làm sao để dẫn nước ra kịp. Để lâu cây úng là chết, bông rụng sạch thì còn nói gì tới trái. Ác lắm mới làm chuyện này, giết vườn cây là đập đổ chén cơm người ta.

Ông Bảy không khó để đoán được ai làm chuyện này. Ai biết rõ từng chỗ nước dẫn, để không những mở ống bọng còn đập bỏ để ngăn nước quanh các mương lớn. Ai cũng trồng chung loại cây, muốn triệt hạ đối thủ để vườn mình được giá. Thằng con ông tối bữa kia nói thấy bóng ai như chú Ba làm gì lúi húi sau vườn mình, ông Bảy chửi kêu nó quáng gà nhìn bậy bạ. Giờ ông rõ người bậy mới là ông.

Bầy cá đang giữ trong ao cũng bị nước đẩy đi tứ tung. Cá chạy ra sông một mớ, chạy qua vườn người ta một mớ. Ông Bảy theo dấu bầy cá, cố giăng lưới quay lại giữ được mớ nào hay mớ nấy. Chạy đua với con nước mệ lả, ông chết sững khi ánh mắt đụng những hàng cọc đá. Những cái cọc biết đi.

Chúng đã đi khỏi chỗ lẽ ra chúng phải đứng hơn hai mét. Những cái cọc ngăn ranh giữa vườn ông Bảy và vườn ông Ba, rêu xanh nửa thân trên, nửa dưới trắng hớn dẫu cọ xát. Gần đây ông Bảy nghe hàng xóm đang rao bán mấy công đất vườn chỗ này. Tiền không lẽ làm người ta mờ mắt tới vậy sao?

Ông Bảy nhìn mấy ngôi mộ ông bà chôn nơi góc vườn, nước mắt ứa ra vì những cơ mặt gồng lên xấp nếp. Những cái cọc đã sát lắm rồi dây mộ, biết đâu chừng một ngày chúng sẽ hớn hở chạy qua khỏi luôn, để phần bên đây cũng trở thành đất của người. Người chết nghĩ gì khi một bữa hoảng hồn sao mình lại thành ma bên nhà hàng xóm? Mặc kệ đám cá, ông quăng luôn lưới, đi vô nhà. Liếc cũng biết cá đã bị ai đó bắt một mớ. Những bụi cây bầm giập dưới bước chân đầy tức giận của ông Bảy.



Ông Năm hừ một tiếng, để hơi nóng từ cuống họng thoát bớt. Nghe ông Bảy kể hết chuyện, ông mới nói:

- Đó, anh còn kêu tui bỏ qua cho ổng nữa đi! Bữa anh khuyên tui quá trời mà.

Ông Bảy đang kiểm đồng minh, nghe vậy cụt hứng ực luôn mấy ly trà. Nhìn mất ông đầy mụi than, ông Ba đành thôi khơi chuyện. Người đang giận đừng có tùy tiện đụng chạm, nhẹ nhẹ cũng u đầu chảy máu như chơi.

- Tui cũng hơn gì anh đâu anh Bảy ơi!

Tiếng thở dài của ông Năm làm thành gió làm rụng một mớ bông của đám cây úng trong vườn. Trắng gốc. Trắng nước. Trắng cả câu chuyện ông kể.

Cây giống với cá giống ông Ba chỉ chỗ ông Năm mua rẻ mà có cái giá của đồ rẻ. Không bệnh thì vật vẹo. Cá mỗi bữa ngựa bụng chục con, cây mỗi tuần trụi thêm mấy hàng. Chỗ bán phân thuốc với thức ăn, cũng ông Ba chỉ, nghe bà con rỉ tai nhau toàn kê giá với bán đồ dỏm, ai nhận hoa hồng mới giới thiệu người tới mua.

Hai ông bạn già nhìn nhau, nửa cười nửa mỉa. Bạn bè gì nổi cái tình hình này.

- "Rồi anh Bảy tính sao? Chứ tui là tui không để yên vậy đâu", ông Năm giờ giờ nắm đấm, coi bộ định làm lớn chuyện thiệt.

Ông Bảy suy nghĩ tới lui trong đầu, coi làm sao mới phải. Mà đâu chỉ bây giờ, mấy bữa nay ông đã trăn trở nhiều tới mức bà vợ hết hồn sao độ rầy tóc ông bạc nhiều dữ. Ngủ ngật giận ban đầu ông còn định xách dao qua bên đó nói phải trái, từ từ với mới suy tính thiệt hơn. Để chuyện qua thì người ta được nước lấn tới. Chuyện vườn cây với bầy cá ông coi như vết tình vết nghĩa rắng cho qua cũng được. Nhưng đất đai là chuyện khác, nhất là đất đai chỗ ông bà nằm xuống. Cái thói ngang ngược chiếm của người làm của mình vậy ai mà chịu được. Hàng xóm kể một bên, chưa nói tình anh em biết bao năm, có cất lương tâm vứt bỏ cho chó gặm mới làm mấy chuyện vậy được.

- “Chắc tao đâm đơn kiện lấy lại đất”, ông Bảy dốc hết chút trà còn lại ra chung, ực dứt khoát.

- “Được à. Cái gì của mình thì mình giữ. Chớ tưởng anh khuyên gì tui nữa, tui hồng ngó mặt anh luôn”, ông Năm cười, mà mắt buồn xo.

Mất ông Bảy cũng buồn. Bận bèo. Anh em. Hàng xóm. Mới bữa nào cụng ly hứa hẹn giàu nghèo chung hưởng, giờ sắp gặp nhau trước tòa. Nghĩ không buồn sao được.



Ở quê mỗi lần có đám cưới rất dễ biết, ở đâu ồn ào nhất chính là chỗ đó. Dân nhạc sống đội thành thành khiến mấy cụ già ngồi gần muốn lên tăng xông đủ sức mạnh oang oang từ đầu làng tới cuối xóm. Cá biệt lắm mới có mấy đám cưới im ru, cố làm qua loa cho có để chạy kịp những lễ làng. Lặng thầm hơn có những đám cưới không diễn ra, trai gái dẫn nhau về nhà sau mấy lần cãi lộn bên này bắt bên kia nhận con. Đám cưới thẳng Tiền nhà ông Ba là kiểu này.

Nghe đâu vợ mười lăm, chồng mười bảy. Bầu ba tháng. Nhà trai chối bay chối biến cho tới khi nhà gái đòi lôi đi kiện mới chịu bưng vài mâm qua nhận cháu. Dè đâu rước thêm một cái loa chạy bằng cơm. Mỗi ngày bà con đi chợ ngang tường đi lộn qua đám cưới, bất cứ lúc nào cũng hứng được ồn ào. Tường giọng ai đó rống mấy bài thê thiết, dè đâu tiếng chửi lộn của con dâu với bà già chồng. Đó giờ ai cũng biết vợ ông Ba thuộc dạng hét ra lửa. Nay gặp con dâu coi bộ cũng cứng cựa.

Có nhiều người hả hê. Bởi trước khi rước con nhỏ về làm dâu, vợ ông Ba đã tuyên bố khắp nơi tui đi cho nó biết tay. Có người bữa trước lác đầu thương con nhỏ xấu số rớt vô cái nhà đó, bữa sau tá hỏa không biết ai xấu số. Dường như biết mình một thân một mình nơi nhà người, nó càng làm dữ. Ai mà đụng tới một cọng tóc nó giãy ra kêu cả xóm tới coi. Giọng nó không thua bất cứ dàn âm ly cao cấp nào. Mạnh hơn thì nó giờ chiều cũ, đòi kiện.

Chỉ một tai gia đình ông Bảy ở kể bên. Vườn trái cây che sao nổi những âm thanh mài nhọn từng tiếng của hai người đàn bà cự nự. Ông Bảy bỏ luôn thói quen ra sau hè nằm vông hóng gió, ra đó là hứng luôn trận mưa lời toàn miêng chai lựu đạn từ hàng xóm dội qua.

Vợ ông Bảy cười cười gạt những tiếng chửi văng tới người mình qua một bên để làm tiếp việc nhà, kêu quả báo tới từ từ mà. Ông Bảy nghe không biết đáp sao, ừ hử trong cổ họng. Từ ngày ra tòa giành lại phần đất thuộc về mình xong, bên đó hết nhìn mặt bên này. Họ làm như ông mới là người cạm tình cạm nghĩa, có chút chuyện như đầu kim mà xé banh ra bung bét. Ông Bảy cũng đành chịu trước những người muốn bẻ cong công lý, nghe đâu họ tính dứt tiền để thắng kiện mà không được.

Đâu có yên ở đó thôi đâu. Thằng con ông Bảy đi học ngang qua nhà, ông Ba kêu con thả chó rượt thằng nhỏ chạy hệt xì dầu. Thứ ác nham. Hên con phèn phóng ra cứu chủ kịp. Thằng Tiền coi bộ không ưa, mấy bữa sau kiếm chọi đá sừng giò con phèn, làm mấy bữa nay ông Bảy phải xích lại sợ con phèn bị thương nữa.

Nhìn con ôm chó cưng vuốt vuốt xoa xoa, ông Bảy ngán ngấm, người gì tới con vật cũng nở làm ác. Chắc tình nghĩa tới đây cũng bỏ, chứ người ta bút hoài cũng tới lúc dứt hết thôi.



Ông Năm qua nhà khoe mới làm xong hồ sơ được nhà nước cho vay vốn cứu lại vườn cây. Tiền lời nhẹ hều, cho nợ lâu khỏi lo chạy ngược xuôi mượn mấy bà tiền góp. Nghe đâu trên xã sắp sửa triển khai mô hình hợp tác xã kiểu mới, đã lắm. Ở trên hỗ trợ mình nhiều thứ, cả cây giống lẫn lý thuật. Đầu ra cũng có, khỏi lo cánh trái chín đầy cành mà bấm bụng cho thương lái ép giá nữa.

- “Cũng khỏi sợ người ta chơi trò tiểu nhân cạnh tranh giành bán độc quyền gì đó”, ông Năm nhún giọng. Cục tức chuyện cũ còn cộm trong cổ, nuốt chưa xuống bụng, nói gì tan nổi, “Tính qua rủ anh Bảy tham gia với tui nè!”

Chuyện đó ông Bảy cũng biết rồi. Ông nán chờ thằng con đem giấy tờ trên xã phát về đọc cho ông nghe, hồi đó ông học tới lớp ba thì nghỉ có quen mặt kịp con chữ đâu. Chữ ông cũng ham lắm, xã tạo điều kiện vậy thì người nông dân đỡ bấp bênh.

- “Nghe tui nói hông anh Bảy! Đừng nói anh nghĩ về chuyện bên nhà đó à ghen?” Thấy bạn già đâm chiêu, ông Năm đoán mò. Ai dè ngay chóc.

Bạn chơi lâu năm có khác thấy tín hiệu đã biết được ý nhau. Đúng là ông Bảy đang nghĩ về chuyện nhà ông Ba. Không biết có phải quả báo tới thiệt không, nhà bên đó xuống dốc vù vù như xe đạp đứt thắng. Thằng con lớn tưởng đi làm ăn xa gom được số vốn, ai ngờ lâm nợ trốn về còn dắt theo con nhỏ lạ hoắc bông đùa con nít đỏ hỏn, kêu là vợ con. Nhà cửa lục đục đâm ra vườn tược cũng bị bỏ quên theo, cây trái lèo tèo không ai thèm mua. Bà vợ bị người ta giựt mấy chân hụi chưa hoàn hồn kịp. Ông Ba cãi lộn với thằng Tiền, có rượu vô hăng máu ba rượt con chạy cời cời. Lát sau quày lại thấy đổi vị trí, con cầm dao chạy sau ba ôm cánh tay thơm máu chạy trước.

Tướng xui xẻo chỉ nhiều đó thôi sao, ông trời khiến sao ổ điện chập, cháy hết nửa căn nhà. Đồ đạc thành một đồng rúm ró đen thui, lớp cháy ra lớp thành tro lớp biến dạng. Hên còn giữ được mạng người.

- “Ừa... Tao tính qua coi phụ nó được gì thì phụ. Mà thấy sao?” Ông Bảy để chân lên ghế, hai tay đặt lên đầu gối chờ nghe ý ông Năm.

Có vẻ ông Năm đang đấu tranh dữ lắm. Chuyện xảy ra như mới hôm qua, nhớ lại càng anh ách tức. Tình nghĩa mà coi như tờ giấy mỗi bếp, đốt dễ ợt. Người ta vô tình mình giữ làm chi. Nhưng chỗ bạn bè, chòm xóm, thấy người thất thế cũng mũi lòng tội tội.

- Tui hồng ngờ anh Bảy tốt bụng tới vậy luôn. Chuyện này để tui về nghĩ lại.

Ông Năm đứng lên ra về, bước lúi húi như buồn cho kịp dòng suy nghĩ ngổn ngang.



Thực tế ông Bảy cũng không phải thần Phật gì mà quên dễ vậy. Ông còn ghét nhiều nữa là khác. Cũng nhờ thằng con, ông mới nghĩ thông.

Bữa phát hiện những cái cọc biết đi, ông Bảy tức tới hết biết gì. Căn nhà cũng vì ông mà lặng im và nặng nề, như bỏ vô tú đá đông lạnh cứng. Ông trở nên nóng nảy, đụng gì cũng thấy sồn con mắt. Thằng con xớ rớ đứng kể ông cũng nạt, không lo học bài tối ngày chơi bởi cái gì. Ngó trên bàn học cuốn tập mở ra năm điểm đỏ chót, ông định lôi con ra chửi một trận. Mắt lại đụng mảnh giấy dán trên tường, thằng con nắn nốt ghi *"Đàn ông con trai chuyện lẻ tẻ bỏ qua"*. Câu này ông hay dạy nó.

Ông Bảy tự thấy mình tệ. Ông nói con một đằng, bản thân làm một nẻo. Kêu con đừng nghĩ, chính ông lại nghĩ nhiều. Khuyên con, mà ông làm chưa được. Con giận trong ông như bóng đêm thấy ánh sáng, co lại dần và biến đi mất.

Tối hồi nghe tin nhà ông Ba gặp chuyện, ông Bảy định coi như không hay biết. Đám cá đó, mớ cây đó là tiền học của con ông, tiền sửa nhà, tiền trị bệnh cho vợ ông. Còn chuyện đất đai chỗ ông bà yên nghỉ nữa chớ. Nói thì tội với đất trời, chứ ông thấy quả báo cũng đáng với nhà đó.

Ông Bảy hỏi thằng con thấy sao, tưởng nó hả dạ khi thấy "người ta" khó khăn, mà không. Thằng nhỏ nghĩ lung lăm, chờ hoài mới nặn được một câu, thấy mà thương. Tội mấy đứa nhỏ chưa biết gì đã chịu khổ. Bữa nó thấy thằng Tiền khóc nữa, cái thằng phá làng phá xóm đó biết khóc mới ghê. Hình như ai khóc nhìn cũng hiền và yếu ớt đi.

- Con thấy chuyện gì đúng thì mình làm. Nhà mình mình giữ, đất mình mình giữ. Lòng tốt mình mình cũng phải giữ. Giúp người ta là đúng mà ba!

Ông Bảy chưng hửng nhìn con, vừa mừng vừa tủi, nó lớn rồi. Mừng vì thằng nhỏ khôn lanh, tủi vì lo vườn tược bỏ bê thằng nhỏ lẩn lốc. Coi như đời con ông ăn học nhiều, biết nghĩ hơn ông. Thì nghe nó, dù gì cũng chỗ tình nghĩa cũ. Làm phúc cũng để con cháu hưởng, trời chứng cho người lành.



Minh họa: ĐÌNH TRUYỀN

Hán Đông Gioăng

HỮU PHƯƠNG

Hiệu trưởng Đôn mũi đỏ ôm cặp đến rất sớm, khi hội trường lác đác vài bóng người. Sau chiến tranh, trường đã được đưa lên khỏi mặt đất, nhưng gần mười năm nay đa phần vẫn còn tranh tre nửa lá. Ông đi thẳng lên bàn chủ tọa, ngồi mở sổ rà soát nội dung và đưa mắt chờ đợi. Hội đồng giáo viên Trường trung học phổ thông Sơn Nghĩa đông đúc, nhưng ông chờ mỗi hai tổ trưởng chuyên môn, cũng là hai chỗ dựa tin cậy của ông. Hai con người không thể thiếu trong “triều đại” ông làm hiệu trưởng. Ông hãnh diện với câu cửa miệng truyền nhanh như gió “Văn thầy Hán, toán thầy Bình” của phụ huynh và học sinh ở tỉnh này. Tay Bình hiền lành, chỉ ham mỗi chuyện đi câu cá, nhưng tay Hán thì quá con ngựa bất kham. Nên lúc nào, ở đâu, ông cũng để mất

đến. Tay Hán trước ở trường sư phạm tỉnh trên vùng đồi sơ tán, bị kỷ luật nặng, chuyển xuống bộ phận hành chính, ngồi chơi xơi nước, không có trường nào dám nhận về. Thế mà không hiểu sao, chính ông lại lọ mọ ôm cặp đi xin Hán về cho bằng được. Có thể lúc đó ông cho rằng, tay Hán đang như chết đuối vớ được cọc, sẽ biết ơn ông suốt đời, mà tận tâm vì cái trường do ông làm hiệu trưởng. Nhưng cũng tại cái máu ưa nổi tiếng trong lãnh đạo chuyên môn, ưa thành tích hơn người của ông mà ra nỗi này.

Quản lý mỗi tay Hán ông đã mất ăn mất ngủ. Phải thật tinh quái giữa một bên sử dụng tài năng, với bên kia là kìm giữ tính trăng hoa nhất trần đời của anh ta. Làm hiệu trưởng mà có trong tay một giáo viên dạy giỏi như Hán, khác chi được trời cho cục vàng! Một giờ lên lớp của anh ta, người nghe cứ mê lịm đi, học sinh như nuốt lấy từng lời. Khỏi lo! Giải thưởng học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, bỏ cổ đằm cũng cầm có trật! Sướng thế! Rồi còn phong trào bề nổi, thi văn nghệ, thi bóng chuyền, một tay Hán giành hết giải cao về cho nhà trường. Mỗi lần trao thưởng, ông mũi đỏ lựng, vênh vang trên bục cao nhất, giữa bàn dân thiên hạ. Khỏi nói cái cảm xúc thành công của người lãnh đạo, biết dụng nhân như dụng mộc. Nhưng quản lý anh ta khác chi ngồi lên con ngựa không yên cương, không hàm thiếc! Khi ngẫu hứng tung bồm nó vượt qua tất cả, đưa ta về đích vinh quang tột đỉnh. Ngược lại, cũng rất ngẫu hứng, anh chàng cho ta rơi xuống vệt cỏ như một cục đất...

Trời phú cho tay Hán dạy giỏi, nhiều tài vật có lợi cho nhà trường, nhưng trời cũng vô tình phú luôn cho anh ta vô vắn ngón nghề quyến rũ đàn bà con gái. Cầm lấy cây đàn guitar, lập tức những ngón tay dài rung lên bản nhạc bập bùng trắng khuya. Vớ phải cây đàn bầu, là thánh thót cung thương cung nhớ đêm điệu vơi. Tim đàn bà con gái tan nát hết. Rồi trước mặt chị em yếu mềm, anh ta đôi mắt lim dim, miệng thầm thì những vần thơ thốn thức gan ruột. Anh ta lại có ngón ký họa, truyền thần chúa tể. Chỉ kê tờ giấy học trò lên đầu gối, thoáng nháy, người đẹp hiện lên với bức chân dung thần thái mơ màng, ẩn chứa nét tung tẩy nổi loạn. Lỡ gặp anh ta trên sân bóng chuyền, thì thôi rồi, chị em không thể cất bước đi. Sức hút khó cưỡng của một con đực ngồn ngộn sức lực, đô con, tráng cường. Khi anh ta ở cầu trên, đối phương chỉ còn biết gờ lưng chịu trận. Những pha nâng đập cháy lưới...

Đám đàn bà con gái xinh đẹp trong trường, không mấy ai không dính lưới tình của Hán. Bởi thế, anh chàng tự nhiên có biệt danh *Hán Đông Gioăng*. Ấy là cánh giáo viên trên Hán mà gán ghép, chứ ông biết đâu. Mãi đến một hôm, ông mới thực sự chứng kiến. Đang giờ lên lớp, không gian im ắng. Ở phía dãy các lớp học, chỉ nghe văng lại tiếng giáo viên giảng bài đều đều. Dãy nhà hành chính sau khu hiệu bộ, ai công việc nấy, trôi đi lặng yên. Sau kia nữa, là khu nhà ở giáo viên, chỉ nghe đôi ba tiếng trẻ con chơi trốn tìm. Ông đang cầm cúi làm việc ở phòng mình, bỗng hai đứa trẻ chừng ba, bốn tuổi, ngọng lịu ngọng lo, từ dãy nhà sau học tốc chạy vào. Một đứa hồn hển nói như mách:

- Bác Đôn ơi, *xây* Hán với cô *Nhước*...
- “Thầy Hán và cô Nước làm sao?”. Ông hỏi gấp, thoáng chột dạ.
- Dạ... *Xây* Hán và cô *Nhước*... ở chỗ phòng *xây* Hán...
- Thầy Hán và cô Nước... ở đó lâu chưa? Họ làm gì?
- Dạ... *Xây* Hán và cô *Nhước*... ở đó *dâu dôi* ạ...
- Hà...? Họ làm chi, các cháu có biết không?
- “Dạ... *Xây* Hán và cô *Nhước*... hai người... hai người...”, đứa trẻ thở tức tức, hụt hơi.
- “Hà? Hai người làm sao?”. Ông hỏi lú lờ.
- Dạ, hai người... hai người vật nhau...
- Hử...? Họ vật nhau ở đâu, chỗ nào?
- Dạ... Hai người vật nhau... vật nhau *chên* giường...

Ông Đôn mặt tái xanh, lật đặt xỏ dép, chạy vội ra sân. Cái mũi vốn đã đỏ, giờ chín lựng như trái cà chua. Nắng chiếu thẳng xuống cái đỉnh đầu hói sớm nghe ran rát, khiến ông giật mình nhìn lại. Hóa ra, ông vẫn quần đùi áo may ô mặc ở nhà. Nếu nhớ ai hỏi, ông đi đâu đấy, biết trả lời sao? Với lại, cái chuyện đi bắt người hủ hóa, là vô cùng tế nhị. Dù ông là hiệu trưởng, nhưng với quần xà lỏn áo ba lỗ thể này, cái con ma nữ nặc nô ấy nó ôm hót lấy cổ, rồi van lằng, ông biết gỡ sao? Ông lật đặt quay trở lại. Vào buồng, luống cuống thay bộ đồ dài, đi giày, đội mũ nghiêm chỉnh. Lấy về đạo mạo, cố giữ bước đi khoan thai, của một lãnh đạo am tường mọi việc cơ quan...

Cô Nước có chồng là giám đốc một công ty lớn. Từ ngày đổi mới mở cửa, anh ta làm ăn rộng, nghe nói sang tận bên Lào. Một tháng đôi ba lần về nhà vài hôm, rồi vắng biệt. Nước trắng trẻo, mắt mộng mơ, tính lẳng lơ đa tình. Nom chẳng hợp với công việc kế toán chút nào. Ấy vậy nhưng chuyên môn lại rất vững. Mọi chế độ chính sách đâu ra đấy. Ông chỉ mỗi rằm rập nghe theo...

Vừa bước xoắn xoắn, ông vừa nghĩ tìm lý do hợp lý đến khu nhà giáo viên lúc này. Kiểm tra đời sống, điều kiện làm việc ở khu tập thể, khu hậu cần ư? Sao lịch công tác trong tuần, không thấy nội dung này? Hừm! Là hiệu trưởng một trường cấp phổ thông trung học, đi đâu, làm gì, cũng phải báo cáo, giải trình với mọi người chắc? Và lại, việc này quá đột xuất, không thể chậm trễ. Chậm trễ là mắc tội quan liêu, không sâu sát thực tế...

Ông lấy về tự tin, bước dứt khoát hướng đến khu nhà giáo viên. Khi đi ngang khu nhà hành chính, đảo mắt thấy phòng kế toán cô Nước trống không, sổ sách giấy tờ vẫn mở trên bàn như trong giờ làm việc. Các phòng thủ quỹ, cấp phát, đôi ba người đi lại. Bỏ qua tất cả, ông đi nhanh ra mấy dãy nhà giáo viên. Nói đúng hơn, ông bước thẳng, gần như xông xộc vào phòng tay Hán. Ông muốn ngay

lập tức, chớp được cảnh trai trên gái dưới. Phải bắt được tay vầy được cánh, mới mong xử lý được chuyện mèo mả này.

Ông suýt nữa đâm sầm vào người tay Hán, đang đánh trần quần cộc, đứng lau mồ hôi bên bàn viết cạnh lối đi. Mắt ông nhìn xói thẳng vào chiếc giường ngủ buông trong. Căn phòng được ngăn đôi bằng liếp nửa, nửa ngoài đặt bàn làm việc, nửa trong là buồng ngủ. Thông nhau bởi một cửa đi, được che bằng tấm màn gió nhuộm xanh. Tấm màn đang khẽ lay động, nửa như gió thoảng, nửa có người bên trong. Nhưng ông không thể xộc bước vào đó ngay được. Thành ra, ông nhăm nhứ rồi chết đứng. Chóp mũi đỏ lựng. Mặt cũng đỏ lựng. “Hiệu trưởng... đi mô rứa ta? Hay tìm ai, mà hớt hơ hớt hải như người mất bò?” Tay Hán nháy mắt, miệng cười gian xảo và móc mĩa. Hấn ta cố ý đánh tiếng, để cô Nước trong buồng biết, mà tùy cơ ứng biến đây. Hấn là Hán cũng thừa biết, hiệu trưởng Đôn mũi đỏ đến đây tìm ai, làm gì. Cái cười nửa miệng tinh ranh như báo, muện rồi, chúng tôi đã... quần tề áo chỉnh!...

- “À... Là tôi... đi tìm cô Nước... Cô ấy...”, ông Đôn nói ập a ập ứng. Vừa muốn nói rõ tìm đến việc đến đây, vừa thấy bất ổn. Dễ bị bắt chẹt. Nhất là những anh ả mèo mả gà đồng, sẽ mồm ba miệng bảy lu loa khi đã mặc lại được quần áo. Thành ra, ông cứ lúng ta lúng túng như gà mắc tóc. Và tức thì thấy mình bị rơi vào thế yếu. Từ chỗ chủ động, hùng hồn chốc lát trở nên bị động, hèn mọn.

- “Tìm cô Nước, sao đến đây?” Tay Hán cười ruồi, hỏi dồn.

- “Là... Lúc nãy, thấy bóng cô ấy đi về hướng này...”, ông Đôn gãi tai ngượng ngùng, nói yếu ớt...

Có lẽ thấy vẻ thiếu nảo của thủ trưởng bị Hán bắt chẹt, lại chẳng ai có thể quy kết được gì mình lúc này, Nước lách tấm màn gió, đồng đánh bước ra. Chân đi, tay chỉnh sửa quần áo, và bới lại mái tóc rối. Ánh mắt lonh lanh. Gương mặt ứng hồng, ngời tươi. Sự ngời tươi của ả đàn bà vừa được thỏa mãn.

- Bác Đôn! Bác tìm em... có việc chi rứa, nà?

Ông Đôn lườm qua vầng ngực đầy, bộ đùi căng mẩy của Nước, mừng tượng lúc hai người hừng hực quần lấy nhau trên giường. Ông khẽ nuốt nước bọt.

- Cô... làm gì... ở đây?

Nước bỗng phá lên cười, rồi chợt thấy bất kính, che miệng giảm tiếng cười xuống độ rình rích. Tiếng cười giấu mĩa và trêu ngươi.

- Hiệu trưởng... kiểm tra em đây à?

- “À... không!... Chỉ là nhân tiện...”, ông Đôn bối rối chống đỡ.

- “Dạ, em sang chỗ thầy Hán đây, nhờ chép bài thơ *Màu tím hoa sim...*”, Nước ỏn ẻn nói và nhìn sang tay Hán, “Thế... anh chép xong chưa?”

Đôn mũi đỏ định gắt, đến nhờ chép thơ, sao lại chui vào buồng ngủ anh ta? Nhưng ông kịp nén lại, sợ bị hổ. Thiếu gì lý do hợp lý. Nào bị nhức đầu, chóng mặt. Nào bị đau bụng. Nào thấy khó thở...

Tay Hán hiểu ý Nước, lật đặt đi lấy giấy bút chép thơ. Ông Đôn chợt thấy nhạt miệng, vì bị lồm một cách ê chề. Nhìn lại, đã thấy mình thừa. Trước khi rút lui, ông nhìn Nước nói vớt vát: “Cô lập chứng từ ứng kinh phí quý tới sớm đi, nhá!” Rồi, lúc cúc bước ra sân. Hán và Nước, hai kẻ song kiếm hợp bích, cùng đưa mắt sang nhau, cùng đưa tay bùm miệng, cười vế đắc ý, tí tởn. Đôn mũi đỏ cay đắng giận sôi gan nhưng cũng ít nhiều mừng thầm vì sự việc đã không để lại điều tiếng gì. Làm lãnh đạo, sợ nhất để xảy ra điều tiếng không hay bay đến tai cấp trên...

Chuyện tay Hán bị kỷ luật ở trường sư phạm tỉnh khi còn chiến tranh, dù không nói ra, nhưng ai cũng tỏ tường. Nghe nói, từ lâu đã có sự thân thiết giữa thầy Hán và nữ sinh viên Lương. Lương học khá môn văn, thường được thầy Hán mời đóng góp ý kiến xây dựng bài. Thầy còn khen ý kiến Lương sắc sảo. Nên việc Lương được điểm cao môn văn, cũng quen dần. Thầy Hán hay ghé thăm lán nữ sinh ở bên bờ suối, gọi là đi kiểm tra học tập. Mỗi lần thầy đến, cả lán nữ bu quanh, đưa mô cũng muốn được thầy chú ý. Rồi mê mẩn nghe thầy đọc thơ. Ai cũng có một cuốn *Sổ tay nghiệp vụ*. Chép những câu thơ hay, những áng văn đẹp, làm dày thêm hành trang nghề dạy học sau này. Cuốn sổ của Lương đẹp nhất, bìa bọc vải mới cứng. Trang đầu tiên có lời đề tặng và chữ ký của thầy Hán. Thì ra, sổ của Lương do thầy Hán mua tặng. Trong sổ, có mấy bài thơ thầy Hán sáng tác, được thầy tự tay chép vào, với những dòng chữ rất đẹp.

Con thỏ non ngờ nghếch đã tự dẫn xác đến hang con cáo già. Nói đúng hơn, nó đã hồn nhiên đi vào lối cò non dẫn dụ của con cáo già, mà không hay biết. Hôm ấy, thầy Hán gọi Lương đến phòng mình, nói nhờ vá chiếc áo. Vá xong áo, thầy Hán đưa cho Lương một bánh xà phòng Thái, thơm nức. Quá bất ngờ, chiến tranh khó khăn chồng chất, hàng hóa khan hiếm. Lương chưa bao giờ thấy nó, nghĩ đến nó, khi mà cả nhà em phải kiếm ăn từng bữa. Bánh xà phòng còn bọc trong giấy bóng đã tỏa mùi thơm ngào ngạt. Mắt Lương sáng lên như được vàng, lại hàm chứa một thứ huyền cảm sâu nặng. Thầy Hán khen Lương khéo tay. Rằng bàn tay em như có phép tiên, biến chiếc áo rách thành lành lặn như mới. Bất ngờ hơn, thầy hôn lên mảnh vá có đường kim mũi chỉ của Lương, khiến em thích thú đỏ mặt.

Hết vá áo sang vá quần. Hết xà phòng thơm sang nước hoa. Hết hôn lên mảnh vải sang hôn lên da thịt mu bàn tay thiếu nữ. Cuộc đàn dúi ban đầu mơ hồ, như sương như khói. Bước sang hiện hữu hình khối, nhưng không có ranh giới cụ thể. Trái tim thiếu nữ của Lương quen dần với cảm xúc ngổn ngát khi môi thầy chạm lên mu bàn tay. Về phòng ngồi một mình, Lương thấy nao nao nhớ, nao nao thèm, nao nao mong được lặp lại. Rồi những gì xảy ra, Lương vừa sợ vừa thích. Sợ vì không biết rồi sự thể sẽ đi đến đâu. Đôi khi em muốn dừng lại, tự hứa là sẽ không đến phòng thầy Hán nữa. Nhưng ít ngày sau, những bài thơ

hay nòng nài thầy gửi tặng, những điểm số đẹp thầy ghi vào sổ làm xiêu lòng Lương. Một phần vì thấy thích, một phần thầy Hán bảo không can chi mô, thế là lại gặp nhau. Sự việc bị bại lộ vì thầy Hán quá liều mạng. Đang đêm, mò đến khu lán nữ sinh. Thầy đã biết Lương nằm ở vị trí ngoài cùng. Cuộc làm tình diễn ra, ngay trên sạp ngủ tập thể, khi cả nhóm nữ đang giấc say...

Sạp ngủ kết liền nhau. Chỉ cần một chỗ rung nhẹ đã khiến cả bọn thức giấc. Huống chi cuộc hoan lạc đang lên cơn điên loạn, không thể kìm giữ của hai kẻ vụng trộm trần trụi sức lực. Cả bọn cắn răng chịu đựng. Hôm sau, mọi người trong lán nhìn nhau mặt sượng sùng. Nhưng mặt Lương tỉnh bơ, như không có chuyện gì xảy ra. Không ai có thể trực tiếp nói chuyện với Lương, vì chắc chắn sẽ đến tai thầy Hán tức thì. Cũng không thể báo cáo với nhà trường, vì sự việc sẽ bùng vỡ, Lương sẽ bị đuổi học, và thầy Hán chắc bị điều chuyển.

Vài đêm sau, thầy Hán lại mò đến lán trong khuya. Cả nhóm con gái đang ngủ say, bỗng tiếng sạp rung và tiếng thở nặng nề của đàn ông. Rồi tiếng Lương nói khẽ "Em đang có...". Thầy Hán thở dài thườn thượt, rồi lặng lẽ đi ra khỏi lán. Đêm sau, cả bọn thay đổi chỗ nằm, đưa Lương vào nằm góc trong cùng, và đem xoong chậu treo đầy cánh cửa. Nhưng ở vùng đồi, thiếu gì rừng cây hoang cỏ, lãng mạn mỗi hoàng hôn hay đêm trăng. Và đi đêm lảm có ngày gặp ma, Lương bị dính bầu, thầy Hán bị kỷ luật nặng...

Khi ông Đôn ôm cặp lên Sở xin cho bằng được tay Hán về trường, có người bảo ông mạo hiểm, tự mua dây buộc mình. Nhưng ông không nghĩ thế. Kỷ luật chỉ là một tai nạn, nó giúp con người trưởng thành hơn. Và chẳng, ông đã có cách độc, khắc chế tính trăng hoa của Hán, nhằm phát huy tài năng của anh ta, phục vụ sự nghiệp trồng người. Biện chứng quá! Đấy, mới mấy năm, mà cả tỉnh rộ lên bộ đôi "*văn thầy Hán toán thầy Bình*" đó sao? Để chắc chắn, lần này ông đóng yên cương, hàm thiếc con ngựa bắt kham của mình. Bằng cách xin chuyển cô vợ anh ta từ ngoài Nghê vào ở cùng. "Hà hà... Cao kiến!", ông tự khen mình. Ngay cả bậc đế vương, kẻ quyền cao chức trọng, kẻ lắm tiền nhiều bạc, trăng hoa đến mấy, cũng phải bó gối trước các bà vợ! Hán cũng không ngoại lệ. Chứng cứ là, từ ngày vợ vào, tay Hán chỉ luẩn quẩn trong nhà với gạo củi và rau heo cám chó, cấm có đi ra ngoài...

Nói của đáng tội, sử dụng tay Hán như cưỡi trên lưng hổ. Ông vừa cưỡi vừa run, vừa nường vào bước chân của nó. Giá tay Hán là đảng viên thì coi như con ngựa bất kham ấy đã thêm một lần dây cương hàm thiếc. Đảng này, Hán chỉ là tổ trưởng bộ môn, một chức vụ do ông ký bổ nhiệm. Đã mấy lần ông đưa ra chi bộ thảo luận đều bị gạt phăng, nói đề nghị xem lại "quan hệ nam nữ". Dù từ khi về trường này, chưa có chuyện gì cụ thể, nhưng lập luận "không có lửa sao có khói" lại kìm chân Hán ta...

Ông Đôn nhướng mắt nhìn qua khe kính một lượt hội trường đông đúc, và thấy gương mặt hai con át chủ bài, thì yên tâm đánh tiếng bắt đầu làm việc. Ông không quên xác định vị trí Hán Đông Gioăng, ngồi chỗ thứ hai dãy cuối phòng,

canh lối đi. Lúc lúc, ông lại đưa mắt kiểm tra, canh chừng. Và cái mặt tươi rói, phỉ phỡn của anh ta đón cái nhìn của ông như muốn nói, có tôi đây!

Ông mồn tay với việc viết các báo cáo gửi lên cấp trên, mồn mắt với các công văn nghị quyết cấp trên gửi về, và mồn đống quần ở các hội nghị, nên việc triển khai nhiệm vụ đầu năm học, nội dung đã nằm lòng. Chạm vào văn bản là như chạm vào nút ấn của chiếc máy. Nó phát ra một cách say mê, tuần tự. Ông nói chậm, dừng lại giảng giải nhấn mạnh, rồi lại nói chậm sang nội dung khác. Cả hội trường im phăng phắc, chỉ nghe tiếng bút chạy trên giấy rào rào. Ông thích thú không khí này đến mê tơi. Lãnh đạo một nhà trường, được mọi người tuân thủ ghi chép rầm rập, thì còn chi hơn? Say sưa cho đến khi kết thúc, ông xoa tay chuyển sang phần thảo luận...

Ngẩng mặt lên, nhướn mắt, ông giật thót như chạm phải lửa! Ngẩn ngệt ra. Mặt nóng bừng, da xanh tái. Ngực nhói nhức, tim gõ thất thần. Mũi đỏ lựng. Anh ta đâu rồi? Anh ta đi đâu? Ông mất cả bình tĩnh. Hấn lùi chỗ nào? Hấn chui hốc mô? Sợ bị hổ, ông không nói gì, chỉ nhướn mắt qua khe hở cặp kính lão, soi khắp lượt hội trường, từng dãy ghế, tìm bộ mặt đi thóa của hắn. Không có! Ngay cạnh cô giáo Thảo đẹp phây phây, cũng không có nốt. Thế là thế nào? Ông đã không nhìn thấy hắn từ khi nào? Hình như gần hai tiếng đồng hồ trên bục ông vẫn nhìn thấy hắn kia mà? Và ông yên tâm với hắn lắm kia mà!

Sở dĩ hiệu trưởng Đôn mũi đỏ cuống lên, tâm thần bấn loạn như thế, là bởi mọi người đã nhìn thấy *khói*. Đau, là *khói* lại bay lên từ chính ngôi nhà của ông. Người ta nói xa nói gần, rồi lời ong tiếng ve lọt vào tai ông. Thậm chí, lời đồn còn kèm câu về xóc óc. "*Với thầy Hán một hôm, bằng ông Đôn cả tháng*" Hừm!... Toàn bịa tạc! Lạ gì trò đời, thấy Thu Thiểm của ông đẹp phây phây, non hơn hớn, thì ghen tị đặt điều cho bõ ghét. Còn tay Hán, chịu ơn ông mấy lần, lại là chỗ tâm phúc. Không! Không thể nào! Vuốt mặt phải nể mũi chứ! Hắn đâu phải súc vật!

Mà tay Hán này chúa thật, không ai lường hết được hành tung của anh ta. Cách đây chừng năm, khi vợ anh ta còn ở ngoài Nghệ, tiếng đồn đến tai ông, rằng đêm thứ Bảy nào Hán cũng có đàn bà. Ông quyết định chiếu tướng hắn một phen bằng cách tối thứ Bảy ấy, bất ngờ đến ngủ căn phòng sát bên cạnh. Đó là phòng của tay giáo viên nghỉ chăm vợ sinh, ông đến lúc chập tối, đánh tiếng với tay Hán phòng bên rằng, chiều nay hợp xong muộn quá, nên ngủ lại. Hai giường kê sát nhau, chỉ cách một vách liếp thưa. Con rận bò bên kia, bên này cũng nghe thấy. Cả hai say sưa chuyện thời sự thế giới, Hán nói rất hăng, phân tích rất kỹ các tình huống. Thỉnh thoảng nghe tiếng trở mình rất khê, nhưng mạch chuyện vẫn thao thao bất tuyệt. Đến khoảng mười một giờ khuya, nghe có tiếng rửa tay, rồi tiếng kẹt cửa rất khê. Không biết là tiếng của phòng nào trong dãy nhà tập thể? Cẩn tắc vô nấy nấy, ông lao ra cửa, tức thì gặp bóng một giai nhân từ phòng Hán bước ra. Đôi chân trắng nhẽ trắng nhại dưới làn váy ngắn, đồng đánh lá lướt qua sân trắng...

Nhưng giờ anh ta đi đâu? Anh ta đi lúc nào? Ông thấy chột dạ. Mồ hôi túa ra đầm cả khuôn mặt như có kiến bò. Ngượng ngùng. Bẽ bàng. Tuồng như cả hội trường ai cũng biết rõ nơi anh ta đến, chỉ mình ông là không. Có thể quá quắt như thế không...? Nhưng ở đời, có gì là không xảy ra? Đừng cả tin sinh chủ quan! Ối kè tin bạn mất bò, đó sao!

Hiệu trưởng Đôn mũi đỏ chỉ kịp nói "Xin lỗi", rồi lao ra khỏi hội trường. Đôi tai ừ đặc của ông vẫn nghe tiếng rào rào nổi lên phía sau. Hình như có cả những tiếng cười nhạo khà ồ, bám đuổi theo ông...

Chiếc xe máy Honda đời 67, già nua cũ kỹ như ông, ì ra trong bàn tay chai sạn. Đạp mãi nó mới chịu cất tiếng nổ phành phạch. Ông ngồi lên yên, thúc nó chạy nhanh. Bấy giờ, tiếng nó gập dứ, gất gỏng không khác tiếng máy cày và nhả khói mù mịt. Quá nóng ruột, ông nói tay ga, tức thì nó lịm đi, ì ra như đồng sắt nguội. Nó đồng lõa với tay Hán chắt? Cuối cùng, lại đổ dành nó mới thuận thực trở lại. Ông Đôn cuội xe mà đầu cúi thấp, mắt không muốn chạm mắt người đi đường. Tuồng như họ cũng đang cợt mỉa người đàn ông đầy quyền uy của một nhà trường danh tiếng lại bị vợ cấm sừng...

Ông cúi cổ, gò lưng trên xe máy như ngồi lưng trâu. Mồ hôi ướt đầm như tắm, dính chặt lưng áo. Trời cuối Hạ đầu Thu mà nắng như đổ lửa, gió Nam thổi cuồng lên như bão, hất cát vào mặt ông không thương tiếc. Hay chúng cũng đồng lõa với vợ ông, cố cản bước chân ông? Bao nhiêu lời đồn đại bấy nay, nhưng ông coi là họ treu ông, treu con người quá dối thật thà. Ngoài trí lực tập trung cho công việc lãnh đạo một nhà trường tiên tiến, sức lực còn lại ông tập trung cho gia đình. Sau giờ hành chính ở trường về là ông đánh trần với khu vườn trồng rau khoai, dây chuồng xây xi măng nuôi vài chục con lợn thịt, hai con lợn nái. Chiến tranh đi qua đã mười năm nhưng khó khăn vẫn chồng chất. Giờ bước chân vào thời kỳ đổi mới, ai cũng phải tự tìm thu nhập khác lương. Phải tự cứu mình trước khi trời cứu. Ở vùng đồi này cũng chỉ có kế sản xuất, chăn nuôi thêm. Ông may mắn hơn cánh giáo viên trong trường là bà vợ làm ở cửa hàng bán gạo, kiêm quản lý cơ sở xay xát lương thực thị xã. Ai thiếu hụt chứ ông không thể. Ngoài ra, một cơ sở đáng kể về tấm cám, đầu thóc, trấu đun giá phân phối, đủ dùng quanh năm trong gia đình.

Một dây lò đun trấu thường xuyên đặt mấy cái chảo lớn, xoong quân dụng, sôi lúc rúc cháo lợn. Ông có kinh nghiệm nuôi lợn khép kín. Vài ba sào đất chuyên trồng khoai lang, không lấy củ. Đất không đánh luống, chỉ rạch rãnh sâu, giâm ngọn khoai xuống. Phân lợn thải ra, quét chảy theo mương vào bể chứa. Khi khoai bén rễ, mức phân lợn tưới lên theo rãnh. Rãnh sâu và rộng, phân lợn được giữ lại, thấm vào trong mấy lớp đất, không bị chảy trượt ra ngoài. Cả khi mưa lũ, cũng không bị trôi mất. Rau tốt bởi, thu hoạch như cắt rau muống. Cắt gần sát gốc, chừa khoảng nửa gang tay. Cắt vừa đủ cho đàn lợn ăn trong ngày. Cắt đến đâu, tưới phân lợn đến đấy. Được phân, vài hôm gốc dây khoai tua tua mầm.

Một tuần, rau khoai phủ kín mặt đất. Cắt đến luống cuối cùng, thì luống đầu tiên đã xanh bời bời. Cứ thế, tiếp tục quy trình cắt và tưới.

Rau tươi thái vài ba phân bỏ vào các chậu lớn, dùng gàu múc cháo nóng đổ lên, quấy nhẹ. Bỏ thêm chút xác mắm mua từ các hợp tác xã nghề ngư. Cháo vừa tỏa khói, đàn lợn đã réo lên gọi râm ran. Lợn ông năm, sáu tháng xuất chuồng một đợt. Mỗi đợt ba bốn con. Các thương lái cân ngay tại nhà, thuận tiện đôi đường. Đầu vào giá rẻ như không, nên ông lời to. Nguồn lợi này được vợ ông chuyển qua mua vàng cất giữ. Mới mấy năm đổi mới mở cửa, gia đình ông, mà chủ yếu là vợ ông, có một gia sản khá lớn trong im lặng. Khi cả vùng đồi này còn tranh lá, chỉ lác đác nhà ngói, thì vợ ông đã cho xây ngôi biệt thự ba tầng, chỗ vùng đồi giáp thị xã.

Dù ông có tiếng trong xã hội, nhưng vẫn thua xa vợ ông. Ông thật thà chân chỉ, cả trong chuyện môn lẫn trong lãnh đạo nhà trường. Cả trong quan hệ xã hội, trên phố biển sao ông nghe và tin như vậy. Trong khi vợ ông có cái nhìn đi trước thời đại. Chẳng hạn, bà ấy bảo thị xã rồi sẽ lên thành phố, khi đó cả vùng đồi phía tây này, bao gồm cả ga hỏa xa, sẽ là trung tâm thành phố. Thế là bà ấy mua ngay khu đất đồi, rộng vài hecta, gần khu chợ nhà ga, giá rẻ như cho. Nhưng vừa mua xong thì con đường lên vùng đồi chạy qua trước nhà mở rộng thành trục chính, chuẩn bị rải nhựa. Đất nhà ông vụt lên giá, gấp cả trăm lần. Vợ ông đang tính chuyện bán đi vài lô, lấy tiền xây khách sạn. Từ đây về biển cách hai cây số, mùa Hạ chỉ ngồi đếm tiền. Người ta bảo, số ông nhờ vợ, quả không sai!

Chiếc xe khủng khực chạy như con ngựa già mẫn cán. Ông vẫn thấy chậm rề rề. Nhưng càng thúc, nó càng la toáng. “Hừm!... Thế này thì còn nước mẹ gì nữa!” Khác chi nó bảo, này đồi gian phu dâm phụ kia, mau mặc quần áo vào, lão chủ về ngoài ngõ rồi đấy!

Đôn mui đỏ diên lên, dừng xe tắt máy từ ngoài đường cái. Còng lưng cò cổ đẩy trong im lặng. Chiếc xe cứ ì ra trên lối đất cát pha, ông nghiêng răng nghiêng lợi, bấm bụng bấm chân đẩy, cổ không phát ra tiếng động. Đúng là cái tổ con chuồn chuồn! Không sai tẹo nào! Trên góc sân nhà ông, chiếc xe máy Babetta như con cào cào của tay Hán, đang im lặng đợi chủ...

Quả thật ông không hay rằng, Thiểm vợ ông từ lâu đã nghe phong thanh trong giới đàn bà mê trai lạ về một Hán Đông Gioăng trắng hoa sức lực, tuổi vừa bốn mươi. Đường bệ phóng tưng. Cô nàng vô cùng háo hức. Trái tim cứ réo rất muốn nhìn thấy mặt, muốn nếm một lần cho biết, nhưng không có cách nào tiếp cận được. Nhiều đêm Thiểm nằm mơ, tưởng tượng, hình dung. Càng mừng tượng, cơn thèm khát càng trào dâng, như con sóng đập tung bờ đá. Cơ thể cô nàng réo gọi, gằm thét đòi được thỏa sức. Mong được một cuộc làm tình tươi tắn, lẫn chiêng đổ đèn. Từ khi cưới nhau đến giờ, dù đã sinh hai mặt con, chưa bao giờ cô ả được ông Đôn cho lên đỉnh. Đôi khi Thiểm tự hỏi, có ai như mình trong giới đàn bà? Hay tại ông Đôn đã lớn tuổi? Ông ấy nay đã ngoài năm mươi, hơn vợ mười lăm tuổi. Hồi ấy, vì thấy ông nổi tiếng dạy giỏi, lại chân chỉ hạt bột, cha mẹ cô mê

mắn, khiến cô cũng xuôi theo. Bây giờ, với cô, ông Đôn là một thứ mà không có thì thiếu, có thì thừa...

Cầu được ước thấy, trời đã đưa Hán Đông Gioăng đến cho cô ả. Thiểm run lên, khi tay cô lật chồng sổ gạo trước mặt, bật lên cuốn bìa còn mới cứng, mang tên Trần Hán. Cô nàng khựng đi mấy giây, đầu óc lướt nhanh tình huống. Một cái gì tựa tựa sự gian ngoan của loại đàn bà có gan ăn trộm thừa gan chịu đòn tình giắc. Không ngẩng lên tìm người. Không hốt lên trên sắc mặt. Cô nàng lạnh lùng và kín đáo như một con mèo, giúi nhanh cuốn sổ xuống nằm dưới đáy.

Gạo được bán lần lượt, theo thứ tự từ trên xuống dưới của chồng sổ trên bàn. Hán Đông Gioăng hết đi vào lại đi ra, giữa đông đúc người lơ nhố đứng ngồi chờ đợi. Chồng sổ trên quầy vơi quá nửa, sổ của Hán vẫn chẳng thấy tăm hơi. Thế nghĩa là thế nào? Việc đi xếp hàng mua gạo sổ là việc của đàn bà. Nhưng vợ hắn mới chuyển vào, chưa thông thạo đường đi lối lại, nên hắn phải đi mua thay. Và chẳng, quanh năm chúm mũi với bảng đen phấn trắng cứ mục người đi nên ra ngoài một buổi cũng thấy thích?! Từ ngày vợ chuyển vào công tác trong trường, hắn như bị trói chân trói tay. Đi ra khỏi nhà, dù không phải xin phép, cũng có đôi lời thông báo. Đến nỗi, có lần ngồi uống trà với nhau, hiệu trưởng Đôn mũi đỏ nheo mắt cười ranh mĩa, rằng con tuấn mã đã lấp yên cương và hàm thiếc rồi phải không?

Mấy lần Hán định ướm hỏi, nhưng thấy cô nhân viên bán gạo cắm cúi làm việc, thao tác như máy, chưa một lần ngẩng lên, thì ả ngại. Và chẳng, khuôn mặt nhìn nghiêng của cô nàng cũng khá dễ ưa, toát vẻ khêu gợi, khiến hắn thỉnh thích. Ngưu gặp ngưu, mã gặp mã chẳng? Hắn kín đáo ngắm nhìn, càng nhìn lại càng ưa. Vẻ dư dật dĩi thỏa từ đôi chân mày rậm và cong, đôi mắt lơ, đôi môi hé mọng, đôi má ứng hồng. Hai bờ vai thon, và vầng ngực vun đầy. Hán Đông Gioăng có một thói quen nhìn đàn bà là từ sắc mặt, lướt xuống ngực, bờ vai và hai cánh tay, từ đó cho phép anh ta hình dung tất cả, khi tuột bỏ váy xống. Giờ cũng vậy, với cô nhân viên bán gạo này, Hán hình dung cái bụng thon, cái mông tròn phải biết...

Hán tựa lưng vào cánh cửa mở trái, mắt nhìn không chớp một điểm mơ hồ trước sân, đầu óc mẩn mê cơ thể người đẹp trong tưởng tượng. Bỗng giật mình bởi tiếng gọi đàn bà: "Trần Hán đâu?" Hắn như thức giấc, xung quanh vắng teo. Người xếp hàng mua gạo đã đi hết từ lâu.

Trong quầy, người đàn bà trẻ khẽ mỉm cười với ông. Nửa thân thiện như đã biết rõ nhau từ lâu, nửa khách sáo như người mới gặp.

- "Em chào thầy!", tiếng chào ỏn ẻn.

- À vâng! Chào em! Em là... học sinh xưa của tôi, sao?

- "Dạ không... Được là học sinh của anh, thì còn gì hơn nữa!". Người đẹp khéo léo chuyển cách xưng hô, khiến tay Hán như nỡ từng khúc ruột, quên nỗi chờ đợi suốt cả buổi sáng.

Anh ta trách khéo, “Không phải học sinh, thảo nào em bắt tôi chờ đến xiêu nghệ tàn hạc thế này...”

- Đầu có! Em giải quyết theo thứ tự mà. Biết trước thì...

- Tôi xếp sổ khi trên bàn mới có dăm ba cuốn thôi đấy!

- Thế à? Em xin lỗi!

- Xin lỗi... như thế... mà được sao?

- Thì anh bảo... phải làm sao giờ?

Bốn con mắt nhìn nhau một giây, chúng nói nhiều điều mà hai người thừa hiểu. Đôi tay của Thiểm ghi như máy những con số vào sổ. Khi trao sổ cho Hán, cô nàng chợt nói như sức nhớ. “Thôi được, em đền anh một chén cà phê. Sáng Chủ nhật, quán Gió Trắng, phía bờ sông...”. Thế là, từ đó, Hán Đông Gioăng thành thạo đường đi lối lại...

Ông Đôn áp tai vào hai cánh cửa lim nặng nề đóng chặt, bên trong lặng im. Ông gõ ba tiếng một, động tác lịch sự. Cốc, cốc, cốc... Cốc, cốc, cốc... Cánh cửa lì lợm, như không muốn nghe lời chủ. Điên tiết, ông gõ mạnh, gắt gỏng. Cộc, cộc, cộc... Cộc, cộc, cộc... Cánh cửa vẫn im lìm. Bực bõ, ông đi ra cửa sổ hành lang, gõ liên tiếp mấy cái, vẫn lặng như tờ. Thế này thì không còn thể thống gì nữa, ông phăm phăm đi ra phía sau, vượt qua mấy đồng củi, đến sát ô cửa sổ phòng ngủ. Không còn lịch sự, ông choang cả nắm đấm vào cánh cửa lim. Cánh cửa giội những âm thanh căm tức. Hình như trong ấy có tiếng động nhẹ nhàng, hay tiếng thở, ông không chắc lắm. Hẳn nhiên cánh cửa này không chịu mở. Bất lực, ông quay ra cửa trước, hằm hằm đặt những bước chân uất nghẹn trên hành lang trước phòng khách. Chiếc Babetta cào cào dựng góc sân như cột mả người đàn ông vô dụng, khiến ông sôi gan, lao đi tìm chiếc búa bửa củi. Nhưng tức thì, cánh cửa phòng khách bật mở. Và, Hán Đông Gioăng bệ vệ bước ra, đứng dạng hai chân choán ngay lối đi, như thể chủ nhà. Đầu tóc kịp chải mượt, mặt phơn phớt ửng đỏ, hai tay xốc xốc chiếc quần yếm treo cao rờn rờn thượng. “Hừm... Hẳn đứng tấn thế này, là cố ý không cho ông vào ngay, để con đàn bà đủ thời gian mặc lại váy xống đây!”. Ông định gạt phăng hẳn ra, nhưng Hán đã xối lỏi như không.

- Chào hiệu trưởng, bãi họp rồi, anh?

- “Sao anh... bỏ họp đến đây?”. Hỏi xong, Đôn giận mình vì không tìm được câu trả miếng xứng đáng.

- “Là tại anh cả đấy...”, Hán nói tỉnh bơ.

- “Anh trốn họp, lên đi, là tại tôi sao?”. Đôn giận dữ, chớp mũi càn đo lường.

- Đúng thế! Từ ngày anh chuyển vợ con tôi vào, ba thứ bà rằn gáo củi mắm muối, nó cứ đổ lên đầu lên cổ tôi...

- “Hừm, đi mua gạo, sao anh mò mặt đến nhà tôi?”. Đôn mũi đỏ quyết định đánh bài ngựa.

Hán Đông Gioăng nhếch mép, hất hàm về phía bao gạo dựng cạnh chiếc xe cào cào. “Là tôi nhờ... chị nhà mua hộ...”

- “Á a!... Thì ra, các người đã âm thầm sắp xếp, để có lý do hủ hỉ hợp pháp ở đây! Cái thứ đàn bà lằng lộn kia!”. Ông Đôn gạt phăng Hán, lao thẳng vào buồng ngủ. Ở đó, dầu vết bừa bộn chiến trường hoan lạc nghiêng trời lệch đất, chưa kịp thu dọn, chăn gối ngổn ngang, ga trải giường rúm rỏ. Đôn bước hụt chân, thở hụt hơi, mặt đỏ lựng, mũi đỏ bầm, lao đến giật cửa buồng tắm. Cánh cửa nhẹ tênh trong tay. Ở đây, vợ ông vừa thay xong váy xống, tươi rói và thỏa mãn, đóng đánh bước ra.

- “Anh về rồi đấy à?”, Thiểm thỏn thển nói.

Ông Đôn phùng phùng một thùng thuốc súng chực nổ, vừa há miệng, đã bị Thiểm đưa ngón tay búp măng lên chặn môi. “Suýt...”

Ngoài sân, Hán Đông Gioăng cất tiếng rõ to, “Cám ơn hiệu trưởng, tôi về đây”. Ông Đôn cố lấy vẻ đĩnh đạc bước ra, theo thói bẻ trên đưa tay lên như vẫy tiễn. Nhưng khi quay lại, ông chợt giận tím mặt sôi gan. Ông giận tay Hán? Ông giận vợ? Hay ông giận ông? Không biết nữa! Và bất lực nhìn con cào cào xả một làn khói đen, đắc thẳng vù ra khỏi sân...



Minh họa: BẢ SIẾU

Cầu Giăng

ĐỨC BAN

1. Sách cổ chép, ngày xưa có con đường Thiên Lý nối vùng đất này với các miền xa ngái đàng ngoài, đàng trong. Đường qua bao nhiêu là sông, là suối nhưng không có cái cầu nào. Người, vật đi lại bằng cách gì, sách không ghi. Nói là sách cổ nhưng là những mảnh giấy người thời nay viết. Người thời nay bỏ quên nhiều chuyện, riêng gì chuyện cầu qua sông. Không có lợi cho thời họ sống thì họ cho quên.

Đến năm nào đấy trên đường Thiên Lý, bấy giờ dân chúng gọi đường quan, có cầu Giăng bắc qua sông Giăng ở làng Giăng. Cầu Giăng một nhịp, đúc bằng xi măng và đá, kết thành khối lạng cam đầy vẻ nín nhịn. Chiến tranh, bom đạn chém chát chúa lên mặt cầu, máu người tràn trên nền xi măng chảy tong tong

xuống sông, rồi trăm ngàn cơn bão lụt, cầu Giăng vẫn trơ ra, im lìm. Bao nhiêu là nước đã chảy qua. Bao nhiêu là gió đã thổi qua. Bao nhiêu là người đã đi qua. Đến nay, cái tuổi của nó đã phải viết bằng ba con số. Sự già nua là màu đen và râu mốc loang lổ khắp thân thể nó. Nó thành vật chứng kiến vô tư và trung thực mọi sự diễn ra ở làng Giăng. Cái sự chứng kiến thật có ý nghĩa với dân làng Giăng, những người luôn có cảm giác bất an trước sự hiển hiện của những thứ họ từng biết, từng mắt thấy, tai nghe...

2. Nhà chị nằm trên một doi đất mọc đầy cây dại, cách sông Giăng dăm chục mét. Ngôi nhà khung tre, vách đất, lợp tranh cọ, không giống một nhà nào trong làng. Ngày cũng như đêm, mở cửa là mắt chạm vào cầu Giăng. Từ xưa xưa, cổ nội chị từ miệt rừng xuôi theo sông Giăng kiếm sống bằng nghề bốc vác thuê. Rồi cổ nội chị thành phu xây cầu Giăng. Cầu xây xong cổ nội chị ở lại với một cô gái làng Giăng làm nghề chài lưới. Cổ nội chị nói: "Rừng nó âm u, nhiều cái ác rình rập, sống thối thối cả đời, nên tôi muốn ở lại với cô. Cô gái làng chài buồn buồn nói: "Tôi chưa lên rừng, chẳng biết nó thế nào. Nhưng không khéo ông tránh vỏ dưa thì lại gặp vỏ dừa. Chỗ sông nước, cái giả dối như trong, đục của nước ấy." Cổ nội chị nói: "Chỉ cần lòng dạ cô không đục". Rồi họ về ăn ở với nhau trên một con thuyền gỗ mộc, đáy thuyền dày những lớp trầm. Thuyền cứ lênh đênh trên sông. Hai đời, đời cổ và đời ông của chị ở dưới gầm cầu, đánh cá, vớt xác người, vớt gỗ giữa sông và ăn uống, làm tình, sinh đẻ trên thuyền. Ông nội mất, cha chị găm thuyền vào chân cầu rồi lên bờ dựng ngôi nhà này. Mẹ đẻ rơi chị trên lối ngõ dốc xuôi ra dãy bần ven sông và ném nhúm nhau xuống gầm cầu Giăng. Cái tên Rơi thành tên cúng cơm của chị từ ấy. Từ cái tên gọi. Từ cái nhúm nhau mắc vào chân cầu. Và một mối quan hệ bí ẩn giữa Rơi và cầu Giăng như là định mệnh. Trong nhiều câu chuyện của người đàn bà độc thân, đều có bóng dáng cầu Giăng. Tất nhiên là lúc đậm, lúc nhạt và cũng tất nhiên có những câu chuyện khác về cầu Giăng không dính tới chị. Là vậy, nhưng khi nói về cầu Giăng giọng chị cũng cứ run rẩy và ánh mắt u buồn với một cảm giác tuyệt vọng nào đó.

3. Hôm ấy, người trên tỉnh về thị trấn Giăng tổ chức khánh thành cầu Giăng mới. Cầu Giăng mới bằng bê tông cốt thép, dài 60 mét, rộng 12 mét, năm nhịp, bắc qua sông và vượt trên một góc làng Giăng xúm xít mười bảy nóc nhà, cách cầu Giăng cũ về phía hạ lưu một tầm nhìn lúc trời âm u.

Mờ sáng, chẳng có gì xảy ra, sông Giăng vẫn trôi chậm rãi và bình yên. Mờ sáng, làng vẫn xao xác tiếng gà gáy góc này, góc khác, tiếng người gọi nhau í ới, tiếng chó sủa và tiếng gió thì thào mang theo mùi khói rơm từ những bếp lửa sáng sớm. Rồi con đường làng hiện rõ dần, trên đó xuất hiện, không phải những người quang gánh, cày cuốc trên vai, mặt nhìn xuống đất hì hụi bước như thường thấy mà là những người mặc áo quần nhiều màu nói cười hoan hỉ. Một chiếc ô tô nháy đèn liên tục và rú còi riết róng chạy trước, theo sau là rống rần mô tô, ô tô... tiến về bãi đất trống bên sông Giăng, cạnh mố cầu Giăng đỏ rực bằng cờ, khẩu hiệu.

Bà Rơi yên lặng nhìn dòng người nườm nượp qua trước ngõ bằng cái nhìn bắn khoăn. Chừng nửa buổi sáng, nhiều tiếng ào ào, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng hò hét kết thành những làn sóng ập vào làng Giăng, len vào cả chỗ bà đang ngồi. Rồi chìm đi. Rồi vang lên: “Trật tự... Trật tự... Thưa bà con...”. Tiếng nói dính vào nhau, nhẹ thên thên. Từ phía cầu Giăng mới vọng tới. Từ chỗ nào đó vọng tới... Bà Rơi đứng dậy bước ra ngõ, ngơ ngác nhìn lên những mảnh trời phía trên tán lá bần. Rồi bà tiếp tục đi, chốc chốc lại ngoảnh nhìn cầu Giăng với vẻ bồn chồn như để yên tâm là nó vẫn còn đó, nó chưa biến mất. Cái màu xám xịt, thứ rêu mốc u tối lì lợm bám cả trong ký ức của dân làng Giăng đã bao nhiêu là năm tháng vẫn còn kia, xám xịt và u tối... Đi hết đường làng, bà gặp những bậc đá xếp dốc đứng lên mỏ cầu. Bà đứng lại. Bà lại nghe giọng nói nhẹ tênh tênh. Nó như vụt ra từ tâm thức, rồi nhả ra trong trí óc lơ mơ của bà. Quá khứ thực hiện quyền năng bướng bỉnh của nó, từng mảnh, từng mảnh dôi lên, chồng chéo...

4. Ba mươi năm trước, thành lập thị trấn Giăng. Làng Giăng thành một góc của thị trấn. Người kéo về ngày mỗi đông. Nhà cửa mọc lên. Xuất hiện những cơ quan, biển hiệu đỏ, xanh rực lên khắp nơi. Quán hàng chen chúc nhau. Đồ ăn nhậu, rượu chè. Không còn nơi nào yên tĩnh. Nhốn nháo, lừa lọc, lừa dối, giành giật... chảy vào khắp mọi ngõ ngách làng. Cha chị bỏ nhà xuống thuyền. Ông bảo: “Ở dưới sông, mát mẻ.”. Nhưng rồi ông bỏ nốt chỗ mát mẻ ra đi sớm. Bấy giờ ông 50 tuổi còn chị 25 tuổi. Dáng đậm, ngực nở nang, còn đôi mắt nhìn thì có cái vẻ ngác ngơ của kẻ lạc đường. Chị cứ như một cái bóng trôi từ cầu Giăng vào nhà, ra vườn, xuống sông, rồi từ sông lên vườn, vào nhà. Thì thoảng người ta mới thấy chị vào chợ thị trấn mua bán gì đấy. Khi ấy, chị cũng như cái bóng, lặng câm trôi giữa chen chúc và ồn ào và trong những ánh mắt ham hố của bọn đàn ông. Mùa Thu, mưa rây bột buồn buồn và se lạnh còn gió thì ve vuốt trên da thịt người, đám thanh niên bắt đầu cưỡi honda lượn lờ trên các ngã đường trong làng. Họ đi qua ngõ nhà chị - ngôi nhà từng cứu sống ba người nhảy cầu tự tử và khâm lượm hai người bị chết đuối. Chỉ nghe vậy đã sợ hãi chưa ngấm đến thật, hư.

Một đêm nọ, gió từ sông thổi lên reo u u trong khe hở bức phen nửa đầu hồi nhà. Tiếng gì khác nữa trong tiếng gió ấy. Một cái gì đó không bình thường chẳng phải trong nhà mà ngoài trời đêm. Chị đứng dậy, choàng tấm khăn lên vai đi đến bên cửa sổ. Vườn cây, dây rào tre dọc lối ngõ biến thành những hình thù kỳ dị, dập dờn như trôi nổi trên mặt nước. Xa xa chị nhìn thấy cầu Giăng sẫm sẫm lơ lửng trong khoảng không giăng giăng mưa bụi.

Chị đang định quay vào thì bỗng thấy một bóng đen hình người dật dẹo, liêu xiêu trên cầu Giăng. Chị đã từng thấy những bóng đen như thế. Người ta bảo đấy là hồn ma. Chốn này có nhiều người chết không còn thân xác, về đêm vong hồn cứ lang thang, bên này sông qua bên kia sông, lúc lướt trên mặt nước, lúc đi trên cầu và thường khóc ri ri, cười khàn khàn. Chuyện ma len lách khắp nơi, choán cả một khoảnh trong đầu dân chúng làng Giăng. Rồi quen, rồi thì quên đi. Khi thị trấn Giăng ra đời, chuyện ma lại rộ lên. Không biết có ai thấy ma không, nhưng nỗi sợ hãi ma là có thật. Ban đêm chẳng mấy ai đi qua cầu Giăng.

Chị căng mắt nhìn, cảm thấy ngực đau thắt. Một con người. Hắn đi, ngã dúm dụi, đứng dậy rồi lại đi. Chị bấm ngón tay cái vào ngón tay trỏ, theo lối ven bờ sông đi lên cầu Giàng. Cái bóng đen hình người kia như chờ chị đến nó đổ ụp xuống ngay dưới chân chị. Tiếng rên rì, tiếng cười, tiếng thở hổn hển và mùi rượu. Chị dìu con người ướt át như một xác chết về nhà. Mỗi cái giường duy nhất trong phòng; vì thế chị phải đặt người đàn ông mềm nhũn lên chiếc chiếu mộc còn ẩm hơi da thịt chị. Phải cởi áo quần ướt ra khỏi người hắn. Chị nghĩ và cởi khuy áo, mở khóa thắt lưng... Chị làm những việc ấy thành thạo một cách máy móc, nhanh nhẹn và mềm dẻo. Cha chị và chị từng vớt người chìm, nổi trên sông vì lũ cuốn, vì chán đời, thất tình mà nhảy cầu tự tử. Một lần, thuở chị mười sáu tuổi, chị đã cởi bỏ áo quần một người đàn ông, tắm rửa cho anh ta trước khi người của chính quyền tới. Lúc ấy mắt chị mở to, không chớp. Mọi thứ trên thân thể anh ta khắc vào trí nhớ của chị, bám dai dẳng đến mất ăn, mất ngủ hàng tháng trời sau đó.

Lần này nữa. Lần này chị thấy rõ cơ thể đàn ông trần truồng từ trên xuống dưới... Đầy đặn, lồi lõm, ngăm đen. Chị cúi xuống. Hơi nóng từ người hắn thơm mùi rượu nếp phả lên ngực chị. Hắn thì thào, rét lắm, rét lắm... Chị kéo chăn phủ lên người hắn. Lát sau hắn lịm vào giấc ngủ, chốc chốc lại giật mình như đang trải một ác mộng nào đấy. Chị liếc nhìn hắn bằng đôi mắt thương cảm, rồi dón chân đi ra phòng tắm xây bằng gạch bên giếng nước. Chị dội nước lên mình, xòe hai bàn tay xoa lên ngực, xoa dọc hai đùi, xoa xuống mãi cho đến khi cơ thể nóng rực lên, nhiều chỗ run rẩy lên. Một cảm giác bồi hồi òa lên trong lòng. Chị vào nhà đi đến cái chõng tre và nằm xuống, mắt mở chong, vòng tay ôm lấy hai đầu gối của mình.

Hai người thức dậy cùng lúc. Hắn nói, đêm qua tôi say xỉn quá. Giọng hắn lạ lắm, nhẹ tênh tênh, như một làn sương sớm ướt át trên sóng sông Giàng, chờn vờn quanh người chị. Người đàn bà đứng dậy, đi xuống gian nhà bếp. Quay lên, chị ném bộ quần áo ẩm ướt của hắn và một mảnh ni lông vào tay hắn và nói, mưa to rồi, về đi.

5. Đêm hôm sau, bóng đen lại xuất hiện trên cầu Giàng. Lần này, hắn xuống khỏi cầu, lách qua những gốc bần rồi rẽ quặt vào ngõ nhà chị. Hắn đứng lại nơi bậc thềm. Bấy giờ chị đang ngồi trên giường. Chị nghe tiếng người nhẹ tênh tênh: rét lắm, rét lắm... Chị bật dậy. Gian nhà im ắng, nghe rõ tiếng gió ào ào trên mái tranh lẫn tiếng người, nhẹ tênh tênh. Trời ạ, chị kêu thảm trước khi đưa tay mở cửa. Bóng đen hình người đứng đó, đối mặt chị. Mắt quen dần với bóng đêm, chị nhìn ra hắn. Chị lưỡng lự một thoáng rồi buông tay khỏi cánh cửa, quay lưng lại phía hắn. Bóng đen theo chị vào phòng. Đầu gối run rẩy va vào nhau, chị đổ người xuống giường. Hắn đến bên chị. Chị nhắm mắt. Sợ sệt, ngạc nhiên, chờ đợi, lơ mơ trôi ngoài suy nghĩ của chị. Hắn cúi xuống. Chị nói gì đấy, nhưng đôi môi mấp máy không thành tiếng. Hơi thở ẩm áp, phảng phất mùi rượu nếp bao bọc lấy chị, luồn lách vào ngực áo chị, dai dẳng, ẩm nóng. Chị buông mình, nghe khuy áo đứt phụt phụt và thấy hai ống quần bay qua đầu rơi xuống cái chạn để xoong nồi, rổ rá cạnh bếp.

6. Nhiều đêm mưa giăng giăng và gió lạnh. Năm ấy sao mà nhiều mưa về đêm đến thế. Một mình chị trong căn nhà lạnh lẽ. Hấn không trở lại. Nhưng giọt máu của hấn thì thành hình hài người trong chị. Từ một hồi ức về người đàn ông trần truồng. Từ một tâm trạng cô đơn lạnh buốt. Từ một cô gái già phá tung đê nén nhục dục hứng lấy cơn cuồng dâm của con ma rệu cầu Giăng. Như là định mệnh, chị trượt chân ngã trên lối dốc xuống thuyền và cái hình hài người ra khỏi chị, chìm xuống sông Giăng. Cú sẩy thai không ảnh hưởng nhiều tới sức lực con người từng sống với sông nước. Nằm trên giường hai ngày, chị dậy, xuống thuyền.

Rồi chị lên thị trấn tìm gặp hấn. Vào giờ ấy cơ quan hấn vắng tanh. Chỉ còn hấn và chị. Thế nhưng hấn im lặng ra khỏi phòng, đi qua mảnh sân hẹp lớn nhón sỏi đá, sắt thép, rồi theo con đường về làng Giăng. Chị im lặng theo hấn. Đến chỗ rẽ hấn đứng lại nhìn xoáy vào cái bụng lép kẹp của chị ấp úng hỏi, không có gì chứ? Người đàn bà ngơ ngác một lát, rồi hiểu ra. Đã có, nhưng nay thì không. Nói ra chẳng để làm gì. Hấn thở phào, không giấu diếm. Hấn nói, hấn sắp lên tỉnh, làm lãnh đạo Ban quản lý các dự án xây dựng và vài ngày nữa là đi. Lặng một lát nói tiếp rằng, thời gian qua hấn sống trời ơi, đất hời, chị đã neo buộc hấn, thương hấn; rằng, nhờ thế mà hấn không thành con ma cầu Giăng. Hấn sẽ tu tâm, tu chí, sẽ làm nên chuyện. Hấn sẽ nhớ chị, lúc nào đó sẽ về thăm chị... Tiếng nói của hấn nhẹ thênh thênh như khói sương vương vất quanh đầu chị. Chị nhìn nhanh khuôn mặt đang ngược lên của hấn và nghĩ, thế là hết. Tất cả là bọt bong bóng trước mũi thuyền kể cả cái khoảnh khắc thân thể run rẩy trong khoái cảm. Như một phản xạ, chị áp hai bàn tay lên bụng dưới của mình và ngơ ngẩn cười.

Từ ấy, lối ngõ nhà chị lá rụng nẫu ra. Hàng ngày, chị lên con thuyền cũ kỹ, mái che rách nát dưới gầm cầu, thấp một nén hương cắm vào cái cốc thủy tinh đặt trên sạp gỗ và ngồi cho đến lúc sông bốc hơi nước mới trở lên ngôi nhà lẻ loi, đơn độc. Đêm đêm, chị vẫn chong mắt nhìn lên cầu Giăng chờ thấy bóng đen hình người và thích thú với cảm giác sợ hãi rân rân trên da thịt. Rồi một ngày đèn điện sáng lóa trên cầu, và mưa đêm ít đi. Những con ma cầu Giăng biến mất.

Người đàn bà lạnh lẽ đành phận gái già không còn xuống sông, lên cầu, vào thị trấn nữa. Chị sống nhờ vào những nguồn thu ít ỏi từ rau cỏ trong vườn. Tuổi chưa nhiều nhưng chị yếu ớt và nom hom hêm, già nua. Thời gian đã không quên chị.

7. Bà Rơi thường ngồi trên cái ghế gỗ nơi góc sân, mắt đăm đăm nhìn dọc lối ngõ về phía cầu Giăng. Tầm trí bà đã lắt lay, nhưng trí nhớ thì cứ bám dai dẳng, thỉnh thoảng một kỷ niệm trở lại lóe sáng lên. Chân tay yếu, bà không theo lối dốc xuống con thuyền cũ kỹ đầy vết xước được nữa. Hàng ngày, bà ngồi trên ghế gỗ lâu hơn, nhặt từng mảnh lá rụng dưới đất lên nhìn ngó, rồi ghép chúng vào với nhau. Và như thấy ra cái gì đấy trên những mảnh lá ấy, khiến bà khi thì cười, khi thì khóc. Rồi đến một dạo, bà khóc nhiều hơn, đôi lúc run rẩy như có một cơn sợ hãi nào đó ập vào người. Thỉnh thoảng, người ta thấy bà lang thang trên cầu Giăng, có khi ngồi xuống xòe bàn tay xoa lên mặt xi măng lỗ chỗ, xám xịt. Dân làng cho rằng bà đã lẩn thần.

8. Bà vừa đi vừa bấm đốt ngón tay như tính toán gì đấy. Ra giữa cầu, bà đứng lại nhìn vệt bóng đen của mình đổ dài trên mặt sông. Đúng lúc ấy, tiếng nói vọng lên từ đám đông tụ tập cạnh mố cầu Giăng mới: "Cầu Giăng mới xây dựng theo công nghệ hiện đại thay cho cầu Giăng cũ đã từng..." Bà nghiêng nghiêng tai. Giọng ai quen, rất quen, nó nhẹ thênh thênh, như sương khói... Bà cảm thấy tim đập dồn trong ngực. Rồi bỗng thấy như cầu Giăng chùng xuống và bà thì đang rơi. Đáy sông xanh thăm thẳm.

Lúc ấy, dân làng Giăng nhớ ra họ đã thấy bà Rơi đi ngược chiều với họ mà không thấy quay về. Mỗi cuộc đời đều gắn với một cái gì đó. Cuối cùng họ tìm thấy bà nằm áp người trên mặt cầu giữa một vùng nước mưa đêm qua đọng lại, cánh tay giang rộng, những ngón tay co quắp quắp móng xuống mặt xi măng, như muốn vò xé, muốn níu giữ cái gì đó.

9. Năm... trước làng Giăng thuộc thị trấn Phúc Vinh có thêm cái cầu Giăng mới. Cầu Giăng xây thời Nguyễn gọi là cầu Giăng cũ vẫn được giữ nguyên, người ta bảo để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh và phục vụ cho dân chúng trong thị trấn qua lại làm ăn, buôn bán.

...Sau đám tang bà Rơi, mưa kéo dài hàng tháng trời, dân làng nói cứ đêm đến lại thấy một bóng đen hình người nhao qua cầu Giăng, lách giữa dây bàn vào ngôi nhà giữa lùm cây dại; gần sáng thì theo nẻo xuống sông rồi biến mất. Chẳng biết hư thực thế nào.

HOÀNG THỤY ANH

Bài thơ đẹp nhất là bài thơ bạn không bao giờ chạm tới

sâu hơn quá khứ
dài hơn tương lai
bài thơ nghe tiếng vang của đêm
lướt đi trong ánh sáng

những con đường bay ngược
những hàng cây ngửa mặt nhìn trời
những đôi mắt rụng đầy lá
những ngón tay quá nhiều lỗ rỗng
chỉ bài thơ xanh lên

bài thơ có quyền lên tiếng
có quyền yêu
cái bóng chỉ là phác thảo ẩn dụ
cạo xóa ngập tràn bên trong

không ai có thể ngăn cản
vô cùng của bài thơ
không ai có thể đọc hết
bí mật của bài thơ

bài thơ ban đầu sẽ là trải nghiệm của bài thơ khác
sau cuộc sinh nở
bài thơ xé mình đi tiếp.

NGUYỄN THỊ KIM CÚC

Lửa

Lửa từ đâu
Lửa do đâu
Lửa cuồng phong, rừng trơ mắt đá
Bụi tro nhảy múa, cây lá trụi màu.

Thảng thốt giấc đêm ta nghe
Hồn hển lời thỉnh cầu của đất
Tiếng thất thanh của mọi loài chim
Tiếng thú gầm lên rồi lịm tắt.

Những bàn tay vô thức
Những bàn tay sắc mùi hủy diệt
Mặt đất chảo rang khát nước
Lửa từ đâu
Lửa do đâu...?

THƠ

LÝ THU THẢO

Em sẽ lại bắt đầu một tình yêu

Em sẽ lại bắt đầu một tình yêu
rộng dài như đất
bao dung
chan chứa
nhu hòa.

Em sẽ lại bắt đầu một tình yêu
như nước
trong
đục
âm thầm.

Em sẽ lại bắt đầu một tình yêu
như gió
tươi nguyên
hát khúc
hoan ca.

Em sẽ lại bắt đầu một tình yêu
như lửa
nồng nàn
cháy bỏng khát khao.

Em sẽ yêu cả nỗi đau
anh ký gửi nơi em
đã bao lần muốn trả.

Em sẽ nâng niu tất cả
Và cho phép mình
Thêm một lần bước đến tình yêu!

BÙI SIM SIM

Có những lúc

Có những lúc
đến cả nỗi buồn
cũng lạnh lùng quay lưng, ngoảnh mặt.

Có những lúc
lọc lừa, phản trắc
thản nhiên phán chuyện tình người.

Có những lúc
lạc một nước tin thôi
đời trở về tay trắng.

Có những lúc
tự do thành cay đắng
không người mong, chờ đợi phía... quay về.

Nẻo đời chìm hun hút cơn mê
Thêm tiếng vọng gọi mình sau vách núi...

NGUYỄN LÊ

Ngày vui

Biết ngày mai ra sao
mà thấp thỏm lo âu
mà toan tính.

Chỉ cần hôm nay ta bên nhau, nhấp chén
rượu nồng cay rồi chuyển choáng.
Con đường về xa lắm, qua chiếc cầu bắc
ngang một thời đợi chờ nhau thăm thẳm.
Chỉ vậy thôi là ta có trọn một ngày vui.

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Ngồi dựa lưng thêm

Cuối chiều ngồi dựa lưng thêm
Vớt từng giọt nắng ủ đêm nồng nàn.
Bồng trầm da diết cung đàn
Ai tri âm có sẻ san nỗi niềm?

Cuối chiều ngồi dựa lưng thêm
Bỏ đi cay đắng để thêm mặn nồng.
Gạn đục cho nước nên trong
Nỗi niềm ai ngỏ tiếng lòng phím tơ.

Cuối chiều nhật chữ thả thơ
Biết đâu khôn khéo, đại khờ biết đâu?
Lòng người rộn bể nông sâu
Chợ trời đem bán cái sầu mua vui...

VÂN KHÁNH

Mùa em

mùa đắm ướt mắt em giông bão
tràn vào anh thốn thức nhạc hường
em nhóm lửa một khuya sương thắm
hoa lóng về nở đóa cung thương

mùa đàn bà trong em chợt thức
vẽ trào đêm em nói với bóng mình
em biết làm sao với mảng màu bôi xóa
dấu vết nào em thú nhận cùng anh?

mùa của đất sinh sôi mầm hy vọng
em vẽ anh khuôn mặt luân hồi
với tình yêu em kiệt cùng như thể
tất toan nào em tô điểm màu tôi.

TRƯƠNG LÊ NA

Con bạc

Vết tận cùng khánh kiệt
Ném vào giữa chiếu mong manh.

Gia tài của ta là niềm tin
Đem đặt cược hết vào canh bạc cuối
Buổi yêu người nông nổi
Thắng hay thua thì có nghĩa lý gì
Mà trời ơi
Khi ta thấy trong khoang tim người có vô vàn con bạc
Cũng như ta vừa say vừa khát
Vết tới đồng xu cuối cùng tay trắng tả tôi vẫn đau đáu chỗ chiếu ngồi.

Những con bạc lắm đường hay số phận trên người
Như những viên xúc xắc khóc cười sắp ngửa
Mặt nào phơi ra cũng thấy bẽ bàng.

Xúc xắc trong tay người mang phận số đa đoan
Buồn vui tháng năm chờ tay người may rủi
Dốc tới kiệt cùng mà vẫn còn mông muội
Tự vỗ về
Tự vá víu
Tự đau.

Vịn vào đầu giữa những nát nhàu
Chờ gió đi ngang hong khô nước mắt
Chỉ kẻ cầm cuộc chơi là tung tẩy giữa chiếu ngồi.



Đêm tháng năm
một vì sao nữa đổi ngôi
Những con bạc trong túp lều tranh
vẫn khát mộng
lâu dài.

TRẦN KIM HOA

Những viên sỏi kiếm lời

...có thể là nước mắt
 hay sương đêm
 dưới gót giày thời gian
 mang hình viên sỏi nhỏ
 những viên sỏi
 im lặng
 mặc những hồi ức buồn
 va vào nhau
 mặc những cơn gió
 lạc đường
 những sa mạc
 bão cát
 một ngày rồi sẽ tới
 bông hoa đẹp nhất sẽ tàn
 mặt trời rực rỡ sẽ lặn
 người không gọi nữa tên nhau
 trên tấm thảm thời gian
 nước mắt và sương sớm
 không kể câu chuyện nào khác
 về những viên sỏi kiếm lời
 ...

TRANG ĐOAN

Có dám tin không?

Có những lúc
 Em đã không tin vào định mệnh
 Không tin tình yêu có ở trên đời

Có những lúc
 Em không tin, không hy vọng
 Không cho mình được phép nước mắt rơi

Em không tin mọi thứ trong đời
 Đã như thế, em từng như thế
 Và sáng nay một nụ hoa vừa hé
 Nói với em rằng: Hãy tin!

Tin như tin hết đêm rồi sẽ đến bình minh
 Qua giá rét là những ngày Xuân ấm
 Tin như tin vào sự sống
 Dầu ra sao vẫn mạnh mẽ đâm chồi
 Chẳng thể khác, chẳng thể nào khác được
 em ơi!

Sáng nay,
 Nụ hoa nói với em
 Tình yêu luôn ở đó
 Đợi ngày trở bông

Em mỉm cười, hỏi lòng:
 Có dám tin không?

THƠ

BÙI TUẤN MINH

Con về với mẹ

(Kính tặng mẹ Nông)

Con về với mẹ chiều nay
Bao năm xa xứ lòng lay lắt buồn
Mái đình đổ bóng hoàng hôn
Che lòng con những đại khôn tháng ngày.

Dặm rào gió thổi heo may
Len vào thơ ấu mà quay quắt lòng
Ao bèo gợn đục gợn trong
Xa xa dáng mẹ nâu sòng đợi con.

Bao năm nuôi nắng vuông tròn
Tuổi thơ là vết chân mòn mẹ nâng
Cay sè khói bếp dăng dăng
Len vào thơ ấu mà băng khuâng người.

Thanh xuân gửi cả cho đời
Đôi tay lam lũ kệ trời nắng mưa
Câu hò kéo kệt vông đưa
Bữa ăn cơm độn khoai thừa ai hay.

BÙI VIỆT PHƯƠNG

Dương cầm đêm

(Tặng nhà thơ Trần Hùng)

Bùn bấp bênh theo trăng
Phím đêm, phím ngày, tiếng đen, tiếng trắng,
Dương cầm ai chơi, chơi trong mưa quên.

Buốt dưới bàn chân là đá biên thùý
Xòa trên tóc là mây ải Bắc
Người ta muốn quên đã không trở lại
Người đâu thể nhớ cũng đã thiên di
Tiếng đàn bước qua tàu lá chuối non
Khuya khoắt
lạnh lòng trinh bạch.

Những đốt tay ngó sen
Vớt trắng từ bùn lên
Và, nồng, nâu trầm xuống.
Đàn trời
Thi sĩ
Một đời chơi quên...

KHÉT

Chánh niệm

không có cái chết của chánh niệm
ta từ bi ta hơn nửa đời
dấu chân da vàng, đất làng, điều giấy
mọc vào khoảng trống tổ tiên

ta vo hòn bi đất phơi nửa nắng
chừa lại bên ướt cho bây giờ
em đừng lớn nữa, lòng ta chặt
mưa ngút trời lên tiếng khóc ban sơ

không có cái thở của chánh niệm
sau lưng ta vẫn là nghĩa địa làng

không có tiếng kinh nào là chánh niệm
sốt tiếng vịt đồng mổ quê hương.

DUY KHÁNH

Một phút trôi đi

Bạn đang ở đó, tôi ở đây
Và chúng ta có những câu hỏi giống nhau
Về thời gian
Về không gian
Về tình yêu
Về sự tận cùng của mọi thứ
Chúng ta thật giống nhau, vì chúng ta đều không hiểu
Hành tinh này có lớn không, hay chỉ là hạt cát
Hạt cát kia có bé không, hay lại là một vũ trụ
Điều chúng ta có thể làm tốt nhất
Là hi vọng về điều gì đó.

Tôi ở đây và bạn cũng ở đây
Chúng ta nhìn nhau nhưng chúng ta không thể thấy nhau
Bởi chúng ta đều đang lẫn trốn
Lẩn trốn trong hình hài
Lẩn trốn sau ánh mắt
Lẩn trốn trong sự vô cùng của hiện hữu.

Một phút trôi qua

...

Và tôi hiểu ra rằng:
Chúng ta có chung những thứ không thể tách rời
Như
Một phút của tôi là một phút của bạn.

ĐẬU PHI NAM

Hoa ngâu

Nụ cười chúm chím hoa ngâu
Gót son guốc mộc người đầu chưa về
Em ơi chín bậc cung thềm
Mười hai bến nước hồn quê bóng chiều.

ĐÀM CHU VĂN

Nghề đồng nát

"Tóc dài tóc rối bán nào!"

Ngõ quê, hẻm phố câu rao theo cùng
Cà tàng xe đạp ung dung
Mòn chân đồng nát, kể cùng sinh nhai.

Đời không đóng hết một ai
Chọn nghề đồng nát mà dài chân đi(*)
Đường trường bụi bặm sá chi
Vỏ lon, giấy vụn,... một khi gom về.

Nhặt từ lòng tốt tí ti
Tẻo teo hào sảng, thoáng thì mưa phùn...
Tháng năm lam lũ góp dồn
Vun ươm hy vọng xanh non mỗi ngày.

* Còn gọi là nghề lạc xoong.

HOÀNG ANH TUẤN

Cờ ngũ sắc

Nghiêng trời lá cờ ngũ sắc
Bay vào trong những giấc mơ
Hội làng mùa Xuân năm ấy
Triền đê mưa bụi giăng mờ.

Sân đình trống chèo vừa giục
Tôi lần câu hát canh trâu
Người xem gặp nhau cứ hỏi
Em có sắm vai Thị Mầu?

Thầy tiểu vận áo chùng nâu
Kính mờ vẫn còn ở đó
Mà người vội bỏ đi đâu
Miếng trâu héo khô trong gió

Giếng Hai mưa non như cỏ
Cờ bay cháy đỏ triền đê
Sao lòng tôi không dám ngo
Đứng trông dấu guốc em về.

Cuối Xuân hội làng rã đám
Hoa xoan rụng tím bến sông
Thất lưng buộc xanh câu hát
Đò ngang em bước theo chồng.

Má xưa giờ đã phai hồng
Em quên lời chèo Cẩm giá
Táo chín vẫn rụng sân đình
Chẳng thấy tay ai nhặt cả.

Năm nay hội làng lại mở
Thị Mầu hát gọi tiểu ơi
Tôi thương lá cờ ngũ sắc
Đắm mưa hồn bay bên trời...

HOÀNG VŨ THUẬT

Gửi mẹ

Nếu trên đời không có mẹ
sẽ không có những người trước con sau con và con
người ấy là thầy là cha là bạn
nhánh cây trên một thân
chiếc đèn lồng vô tận

không ai ngắm mẹ với đôi mắt trống rỗng hoài nghi
sáng nay
hôm qua
ngày mai
sao mẹ chưa tới
con ngước lên sóng mây thất từng cơn cuốn trùng trùng
nóng hổi

mưa đập ngoài cửa
đỏ trắng mái tóc con ngọn thác vô hình
đôi lúc thấy mẹ bông em bé
có phải con không
hai ngón tay xinh xinh néo vào nhau lặng thinh

con ghi bức ảnh rồi ôm mặt
mẹ cười đầm hai hàng nước mắt
tự con mách bảo mình ước mong chắc chắn sẽ thành
thượng đế cũng hiện thực
thiên thần chính là đây đức thánh mẫu cũng là đây
những phạm tục không bao giờ gặp mẹ.

HỒNG THANH QUANG

Lục bát nửa đêm

Tự dừng thềm tiếng mưa rơi
Để lòng xanh lại sắc trời giăng tơ.
Cây đa, bến nước, con đò
Như trong cổ sự cứ chờ vợ buồn...

Bỗng thềm đi lại con đường
Dẫn vào hoa cỏ yêu thương thiệt thà.
Một mình ngân một lời ca,
Ta trong lạ lẫm xây nhà cho mơ...

Đâu rồi, ta của niềm thơ,
Đâu rồi, em để trắng bờ vai non!
Tự dừng thềm cặp môi son
Trong mơ lẫn vị vẫn còn xót nhau...

THƠ

LÊ QUỐC HÁN

Có thể & không thể

Có thể

không bao giờ được nắm bàn tay nhỏ nữa
bất chợt đêm qua nghe gió Xuân gõ cửa
ngỡ người lạc bước chân về.

Những đám đuối đam mê
đã rụng xuống trong rừng Thu lá đỏ
sáng nay qua cửa sổ
mắt lá non tơ ngơ ngác ngoái nhìn.

Những khao khát yêu tin
trôi theo suối ngàn ký ức
chiều vừa buông bên bờ vực
nụ hoa bất chợt hé môi cười.

Trong cuộn cuộn dòng đời
có gì không thể?

NGUYỄN HÙNG

Chùm lục bát hai câu

Mấy ai sống được bằng thơ
Vì thơ chết dở thì vô số người.

Câu thơ vừa thả lên trời
Nhà thơ huỳnh hoáng tôm rơi đầm lầy.

Gì cũng giỏi gì cũng hay
Khỏi ông hóa thánh từ ngày về hưu.

Phao tin dựng chuyện câu view
Mua danh bạc tóc, một chiều toi còm.

Tướng ư? Đừng tướng mình ngon
Công thần vô lỗi - mỗ chôn anh hào.

Kẻ ưa lớn tiếng búa đao
Gặp gươm thì chạy, thấy dao vội vù.

Một thời dính ngải tự ru
Mộng tan chợt hiểu kẻ mù đất ta.

Đã quen đục khoét, xa hoa
Nên người tử tế phải ba kiếp chờ!

Cả đời kiếm chữ tìm thơ
Không bằng vài phút ngủ mơ giữa đình.

90 phút đã hết mình
Đôi khi gặp thoáng kiêu binh phản thù.

LÃNG HỒNG QUANG

Đêm về làng

Tặng người làng Trụ Thạch!

Làng thao thức trong đêm mưa dầm, gió Bắc
 Tôi một mình thẩn thức
 Đa làng thở mạnh
 Nhắc lời ngàn năm...

Ôi! Gió qua đình làng hát lên câu thơ
 Câu thơ dâng mùa Xuân mới
 Dáng em nét tươi như giấc mơ anh ngày cũ
 Dấu xa nổi ước cũng về...

Nhớ cánh đồng làng lừng lình cỏ dầu, năn, lác quanh đê
 Thuở dân làng "tiến lên toàn quốc" ...
 Nhớ phút bên bờ trẻ già chụm đầu hút thuốc
 Hút như để thơm cho ngày mai...

Nhớ đêm trăng đường dốc trơn lầy
 Ới nhau sân đình múa hát
 Nhớ dáng mẹ đi về đường in dấu gậy
 Khăn trùm đầu, miệng... như thể son môi
 Nhớ ngày Xuân đình làng, lời cha tôi
 Ai biết, ai nghe, ai thấu?

Nhớ người thân Tây múa với nan tre
 Những đó, lừ, sa sinh ra từ đó
 Ấm êm thêm bao mái tranh nghèo.

Đêm về làng
 Thẩn thức canh trâu
 Vẳng tiếng ới nhau lên rừng tìm cơm, tìm muối
 Vẳng tiếng sột soạt chân anh em tôi trong mảnh chiếu cời.

Đêm về làng
 Nghe gió cánh rừng sau nhà vẫn thổi
 Nghe tiếng người người ấm mãi trong tôi.

THƠ

TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Thơ viết trên mái nhà

Những mái nhà như vòng tay lớn
Che chở bao phận đời, ôm ấp trọn buồn vui
Giữ ngọn lửa không bao giờ cạn
Mặc bão giông, mưa đập gió vùi.

Dưới mái nhà có tiếng khóc đầu đời
Tiếng ho khan giữa đêm trường quạnh quẽ
Tiếng muện phiền trong lời ru dẫu bể
Tiếng thời gian trên kệ gỗ bụi mờ...

Dưới mái nhà có nhạc và thơ
Những tiếng yêu thương, những lời hờn giận
Rộn tiếng cười khi đông vui bè bạn
Tiếng khóc sầu đưa tiễn một người đi...

Dưới mái nhà tụ họp và chia ly
Dưới mái nhà nhớ nhàn và hạnh phúc
Dưới mái nhà bần hàn và sung túc
Dưới mái nhà mơ về một mái nhà...

Những mái nhà ngàn vạn năm qua
Vẫn trầm mặc ôm nỗi niềm nhân thế
Sợi khói xanh len qua hàng ngói vỡ
Kể những lời
hoang ố
với rong rêu...

ĐINH HẠ

Đoản khúc tháng Hai

Gối đầu ngọt giấc tháng Giêng
Đã nghe chân chạm sang miền gạo son
Rét dài mơ mảnh trăng non
Mơ màng tỉnh giấc sấm đồn tháng Ba.

Nhớ mùa giáp hạt nào xa
Cái thời đói là khoai cà thay cơm
Bếp nghèo khói chẳng mùi thơm
Đôi quang gánh mẹ gánh buồn chợ xa.

Tháng Hai thương lắm người ta
Như bông bưởi rụng xót xa quê người
Đường nào lông ngỗng còn rơi
Để ta đem ướp nụ cười vào xưa.

Tháng như một nỗi mơ hồ
Tháng Hai len lén qua mùa nhân duyên
Giận cơn gió chẳng chính chuyên
Thổi câu ân ái về miền lãng du...

NGUYỄN ĐỨC CƠ

Gái Lường

Anh bạn tôi nức nở khen:

Con gái xứ Lường tuyệt lắm
Tắm nước Sông Lam nên tóc dài, da trắng
Môi thắm hồng
Thắt đáy lưng ong
Không ăn to nhưng thích nói lớn
Khéo chăm con và đặc biệt chiều chồng.

Con gái Lường

Tráng bánh mướt, bánh đa cực ngon
Thứ nhì Việt Nam, nhưng nhất thế giới
Bà chị tôi đã đưa bánh đa sang Mỹ
Còn tôi đem biếu tặng tận châu Âu
Tôi không nói điều
Tiếng giòn bánh đa khiến có người thủng màng nhĩ
Bánh mướt thơm có người nứt mũi phải khâu.

Con gái Lường

Làm ruộng rất cừ,
biết canh cấy, tầm dâu
Buôn ngược, bán xuôi cũng giỏi
Những năm cấm chợ, ngăn sông nhiều nơi thiếu đói
Các em đi khắp Đông Dương
đưa hàng về bán đầy phố Lường
Mất liếc dao cau
Đón đả mời chào
Các chàng đi qua cứ ngần ngừ không chịu bước
Anh bạn tôi đánh cược
Nếu tôi không bị nụ cười các em quật gục
Hắn gọi tôi bằng ông!

Với bạn tôi gái xứ Lường là thể

Tôi thì tin, ai không tin thì kệ
Nhưng có điều từ lâu, từ lâu
Trong nhân gian đã lưu truyền câu hát:
"Phải ngăn anh không đi chuyển ngược Lường..."

CHƯƠNG THANH PHONG

Vẫn còn

(Tặng bạn thơ)

Khuya rồi trời vẫn còn mưa
Vẫn còn thao thức đợi chờ trăng thanh?

Heo may lá đã lia cành
Vẫn còn tơ tưởng mầm xanh ngày nào?

Trời đà lỏng lẻo gió Lào
Vẫn còn ngơ ngẩn nhớ màu thiên thu?

Bến sông cầu bắc đã lâu
Vẫn còn tha thẩn hỏi đâu bến đò?

THƠ

TRẦN THẮNG

Giới hạn

Phố nằm trong phố
Ngõ nằm trong ngõ
Đường lăm quanh co
Hỏi nhau sống sao cho hết vòng vo?
Nhớ nằm trong nhớ
Yêu nằm trong yêu
Cùng lớn lên nhiều điều chẳng níu được
Chúng ta hai mặt chiếc lá
bay lòng vòng nhân duyên.
Cười nằm trong cười
Khóc nằm trong khóc
Chuyện nay khóc mai cười chẳng lạ
Rồi đâu còn song hành,
trong nhau tưởng rằng vô hạn.
Nắng nằm trong nắng
Mưa nằm trong mưa
Đường vòng vo bước thẳng vẫn chênh vênh
Chạm môi bầu ngực xuân thì
Gặp mình trong thân xác tạm
Ngỡ ngác phố bụi mưa.

TRỊNH ĐÌNH NGHỊ

Tháng Giêng

Ngày dài, tháng dài...
"Tháng Giêng ăn nghiêng cốt thóc"
Tháng Giêng
Cha chặt cành mít
Cây mít đau
Cha cắt rễ chanh
Cây chanh đau
Mẹ nhỏ mạ non
Cây mạ đau
Tháng Giêng
Ruộng đồng vào mùa đổ ải
Sau cơn đau cây mạ sẽ cho mùa trĩu hạt
Vườn tược vào mùa lá non
Sau cơn đau, cây mít, cây chanh
sẽ cho mùa sai quả
Tháng Giêng
Đền chùa chìm trong mưa mù
Người người lắng trong tiếng kinh
Thành kính lời khẩn nguyện
Tháng Giêng
Khởi mùa sinh sôi
Khởi mùa mong vọng
Tháng Giêng chậm chậm phồn sinh.

Đò đưa - Em gửi tình về bến mô

PHAN THÀNH

Phong cách dân gian - vừa phải

Không buông mái chèo mà bỗng ư bẽnh ư hự. 3

Không bước xuống thuyền mà chòng chênh ư hự hự. Đêm trăng sông Lam ai hát đò đưa, câu ví đò đưa cho đôi bờ xao động cho

lòng người vắn vương... Đò đưa em gửi tình về bến mô

mà thác ư ghềnh ư hự thác ghềnh sông sâu em cũng lội ư hự. Đục mà núi ư Hồng ư hự núi Hồng bao năm vẫn đứng đợi ư hự, dòng

trong đục trong ai hiểu hết người ơi. Sông kia bên bờ bên Lam dòng Lam muôn thưở vẫn chờ ai. Mênh mang con thuyền xuôi

lở đã yêu nhau xin giữ trọn câu thề. Đò Đò đưa ngược mà bến sông xưa vẫn đợi vẫn chờ.

hết lời tình yêu. Đò đưa lời ru của mẹ lời của cha

ông từ ngàn xưa vọng lại. Em là con đò chở câu

ví, câu ví đến mai sau./.

Dòng sông ký ức

Thơ: TRIỆU HUỆ QUÂN - Nhạc: QUỐC VIỆT

Nhịp vừa phải - Hoài niệm

p

Có một dòng sông chảy trong ký ức dịu mát xanh đến tận bây giờ

Nhớ con sông tuổi thơ mùa Hạ ngọn gió đồng cơn lũ chiều giông Có một dòng

sông chảy vào nỗi nhớ Thương lắm cây cầu mẹ bắc hồn quê mưa nắng công nụ cười hiền

mf

hậu Ai đi xa xa mãi chưa về Ngọn khói lam chiều khắc khoải triển dề

Sông giấu bùn nâu lắng thắm như mẹ Giọt phù sa cứ mơn mòi đến thế Cho đất

quê trĩu nặng những mùa vàng Chiều vắng con đò đáng mẹ chờ

p

trông Năm tháng vắng trắng xoay tròn nỗi nhớ. Ta đánh rơi điều gì mà một đời tìm

Dẫn nhịp, diễn tả tự do theo cảm xúc

nhật bước thấp bước cao lắt léo lỏi về Sông ngược dòng sông trôi về

biển Con ngược dòng con xa mẹ mẹ ơi.

“Ngôi thế này thôi, làm gì đâu...”!

TRỊNH THU TUYẾT

Một trong những điểm đến hấp dẫn của chuyến đi lên vùng đất trập trùng hiểm trở của núi rừng phía bắc Tổ quốc là chuyến trèo dốc lên thăm nhà và vườn chè của một người Hmông họ Sùng ở Lũng Phìn.

Đã nghe bạn đồng hành kể về gia đình ấy từ trước nên cả đoàn càng thấy háo hức! Đây là dòng họ có truyền thống trồng và sao trà mạn, bao đời nối tiếp là nguồn cung trà duy nhất cho Vua Mèo! Bàn tay các nghệ nhân họ Sùng là bàn tay biết nói chuyện với lửa, biết sao trà vừa độ, biết khiến cho những búp to không bị non lửa mà ngái, những búp nhỏ không bị già lửa mà khét, tách trà khi nâng trên tay, có đồng thời cả hương ngát nồng nàn, dư vị chất ngọt vương vấn, và sắc xanh trong sáng sánh...!

Lại nghe kể về cá tính đặc biệt của người nhà họ Sùng, càng thấy tò mò thú vị: năm 2017 hai vợ chồng bạn lên huyện Lũng Phìn, Đồng Văn, thuê xe máy trèo dốc gập ghềnh lởm chởm đá sắc, lên được tới ngôi nhà đất rất đặc trưng của người dân vùng cao nguyên, ông Sùng cha (sinh năm 1959) nếu không đi lại vật vờ như bóng ma trong nhà thì lại ngồi thu lu, bó gối, im lìm, lặng lẽ như pho tượng vai so, gối nhọn; cậu Sùng con (sinh năm 1990) pha trà mời khách, lại đứng khách lụy trà đạo, mới chỉ chạm môi vào miệng chén đã nhận ra vị trà cần say người, đã biết chắc chắn phải trở lại vùng đất này, vườn chè này! Uống trà xong, khách hỏi mua trà, ông Sùng cha mắt lơ đãng thờ ơ, cậu Sùng con nói tiếng Kinh lơ lớ: Lấy bao nhiêu thì lấy! Hỏi tiền, cậu quay vào líu lo tiếng Hmông với bố rồi quay ra bảo khách: Cho bao nhiêu thì cho! Hỏi: Trà ngon vậy, sao không mang xuống núi bán, lấy tiền sửa nhà, mua đồ, mua quần áo...? Cậu Sùng con cười: Ai thích thì lên mua, không mang đi đâu cả!

Nghe chuyện, hình dung sự lập dị cao ngạo của những người ý thức được giá trị của mình! Với tâm thế háo hức, tò mò phải gặp bằng được những con người phảng phất chất Nguyễn thời vang bóng như vậy, nên dù nhìn con đường phải trèo bộ một cách khá sợ hãi, chúng tôi vẫn nghĩ: phải đi! May, hay không may, các bạn

đồng hành biết sức mình nên đã gọi điện thoại trước và mấy phút sau, cậu Sùng con sầm sầm lao chiếc xe máy khá dị hình xuất hiện, cả đoàn đồng viên mình trèo lên xe sau sự ngần ngại, cả sợ hãi nữa! Quả nhiên, đoạn leo dốc bằng xe máy thật kinh hoàng, đường hẹp khoảng 40 cm, đầy đặc đá sỏi, xe chồm lên, đập xuống, lượn phải, rẽ trái, lá ngô ráp sắc đập vào tay vào mặt, rất bóng, run run nói: “Cháu ơi đi chậm chút!”, cháu cười: “Không sao đâu, đừng sợ mà!”. Cuối cùng cũng tới con đường lên ngôi nhà đất huyền thoại, xuống xe vẫn run vì sợ và đau như người!

Một cậu bé lanh lợi và lấm láp đã đợi sẵn, đưa bà khách miền xuôi vào nhà, hỏi chuyện, khó khăn lắm để luận đoán thứ tiếng nửa Hmông, nửa na ná tiếng phổ thông mới biết cậu bé là con trai của cậu Sùng con lúc nãy. Lại men theo con đường sống trâu nhỏ và gập ghềnh len lỏi giữa những ruộng ngô, nhưng loanh quanh mãi không thấy cửa chính ngôi nhà họ Sùng, bé Sùng cháu thoăn thoắt dẫn đường, nhảy chân sáo qua mô đất xếp lũng chông mấy tảng đá đầu tường, thập thò bước theo mới biết đó là lối vào nhà!!!

Ngôi nhà đất nện, tối âm u, trống huếch hoác, ông Sùng cha đang cân chè cho vào túi, thấy khách vào cúi chào, ổng ngẩng lên nhìn khách, rồi lại lơ đãng cúi nhìn cân! Cậu Sùng con lú lỏ với đứa con, chắc giục bé đun nước sôi, vì lát sau bé khệ nệ xách ấm nước đen sì, đầy ấm còn vương tàn lửa, đổ vào phích, hình ảnh của sự gằng sức đầy bất an khiến các vị khách lo lắng - cậu bé nghe nói học lớp 2 mà nhỏ bé tong teo, gương mặt cũng thấp thoáng cái thờ ơ của ông, sự lạnh lẽ của mẹ, vẻ bằng lòng trì trệ của cha... Trước đó, khi vào một nhà hàng ở Hà Giang, rồi một homestay ở Yên Minh, đã có mấy học sinh và phụ huynh nhận ra cô giáo online - tới ngôi nhà heo hút trống rỗng này, một bạn trong đoàn nói đùa: “Giờ mà cậu Sùng kia nhận ra cô giáo online nữa thì mới thật shock”! Biết là đùa, nhưng câu đùa bỗng đem tới một thoáng lặng cho cả đoàn, bởi thấy rất rõ nơi đây, dù chỉ cách dưới kia mấy tiếng đồng hồ đi ô tô, nhưng cách xa thế giới văn minh biết bao nhiêu năm tháng!?

Khách tò mò ngó ý đi một vòng quanh nhà, chẳng thấy ai tỏ vẻ ngạc nhiên, cũng chẳng ai vỗ vập hay khó chịu - ngôi nhà tường đất, nâu cũ như mặt đất ngàn đời; mái tôn thùng lỗ chỗ; giữa nhà là chiếc bàn gỗ ghép nhỏ xíu, cập kênh trên nền đất mấp mô; hai gian bên là hai chiếc giường ngủ, lá màn ngả màu tro nửa buông nửa vắt, quần áo bừa bộn trên giường, rúm rỏ trên sợi dây chùng sát vách đất; cạnh giường che mảnh vải, chắc được coi là rèm, nhàu nát tằm tối, như bóng đêm! Sự sinh động duy nhất của ngôi nhà có lẽ là ngọn lửa nhảy nhót chập chờn trong bếp lửa góc nhà, than củi đen và đỏ vương vãi khắp nền đất, khói quấn vào góc nhà.

Lúng túng một hồi, rồi cậu Sùng con cũng mang đủ cho mỗi khách một chiếc ghế, ngồi quanh chiếc bàn gỗ nhỏ, bụi bặm, cậu pha trà, rót nước mời khách, rất cởi mở, chu đáo... Nhưng có lẽ do tâm thế quá chờ đợi từ trước, do đoạn đường quá kinh hoàng vừa qua, do sự lạnh lẽo tỏa ra từ căn nhà đất trống trải, từ ánh mắt lơ đãng của Sùng cha, cái tong teo của Sùng cháu, cái áo tả tơi của Sùng con, cái đáng vẻ rất “Mị” của Sùng vợ đang lặng lẽ giặt quần áo sau nhà..., khiến khách chỉ thấy nổi ngậm ngùi đầy ám ảnh. Hỏi: Sao mái nhà thùng nhiều thế kia, mưa dột thì sao? - Tại mưa đá đấy, kệ, chẳng sao đâu! - Sao không sửa đi? -

Không có tiền sữa, lo ăn thôi! - Tiền bán chè mỗi năm được khá không? - Vườn chè cả năm chỉ được hai chục kí chè khô, ai biết thì tới mua, có nhiều đâu! - Bằng giờ sang năm mới hái được chè, hai tháng nữa mới hái được ngô, giờ cả nhà làm gì? - Ngồi thế này thôi, làm gì đâu!

Trên đường đi tiếp về Mèo Vạc, trời gần tối, thấy một ngôi nhà bên đường le lói sáng, chúng tôi lại nhớ tới ngôi nhà họ Sùng trên ngọn núi cao, xa hút, thăm tối đã lùi lại phía sau lưng, bản khoán không biết giờ này họ làm gì, nghĩ gì trong căn nhà không có bất kì sự liên hệ nào với thế giới bên ngoài, ngoại trừ chiếc điện thoại chỉ có duy nhất chức năng nghe gọi!!!

Cô bạn đồng hành đột nhiên chia sẻ bản khoán của cô về con mèo rất đẹp ở nhà: "Nhiều lúc nhìn nó nằm dài trong nắng, em cứ tự hỏi: "Không biết nó có bao giờ nghĩ gì không?", và bây giờ em cũng bản khoán như vậy về những người nhà họ Sùng, chị ạ!"

Lạ là cả đoàn không ai thấy ý nghĩ và sự liên tưởng của cô ấy là kì quặc, chắc vì ấn tượng quá mạnh của chuyến đi, vì bóng đêm đang buông thắm trên đường, tất cả chúng tôi hình như đều đang lặng lẽ nghĩ về "sự nghĩ" của họ: "Họ có nghĩ gì không nhỉ, khi đêm xuống, khi sáng mai dậy, có nghĩ gì không trong suốt quãng thời gian chè chưa hái, ngô chưa già, họ có nghĩ gì không trong suốt cuộc đời họ, dằng dặc, nối tiếp từ đời này sang đời khác" - bản khoán ấy đã trở thành đề tài trong suốt chặng đường chinh phục Mã Pí Lèng! Mấy người bạn đồng hành đặt giả thiết:

- Cậu hình dung đi, nếu cậu hỏi nhà họ Sùng câu ấy, họ sẽ hỏi cậu câu này: "Nghĩ là gì?"

- Tớ thấy họ an nhiên thực sự đó, ngay việc cậu cứ ám ảnh nghĩ về sự vô nghĩa hay có nghĩa của cuộc đời họ, cậu đã khổ hơn họ nhiều rồi!

Ừ nhỉ, cuộc đời họ vô nghĩa hay có nghĩa, quê hương họ hùng vĩ hay khắc nghiệt... đó chỉ là những khái niệm do bọn rảnh rỗi đi qua mà áp đặt, dờ hơi dừng lại mà trăn trở, những khái niệm tuyệt đối không bao giờ xuất hiện trong mấy chục năm cuộc đời của họ...!

Tự ngượng vì sự hăng hục có chút bẽ bàng khi suốt chặng đường trèo đèo leo dốc đã hình dung một cách hồi hộp, háo hức về những hậu thân các nhân vật "Vang bóng một thời" của Nguyễn xưa, tới đây, hóa ra lại gặp gia đình họ Sùng và tiếp cận với một dạng triết học khác! Mê trà, cao ngạo tới lập dị... các nhân vật của cụ Nguyễn vẫn là Đời; còn lơ đãng, thờ ơ với hết thảy, để tâm trí thanh rỗng tới tận cùng, những thành viên của Sùng gia mới là sự hiện hữu tự nhiên nhi nhiên của Đạo chăng?

Vậy mà sao cô bạn đồng hành vẫn cứ day dứt: Chị ơi, cũng là một kiếp người...!

Và sao tâm trí mình vẫn cứ mơ hồ lời thúng thảng của cậu Sùng con: "Ngồi thế này thôi, làm gì đâu!"

Trong khi, nếu cậu ta đọc những dòng trăn trở này, cậu ta sẽ thương hại những kẻ rảnh rỗi giờ đây là chảnh!

Nguyễn Đức Giảng, một nhà báo, nhà văn viết bằng tiếng Pháp

PHẠM XUÂN CẦN

■ Vinh xưa từng có một nhà báo, nhà văn viết bằng tiếng Pháp và một tạp chí văn chương bằng tiếng Pháp có uy tín ở cả Đông Dương và ở Pháp. Nhà văn, nhà báo đó là Nguyễn Đức Giảng, con trai trưởng của ông chủ nhà in đầu tiên ở Vinh - Bến Thủy.

Ông chủ nhà in

Ông Nguyễn Đức Tư có tên thật là Nguyễn Đăng Ngạc, sinh năm 1885 tại xã Cự Khối, huyện Gia Lâm, nay là phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội. Nguyễn Đức Tư được một thầy tu nhận làm con nuôi và đưa về Thái Bình, cho ăn học nên người. Lớn lên, Nguyễn Đức Tư kết hôn với Phạm Thị Hà, sinh năm 1888, quê ở Thái Bình. Từ năm 1920, hai ông bà kéo nhau vào Vinh lập nghiệp. Nhận thấy Vinh là đất học hành, trường Quốc Học Vinh cũng vừa mới thành lập, ông bà đã khởi nghiệp bằng việc mở một cửa hàng nhỏ để đóng và bán sách. Công việc làm ăn thuận lợi, bốn năm sau, năm 1924, ông bà mở một xưởng in nhỏ lấy tên là Tân Hóa.

Trên một bức ảnh còn lưu lại, chắc là chụp trong một dịp trọng đại nào đó, cho thấy xưởng in chỉ là một ngôi nhà đơn sơ, phía trước có một tủ và một giá trưng bày sách, bên trên có một tấm biển đề "Tân Hóa Imprimerie, Reliure Librairie", hai bên còn có hai dòng chữ Hán: "Tân Hóa ấn quán". Cho thấy, đây không chỉ là xưởng in, mà còn là nơi đóng và bán sách, vở. Trước nhà xưởng, đồng thời là cửa hàng có 9 người đàn ông, tất cả đều khăn đóng, áo dài đứng nghiêm trang. Trong đó, ngoài cha con ông chủ, còn lại là những người làm công trong nhà in.

Từ cơ sở ban đầu này, Tân Hóa phát triển dần lên. Những năm 1930 nó mang tên nhà in Nguyễn Đức Tư, là một nhà in lớn, khang trang, tọa lạc trên khu đất rộng tới 1200m², ở số 5, đại lộ Maréchal Foch, nay là đường Quang Trung, một đường



Xưởng in Tân Hóa

Quảng cáo Nhà in Nguyễn Đức Tư trên báo Thanh Nghệ Tĩnh tân văn năm 1933

phổ thương mại lớn nhất, ở trung tâm đô thị Vinh - Bến Thủy. Nhà in có tới 23 máy in, có thể in ấn được các tài liệu, sách vở, báo chí nhiều khổ khác nhau, số trang khác nhau, bằng các ngôn ngữ Việt, Pháp, Hoa.

Trên báo chí đương thời, những năm 1930 khi nói đến nhà in Nguyễn Đức Tư đều viết là do ông Nguyễn Đức Giảng, con trai trưởng của ông Nguyễn Đức Tư quản lý.

Nguyễn Đức Giảng là con trai đầu của ông chủ nhà in Nguyễn Đức Tư. Anh sinh năm 1910, tại Thái Bình, khi ông bà Nguyễn Đức Tư mới cưới nhau ở đây. Năm 1918, ông bà Nguyễn Đức Tư làm ăn ở Thanh Hóa, Nguyễn Đức Giảng cũng theo học tiểu học ở đây. Năm 1920, gia đình chuyển vào Vinh lập nghiệp, Nguyễn Đức Giảng theo học tiếp tại trường tiểu học Pháp - Việt Vinh. Tại đây cậu được xếp ngồi cùng bàn với một cô bạn học rất nhút nhát, ngồi học mà cứ sợ chạm vào

người bạn nam, vì quan niệm “nam nữ thụ thụ bất thân”. Sau này ông Giảng vẫn không hiểu nổi tại sao một cô gái nhút nhát như vậy lại có thể trở thành chiến sĩ cộng sản gan góc Nguyễn Thị Minh Khai. Năm 1924, để chuẩn bị hành trang tiếng Pháp và kiến thức vững chắc cho con trai, ông chủ nhà in gửi cậu Giảng ra Hà Nội theo học tại trường Trí Tri, ở phố Hàng Quạt. Đây là ngôi trường nổi tiếng về dạy tiếng Pháp và các môn tân học, do Hội Trí Tri Hà Nội lập ra. Không những quy tụ các giáo viên giỏi, mà Trí Tri còn là nơi các trí thức hàng đầu của Hà Nội và đất nước đến diễn thuyết và giao lưu. Sau hai năm học tập tại đây, Nguyễn Đức Giảng trở về Vinh, học trường Quốc học. Trong bốn năm Quốc học, chàng thanh niên có vầng trán rộng và đôi mắt sáng thông minh, không chỉ nổi tiếng học giỏi, mà còn được biết đến trong toàn thành phố với vai trò một “kịch sỹ” nghiệp dư. Mãi nhiều năm sau, khi đã ra trường, trở thành ông chủ nhà in, thành nhà báo, nhà văn viết tiếng Pháp nổi tiếng, Nguyễn Đức Giảng vẫn góp mặt trong các vai kịch của trường Quốc học, cũng như của các hội khác, diễn để quyên góp tiền vì mục đích từ thiện. Anh đóng được nhiều vai, già, trẻ, trai, gái, mà đặc biệt là các vai giả gái. Hiện gia đình vẫn còn giữ được bức ảnh trong đó Nguyễn Đức Giảng hóa trang thành nữ, vai Cẩm Hà, trong vở kịch Uyên ương của Vi Huyền Đắc. Báo Thanh Nghệ Tĩnh tân văn số ra ngày 17/1/1933 tường thuật về các buổi diễn kịch của Quốc học Vinh: “Trong hai tối hát người xem đến đông *ngào ngạt*. Rạp Vĩnh Xuân Đài to gấp hai ba lần nữa thì chứa mới vừa. Vở kịch “Lòng này ai tỏ” tuy không hay lắm, nhưng những người sẩm trò đã lột hết tinh thần của các vai, theo đúng ý tứ của tác giả, nên vở kịch diễn ra vui từ đầu chí cuối. M. Nguyễn Đức Giảng quản lý nhà in Nguyễn Đức Tư lâu nay hay giúp vào việc ấy, lại là cựu học sinh trường ấy, chia nhau sẩm các vai như sau này: M. Giảng sẩm vai cụ Giáo và bà Thông Giụ. M. Giảng sẩm vai cụ Giáo ở cảnh thứ nhất hay hơn ở cảnh cuối cùng, được khán giả hoan nghênh lắm”. Không chỉ đóng kịch bằng tiếng Việt, Giảng cũng đóng nhiều vai trong các vở kịch bằng tiếng Pháp. Trong các kì gala của hội Pháp Nam Nghệ An (AFANA), anh cùng với các nghệ sĩ nghiệp dư quen thuộc ở Vinh như Kim Vinh, Tín Bình, Thân Trọng Lạc... thường diễn các vở của các tác gia người Pháp. Ngoài ra, trong các buổi diễn thuyết bằng tiếng Pháp ở Vinh, kể cả nói chuyện về khoa học như về vô tuyến điện, Nguyễn Đức Giảng cũng thường là người phiên dịch.

Sau khi học xong chương trình cao đẳng tiểu học ở Quốc học Vinh, năm 1930 Nguyễn Đức Giảng tiếp tục ra Hà Nội học chương trình tú tài. Một kì nghỉ hè anh đi chơi Sầm Sơn, gặp hai cô gái xinh đẹp và có học thức, Giảng ngỏ lời làm quen. Rất tiếc vì đã có chốn, có nơi, họ giới thiệu cho anh một người em chung, đang học ở trường nữ sinh Đồng Khánh, Huế. Đó là Nguyễn Thị Phú, một cô gái con nhà giàu xứ Thanh, tuy nhan sắc bình thường, nhưng rất thông minh và tháo vát. Năm 1933, hai người làm lễ thành hôn. Báo Thanh Nghệ Tĩnh tân văn đã đăng một mẫu tin chúc mừng hỷ sự của trường nam ông chủ nhà in Nguyễn Đức Tư.

Sau khi kết hôn, Nguyễn Đức Giảng làm quản lý nhà in Nguyễn Đức Tư, giúp cho cha lúc này cũng đã luống tuổi.



Nguyễn Đức Giảng hóa trang nữ, vai Cẩm Hà trong vở kịch Uyên ương của Vi Huyền Đắc



Vợ chồng ông Nguyễn Đức Giảng - Nguyễn Thị Phú

“Tuổi hai mươi”

Theo pháp luật đương thời, nhà in cũng có thể là nhà xuất bản. Theo đó Nhà in Nguyễn Đức Tư không chỉ in sách, báo, đóng và buôn bán sách vở, mà còn là một nhà xuất bản, có quyền xuất bản các ấn phẩm. Việc này phù hợp với sở nguyện và đam mê văn chương của Nguyễn Đức Giảng. Những năm 1930, 1940 Les presses Annamites Nguyễn Đức Tư đã xuất bản nhiều ấn phẩm như các ấn phẩm của chính quyền, hoặc các sách sử, chính trị xã hội và văn học. Năm 1936, mới 26 tuổi, Nguyễn Đức Giảng đã cùng với người bạn Pháp của mình, là nữ văn sĩ Christiane Fournier làm một việc hiếm có trong lịch sử dòng văn học Pháp ở Đông Dương: Ra một tạp chí chuyên về văn chương bằng tiếng Pháp. Đó là tạp chí “La Nouvelle Revue Indochinoise” (NRI, Đông Dương tân tạp chí). Tờ tạp chí do bà Christiane Fournier là Tổng biên tập và Nguyễn Đức Giảng là Chủ nhiệm. Tuy nhiên, cũng có một số số tạp chí, Nguyễn Đức Giảng kiêm luôn chức Tổng biên tập. Tạp chí in tại nhà in Nguyễn Đức Tư, ra mỗi tháng một kì, 50 trang. Số đầu ra ngày 1/1/1936, số cuối (số 49) ra ngày 1/1/1940. Thật bất ngờ, một tạp chí chuyên về văn chương và học thuật, do hai người trẻ, chưa thật có tên tuổi, lại xuất bản ở tỉnh lẻ, nhưng đã mau chóng trở thành một không gian giao lưu văn hóa, văn học Pháp - Việt có uy tín ở Đông Dương và Pháp.

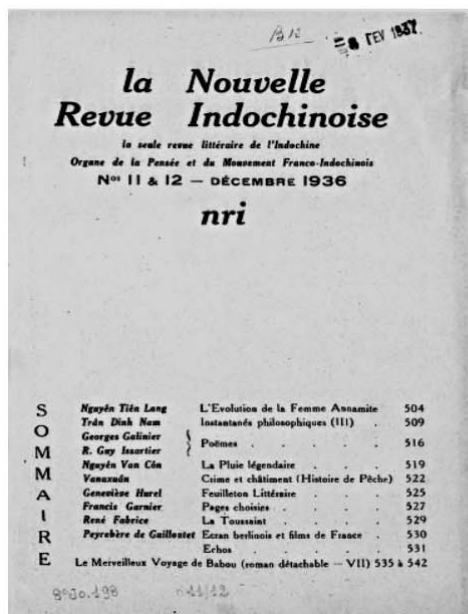
Trong Hội thảo khoa học quốc tế: “Giao lưu văn hóa Việt - Pháp: Thành tựu và triển vọng” (Échanges culturels Franco-vietnamiens: réalisations et perspectives) diễn ra vào ngày 16-17/4/2018 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, TS. Phạm Văn

Quang đã có báo cáo khoa học: “Đông Dương tân tạp chí: Một không gian chuyển giao văn hóa” (La Nouvelle Revue Indochinoise: un vecteur de transfert culturel).

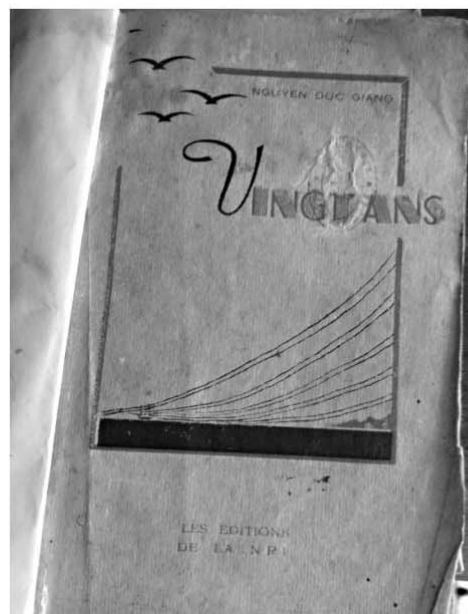
Theo TS. Phạm Văn Quang trong báo cáo khoa học nói trên, NRI đã quy tụ được đông đảo các nhà văn, nhà nghiên cứu Pháp, đó là những người đang trên hành trình khám phá một nền văn hóa mới hoặc đang làm nhiệm vụ truyền bá văn minh đến Đông Dương, một nơi rất lôi cuốn đối với họ, như Clotilde Chivas-Baron, Geneviève Hurel, Jeanne Leuba, Yvonne Netter, Yvonne Schultz, Kikou Yamata, Raphael Barquisseau, Marcel Berger, Henry Daguerches, Roland Dorgelès, Pierre Foulon, R. Guy Issartier, Marius-Ary Leblond, Louis Malleret, Pierre Mille, Albert de Pouvoirville, Gibert Saron, Franz Toussaint, Georges Galinier... Ví dụ, Albert de Pouvoirville (1861-1939), cộng tác với NRI ngay từ lúc mới khai sinh Tạp chí cho đến khi ông qua đời. (Số cuối cùng của NRI cũng là số đăng tin buồn Albert de Pouvoirville qua đời). Ông đã thấm nhuần tư tưởng Đạo giáo trong thời gian sinh sống tại Đông Dương, ông còn lấy bút danh Việt Nam là *Mặt giới*. Đối với ông, Đông Dương là nguồn cảm hứng: “Vì tình yêu với Đông Dương, tôi trở thành nhà văn” (La Nouvelle Revue Indochinoise, “Albert de Pouvoirville n’est plus”, số 49, năm 1940). “Là một trong những nhà bảo trợ cho Đông Dương và một trong những nhà văn tuyệt vời nhất của nước Pháp, Albert de Pouvoirville là một ví dụ điển hình của sự trao đổi văn hóa. Tinh thần đối thoại của ông đã đóng góp to lớn cho sự hình thành và phát triển của NRI”^[1].

Đặc biệt, NRI cũng là nơi gặp gỡ của các trí thức trẻ, những người đang và sẽ tỏa sáng trên chính trường và văn đàn Việt Nam, như luật sư Nguyễn Mạnh Tường, nhà văn viết tiếng Pháp Nguyễn Tiến Lãng, nhà thơ Phạm Văn Kỳ, bác sĩ Trần Đình Nam... NRI ngoài đăng các sáng tác văn, thơ, tiểu thuyết, còn có các chuyên mục mang tính lý luận về triết học, văn hóa, văn học. Một số người trẻ đã biết sử dụng NRI như là nơi thể hiện và rèn rũa tài năng, như Phạm Văn Kỳ hay Nguyễn Tiến Lãng. Nguyễn Tiến Lãng nổi tiếng trong giới báo chí, vì tham gia cộng tác với nhiều tạp chí, đồng thời là Tổng biên tập của “Nam Phong tạp chí”. Nguyễn Mạnh Tường (1909-1992) là một nhân vật quan trọng trong giới trí thức bản địa, ông đã bảo vệ thành công hai luận án tiến sĩ ngành Luật và ngành Văn học ở tuổi 23 ở trường Đại học Montpellier. Quay trở lại Việt Nam năm 1936, ông giảng dạy tại trường trung học Protectorat của Hà Nội. Kể từ lúc này ông bắt đầu việc giới thiệu các giá trị nhân đạo của phương Tây, đặc biệt qua các bài viết đăng tại NRI^[2].

Trần Đình Nam vốn được biết đến là một bác sĩ giỏi, giàu tâm huyết đối với vận mệnh đất nước (sau này là Bộ trưởng Nội vụ trong chính phủ Trần Trọng Kim), lại xuất hiện trên NRI với tư cách một nhà triết học. Ông công bố một sê-ri bài viết về triết học, dưới một cái tên chung như một chuyên mục “Instantanés philosophique” (tạm dịch “Ổng kính chụp nhanh về triết học”). Trong đó, Trần Đình Nam thường đi từ những hiện tượng, câu chuyện cụ thể để đưa ra những nhận xét, so sánh về sự tương đồng và khác biệt về triết học và văn hóa giữa phương Tây và phương Đông.



Đồng Dương tân tạp chí



Sách Vingt ans (Tuổi hai mươi) in năm 1940

Bằng việc mời gọi, quy tụ và giữ chân được những cây viết tên tuổi đó, NRI đã chứng tỏ uy tín của mình trong giới học thuật. Trong đó “Nguyễn Đức Giảng, người tiếp nối Christiane Fournier làm Tổng biên tập của NRI, có vai trò rất quan trọng trong sự thành lập và quản lý tờ Tạp chí”^[3]. Không chỉ quản lý, tổ chức biên tập, Nguyễn Đức Giảng cũng đã viết nhiều bài cho tạp chí. Đặc biệt, trên NRI anh đã cho đăng tải trong nhiều số cuốn tiểu thuyết đầu tay và cũng là duy nhất bằng tiếng Pháp của mình, cuốn “Vingt ans” (Tuổi hai mươi).

Có lẽ cuộc Thế chiến II ngày càng khốc liệt đã không cho phép cuộc giao lưu văn chương và học thuật của Nguyễn Đức Giảng và những người bạn Pháp, Việt kéo dài. Sau bốn năm, ngày 1/1/1940, NRI ra số cuối cùng. Trong số từ biệt này, những người làm báo đã hẹn gặp lại bạn đọc thông qua những ấn phẩm mà họ sẽ cho xuất bản trong thời gian tới, trong đó có tiểu thuyết “Vingt ans” (Tuổi hai mươi) của Nguyễn Đức Giảng. Thậm chí trên đó còn in mẫu đăng kí mua cuốn sách với giá 20frs. Và, đúng như lời hứa, tháng 8/1940, cuốn sách ra đời. Trong lời nói đầu, nhà xuất bản đã phải xin lỗi bạn đọc vì nạn khan hiếm giấy mà sách đã buộc phải in bằng nhiều loại giấy khác nhau, trong đó có một số lượng lớn phải in trên giấy báo.

“Tuổi hai mươi” là cuốn tiểu thuyết ái tình, nhẹ nhàng và đẹp như thơ. Truyện lấy bối cảnh bãi biển Sầm Sơn, để anh chàng thư sinh gặp và đem lòng yêu một cô gái trẻ, khi làm gia sư cho cô ta trong những ngày nghỉ ngắn ngủi ở đây. Mặc dù không phải là tự truyện, nhưng chắc Nguyễn Đức Giảng đã lấy cảm hứng từ cuộc đi chơi Sầm Sơn năm nào của mình. Trang đầu “Tuổi hai mươi”, ông Giảng trang trọng đề “Cho tuổi 20 của Kim Thoa, Thiên Kim và Đức Hạnh”. Đó chính là

ba cô con gái của ông, lúc này hãy còn đang rất nhỏ tuổi. Có lẽ ông hy vọng tuổi trẻ của các con ông sẽ đẹp như tiểu thuyết chăng?

Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên nhận xét:

“Tuổi hai mươi” là một cuốn truyện bằng tiếng Pháp.

“Tuổi hai mươi” là một cuốn truyện viết theo lối Pháp.

Lối Pháp ở đây là có truyện trong truyện. Tưởng như là truyện về cô Xuân lại hóa ra truyện về cô Thoa.

Truyện được kể ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, thông qua các bức thư của người đưa tin.

Nhưng truyện chính vẫn là ở ngôi thứ nhất. Nhân vật chính xưng tôi kể câu chuyện đã diễn ra. Và chỉ là chuyện kể theo sự kiện, không có diễn biến tâm lý của nhân vật. Và sự kiện chính xảy ra ở Sầm Sơn.

Trước truyện này đã có “Tổ Tâm” của Song An Hoàng Ngọc Phách (1922) kể chuyện một đôi lứa tình yêu ngược lễ giáo, và cũng có một cảnh ở biển Đồ Sơn. Cũng lấy khung cảnh Đồ Sơn là truyện “Trống mái” (1936) Khái Hưng cho cô gái tân thời mê say một anh chàng miệt biển có thân hình đẹp.

Như vậy, đặt trong bối cảnh văn chương này, “Tuổi hai mươi” của Nguyễn Đức Giăng là một nỗ lực phấn đấu cho cái sống tân thời của người trẻ An Nam. Nhưng tác giả đã không dám đi quá quy phạm đạo đức truyền thống. Lối viết của tác giả vẫn nặng lối giáo hóa truyền thống, với những trích dẫn cả Đông và Tây.

Tuy nhiên, chính trong sự ngập ngừng đạo đức của nhân vật chính, cuốn truyện lại gây được sự tò mò.

Đặt trong dòng văn chương Pháp ngữ (Francophone) của người Việt, “Tuổi hai mươi” có thể được xem là một nỗ lực đưa cuộc sống Việt cho người Pháp biết”.

Như vậy, Nguyễn Đức Giăng đã mượn ngôn ngữ Tây, thủ pháp nghệ thuật của Tây để chuyển tải câu chuyện, tình cảm và tư tưởng của người Việt trong thời đoạn đang có sự giao lưu mạnh mẽ về văn hóa Tây - Đông. “Tuổi hai mươi” như thời đó người ta vẫn gọi là một cuốn “tâm lý tiểu thuyết”. Chỉ có điều nó không trực tiếp mô tả diễn biến tâm lý nhân vật, mà diễn biến đó được thể hiện qua sự kiện.

Trong lời tựa cho cuốn sách của bạn mình, nữ văn sĩ Christiane Fournier cho rằng “nếu tôi không nhầm, đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên do một tác giả Việt Nam viết trực tiếp bằng tiếng Pháp”^[4]. Và, bà bất chợt nhận ra rằng té ra tình yêu có ngôn ngữ quốc tế:

“Chúng ta hãy vượt theo anh, tóm bắt cái bóng dáng nhẹ tựa sợi tơ hồng mà vào tuổi hai mươi chúng ta gọi là tình yêu. À ra thế! Chúng ta tưởng xa nhau nghìn dặm, nhưng bỗng nhiên như đã xích lại bên nhau qua hai trăm trang phân tích. Cười và đau khổ vì những nguyên nhân giống nhau, nâng niu trên đôi bàn tay non trẻ chén ngọc diệu kỳ, chứa đựng cái ảo mộng lộng lẫy và thật hơn cả cái kho

từng trải mà chúng ta đã phải trả cái giá đắt biết bao trong suốt quãng đường từ tuổi thiếu thời đến tuổi thành niên.

Bỗng nhiên chúng ta đã trở thành đồng tộc trong tâm hồn. Một cuốn sách nhỏ dĩ dóm và duyên dáng đã có phép màu tạo nên điều kì diệu đó^[5].

Sau khi cuốn sách xuất bản, Hội Nhà văn Pháp đề nghị Nguyễn Đức Giảng gửi cho họ 40 cuốn để xét thưởng. Tuy nhiên, chiến tranh ngày càng khốc liệt, thủ đô Paris thất thủ, việc đó đã không thực hiện được.

“Đời vẫn còn một chút này...”

Sau Cách mạng tháng 8, Nguyễn Đức Giảng cùng với gia đình và những người em trai của mình, như Nguyễn Đức Thuyết, Nguyễn Đức Thi hăm hở bước vào cuộc sống mới. Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Nguyễn Đức Giảng tham gia làm báo Truyền Thanh. Đây là tờ báo Truyền Thanh của ty Tuyên truyền và thông tin, có trụ sở đóng trên đường Phan Đình Phùng, thành phố Vinh ngày nay. Ty Thông tin tuyên truyền lúc này do nhà văn Bùi Hiến phụ trách. Theo một số tài liệu tờ Truyền Thanh lúc đầu do nhà nghiên cứu Nguyễn Đồng Chi làm chủ bút, nhưng ngay từ ngày đầu kháng chiến, Nguyễn Đồng Chi đã có mặt ở Hà Nội và tham gia chiến đấu bảo vệ Thủ đô. Nhà văn Nguyễn Chí Tình, tức Nguyễn Đức Nhật, con trai nhà giáo, nhà văn Nguyễn Đức Bính nhớ lại: Cha ông và Nguyễn Đức Giảng cùng làm tờ Truyền Thanh, hai người thường qua lại, trao đổi công việc với nhau. Báo in tại nhà in Nguyễn Đức Tư. Mỗi tuần hai buổi sáng, ông Nhật cùng hàng chục đứa trẻ khác vẫn đến châu chực trước cửa nhà in, để mang báo đi các nơi trong thành phố. Nhật ký của Bùi Hiến cũng cho biết chính ông cũng viết bài cho báo này. Nhà văn Hoàng Ngọc Anh trong cuốn “Xóm thợ Trường Thi” cũng đề cập đến báo Truyền Thanh. Được làm ra bởi những cây bút chuyên nghiệp, nên Truyền Thanh được đánh giá cao về nội dung và nghiệp vụ, dù chỉ được in trên giấy xấu. Lịch sử Nghệ An (tập II)^[6] viết: “Trong điều kiện thiếu thốn, báo Truyền Thanh vẫn xuất bản mỗi tuần hai số, phát hành đến cơ quan cấp tỉnh, một số ngành cấp huyện và xã. Báo Truyền Thanh có cấu trúc tin bài, nội dung khá đầy đủ như: Xã luận, bình luận, thời sự trong tỉnh, tin văn trong nước và thế giới. Báo Truyền Thanh trở thành tài liệu của các buổi phát thanh ở thôn xóm”.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ ít lâu, thành phố Vinh thực hiện tiêu thổ kháng chiến. Như nhiều gia đình khác, sau khi tự tay phá hủy ngôi nhà và xưởng máy của mình, đại gia đình ông Nguyễn Đức Tư gồng gánh nhau lên vùng Bạch Ngọc, huyện Đô Lương ngày nay sinh sống và làm việc. Xưởng in, với một số máy móc gọn nhẹ cũng được chuyển lên, để tiếp tục in báo Truyền Thanh và các tài liệu phục vụ kháng chiến. Giấy in khan hiếm, gia đình ông phải mở xưởng tự sản xuất giấy từ tre nứa có sẵn trong vùng. Tiền nông, của nả cứ vơi dần đi, mấy cây vàng dành dụm mang theo cũng bán ăn dần. Khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi. Năm 1951 báo Truyền Thanh đình bản, ông Giảng lại đau dạ dày nặng, nên cả nhà quay về Vinh, dựng tạm lên một ngôi nhà ở tạm.

Lúc này mấy cái máy in lớn nhà nước đã trưng thu, ông gom nhặt dựng lại một xưởng in nhỏ ở vùng Cổng Chốt để làm kế sinh nhai.

Trong những tháng này kham khổ ấy, khi ở Bạch Ngọc cũng như khi đã về Vinh, đã đôi ba lần bạn bè rồi người nhà từ Thanh Hóa vào vận động, khuyên nhủ ông nên chuyển ra Hà Nội. Nhìn vợ con nheo nhóc, ông Giăng cũng chạnh lòng và không khỏi đắn đo. Có lần cả nhà đã lên xe bò đi ra đến Đền Cuông thì ông Giăng bắt quay lại. Lần khác cả nhà đã ra đến Thanh Hóa, đang chờ đi thì một mình ông Giăng đạp xe trở lại Vinh. Thế rồi, cả nhà cũng trở về theo ông. Lần này cả nhà phải ở nhờ nhà bà Tống Gia Liêm ở Cổng Chốt một thời gia. Một lần nữa xưởng in lại được dựng lên... Nhưng lúc này cũng chỉ in những thứ như vé đò, vé xe, hóa đơn linh tinh, đủ sống qua ngày.

Hòa bình lập lại, dân Vinh tản cư các nơi lục tục chuyển về. Ông Giăng nhặt nhạnh gạch vụn khắp nơi, dựng lại một ngôi nhà, lợp tranh, thưng bằng vách nứa, trên nền nhà cũ ở đường Quang Trung, vừa làm nhà ở, vừa là nơi đặt xưởng in. Ông bà vừa là chủ, vừa là thợ, làm công chỉ có vài ba người, trong đó có ông Nguyễn Thế, sau này là Giám đốc Công ty In Nghệ An. Rồi cuộc sống cũng đỡ vất vả hơn. Nhưng, ông Giăng không ngờ những biến cố khác đang chờ ông ở phía trước.

Năm 1959, nhà nước tiến hành công cuộc cải tạo công thương nghiệp. Nhà in Nguyễn Đức Tư thuộc diện được công tư hợp doanh. Được đánh giá có giá trị 745 đồng, nhà in Nguyễn Đức Tư cùng với 5 nhà in nhỏ khác hợp thành Xí nghiệp In công tư hợp doanh Thống Nhất, có trụ sở đặt dưới khu vực Ngã Sáu. Được cho là tư sản tiến bộ, ông Nguyễn Đức Giăng được cơ cấu tham gia Mặt trận Tổ quốc Thị xã Vinh, được dự hội nghị toàn quốc ở Hà Nội. Chính vì vậy, khi xí nghiệp công tư hợp doanh Thống Nhất được thành lập, ông là nhà tư sản duy nhất khi đó của thành phố được bổ nhiệm làm Phó giám đốc xí nghiệp. Các nhà tư sản khác tương tự như ông đều xuống làm công nhân. Bà Phú, vợ ông Giăng cũng trở thành công nhân của Xí nghiệp In Thống Nhất. Kể lại những ngày tháng đó, ông Nguyễn Thế, công nhân cũ của ông Giăng vẫn còn bùi ngùi, cho biết ông Giăng từ một con người sôi nổi, ham hoạt động lúc này trở nên lảm nhảm, ít nói, chỉ đốt thuốc lá liên tục.

Nhưng, sóng gió cuộc đời chưa dừng ở đó. Năm 1961, một trận hỏa hoạn kinh hoàng đã gần như thiêu cháy cả thành Vinh. Nhà ông và xưởng in cũng chung số phận. Khi trận cháy xảy ra, vốn là người vụng về trong cuộc sống hàng ngày, ông Giăng chỉ biết dắt con chạy lên phía Cổng Chốt, mọi việc phó mặc cho bà Phú lo.

Từ ông chủ một nhà in lớn nhất thành phố, với 23 chiếc máy in hiện đại, được nhà nước trưng thu, hoặc tiêu tán dần qua mấy năm tản cư, nay chỉ còn một chiếc để góp vào xí nghiệp hợp doanh. Thế mà, giờ đây cả gia tài một lần nữa lại biến thành đồng tro tàn, hoàn toàn theo nghĩa đen.

Trong cơn thất vọng cùng cực đó, không có con đường nào mở ra cho bài toán áo cơm, nhưng không ngờ, một cánh cửa cho ông trở lại với văn chương lại hé mở. Người bạn thân của ông là Nguyễn Đức Phiên, tức nhà phê bình Hoài Chân, đồng tác giả của "Thi nhân Việt Nam", lúc này là Giám đốc Nhà xuất bản Văn

hóa, đang cần một biên tập viên tiếng Pháp. Thế là, tháng 8/1962, Nguyễn Đức Giảng một mình khăn gói ra Hà Nội, bỏ lại cái chức Phó giám đốc xí nghiệp hợp doanh, vốn đã được ưu ái “cơ cấu” cho một “nhà tư sản tiên bộ”, để trở thành một viên chức mẫn cán, ngày ngày cày cuốc trên cánh đồng chữ nghĩa, văn chương. Tạm quên đi những khó khăn cơm áo thường nhật, Nguyễn Đức Giảng lại được đắm mình trong không khí văn chương và học thuật. Nhiều tác phẩm văn học có giá trị được đến với bạn đọc qua bàn tay ông, với tư cách người dịch, biên tập hoặc hiệu đính, như tập truyện *Alioca* (Liên xô), *Truyện cổ châu Phi*, *Truyện cổ Andersen*, *Truyện ngắn Hunggari*, *Chiếc bình vỡ và Tình nhỏ* (Đức)... Rất tiếc, bản dịch *Ba chàng ngự lâm* đang dịch dở thì ông bị đau nặng, phải dừng lại.

Một năm sau khi ra Hà Nội, ông cũng thu xếp để đưa vợ con ra. Hôm ấy cả nhà, bao gồm cả người và của chất gọn lên hai chiếc xích lô để ra ga. Bác xích lô quen biết và vui tính nói: “Công ty Nguyễn Đức Tư còn được hai xích lô là khá, có nhà chỉ còn một thôi”.

Tiếp theo đó là bảy năm liền vợ ông và bảy đứa con chen chúc nhau trong một căn phòng mượn của người em, chỉ có bảy mét vuông. Bà Phú phải làm rất nhiều việc từ chẻ rau muống, đến đóng sách vở, dán hộp để kiếm thêm thu nhập, nuôi gia đình. Nhưng cũng thật kỳ lạ và kỳ diệu, trong muôn trùng khó khăn, thiếu thốn, bảy đứa con ông cứ lớn lên. Hầu như càng khó khăn con cái ông càng có nghị lực, đứa nào cũng thông minh, học giỏi và phương trưởng như có phép màu.

Nhà chật, ông Giảng chủ yếu ở chung với hai cán bộ khác trong căn phòng tập thể ở cơ quan. Khi ông gần về hưu, lo ông không có chỗ ở, có người mách ông, chỉ cần biểu ông giám đốc mới nghiện rượu hai chai cốc lủi, là sẽ giữ lại được căn phòng. Ông không nói gì, chỉ lẳng lặng thu vén đồ đạc về ở cùng vợ con trong căn phòng nhỏ.

Một hôm con gái lớn đi Thư viện Quốc gia, mượn về cho ông một cuốn sách. Cầm trên tay cuốn sách nhỏ, in trên giấy báo, đã ủa màu thời gian, Nguyễn Đức Giảng ngậm ngùi thốt lên: “Đời vẫn còn một chút này”.

Đó chính là “Vingt ans”, là “Tuổi hai mươi” của ông...

-
1. TS. Phạm Văn Quang, “Đồng Dương tân tạp chí: một không gian chuyển giao văn hóa” (La Nouvelle Revue Indochinoise: un vecteur de transfert culturel).
 2. TS. Phạm Văn Quang, “Đồng Dương tân tạp chí: một không gian chuyển giao văn hóa” (La Nouvelle Revue Indochinoise: un vecteur de transfert culturel).
 3. TS. Phạm Văn Quang, “Đồng Dương tân tạp chí: một không gian chuyển giao văn hóa” (La Nouvelle Revue Indochinoise: un vecteur de transfert culturel).
 4. Tuổi hai mươi, bài Tựa của Christiane Fournier do chính Nguyễn Đức Giảng dịch.
 5. Tuổi hai mươi, bài Tựa của Christiane Fournier do chính Nguyễn Đức Giảng dịch.
 6. Lịch sử Nghệ An, tập II từ năm 1945 đến năm 2005, NXB Chính trị Quốc gia, 2012



Minh họa: Phan Tất Lành

Giếng nước và Mạch nước ngầm

PHƯƠNG ANH

(Lớp 11, Trường THPT Nguyễn Trường Tộ, Hưng Nguyên)

Tại một ngôi làng nọ, có một giếng nước vừa được xây dựng mới rất đẹp, nước lại còn rất trong mát. Giếng nước khá là tự hào về chính mình, nó rất thích thú và tỏ ra kiêu hãnh mỗi khi có một vị khách nào đó đến thăm. Vì mỗi lần như vậy nó lại được nghe những ngôn từ cảm thán về vẻ đẹp và những giọt nước trong lành mà nó mang trong mình.

Vào một buổi sáng nọ, Giếng nước bỗng thấy một cảm giác mơn man khắp cơ thể mình. Hóa ra đó chính là Mạch nước ngầm, Mạch nước ngầm đang âm thầm cung cấp nước cho Giếng, nhưng thay vì nghe câu cảm ơn được thốt ra từ Giếng nước xinh đẹp kia, thì:

- Ai đây vậy, ai đó lại đến quấy rầy ta vậy? Giếng nước gắt gỏng.

Mạch nước ngầm thình lạng, tự nhủ mình bỏ qua chuyện này và tiếp tục công việc truyền nước cho giếng.

- Này chị! - Giếng nước hết lên - Chị làm bản hết cơ thể xinh đẹp của tôi đây. Chị không thể nào sạch sẽ hơn được à?

- Tôi không có thời gian để chải chuốt đâu, Giếng nước ạ! - Mạch nước ngầm nhỏ nhẹ. Giếng nước vẫn chưa nguôi cơn tức giận:

- Sao lúc nào chị cũng mặc chung một chiếc áo với đất bản thể.

Nghe thế, Mạch nước ngầm buồn lắm, nó im lặng một chút và nói với Giếng nước:

- Tôi mặc đẹp để làm gì? Ở dưới này có ai xuống mà nhìn đâu?

Giếng nước hết lên và đuổi Mạch nước ngầm đi. Mạch nước ngầm chẳng biết làm gì bèn lủi thủi bỏ đi nơi khác.

Hè năm đó thời tiết rất khắc nghiệt, nhiệt độ cao đã làm cho các giếng nước xung quanh vùng đó dần cạn kiệt, và tất nhiên Giếng nước xinh đẹp kia cũng chịu chung số phận. Vì Giếng đã cạn rồi nên cũng chẳng ai thèm ngó ngang gì tới nó nữa. Bộ áo đẹp trước kia ai ai cũng trầm trồ bây giờ bám đầy bụi bặm vì không ai chùi rửa, làn nước trong vắt nó từng mang trong mình bây giờ cũng chỉ còn lại lớp bùn đen nhớp nhúa với vài con ếch, con nhái bản thủ. Giếng nước mệt mỏi ngâm mình dưới ánh nắng mà trước kia nó từng yêu thích, cho đến một hôm nó nghe người ta nói với nhau:

- Giếng nước này cạn rồi, có để lại đây cũng chỉ vô ích mà thôi. Nó chẳng làm được gì nữa đâu, thà đập đi rồi ta tìm một mạch nước ngầm khác mà xây một cái giếng mới!

Giếng nước lặng thinh. Lúc này nó mới nhận ra Mạch nước ngầm cần thiết với nó biết bao, nếu không có mạch nước ngầm thì nó cũng chỉ là đồ vô dụng mà thôi. Nhưng đã quá muộn màng!

DƯƠNG HUY

Bắt nắng

Mặt trời tươi nắng
Vàng mơ cánh đồng
Nắng bơi trên sông
Nắng trèo đỉnh núi.

Cánh chim chao lượn
Đào nắng trên lưng
Hoa súng dưới đầm
Cánh xòe hứng nắng.

Bầy gà trốn nắng
Tíu tít gốc dừa
Đàn bò nghỉ trưa
Nhấn nha nhai nắng.

Có một tia nắng
Lách cửa vào nhà
Bé trong lòng bà
Quờ tay bắt nắng.

NGUYỄN THỊ QUỲNH SEN

Gom

Gom một chút nắng
Sưởi ấm khoảng vườn
Hạt sương tỉnh giấc
Mắt tròn long lanh.

Gom một chút mưa
Làm xanh cây lá
Gom thêm chút gió
Dịu mát oi nồng.

Gom một chút hương
Dịu dàng góc phố
Từ ngôi nhà nhỏ
Gom đầy thương yêu...

LÊ THỊ XUÂN

Cháu là đôi mắt của ông

Mấy năm đánh giặc ở rừng
Mất ông bỏ lại chiến trường xa xôi
Tuổi già trong cảnh mù khơi
Nhớ từng trang sách vọng lời ru xưa.

Sáng ngời đôi mắt trẻ thơ
Cháu ngồi tập đọc i tờ ông nghe
Yêu quê ông chẳng thấy gì
Cháu làm ánh sáng ông đi quanh làng.

Trên cành chim hót ríu ran
Khen ông có đứa cháu ngoan nhất nhà.

LÊ KIỀU HƯNG

Cún con chăm học

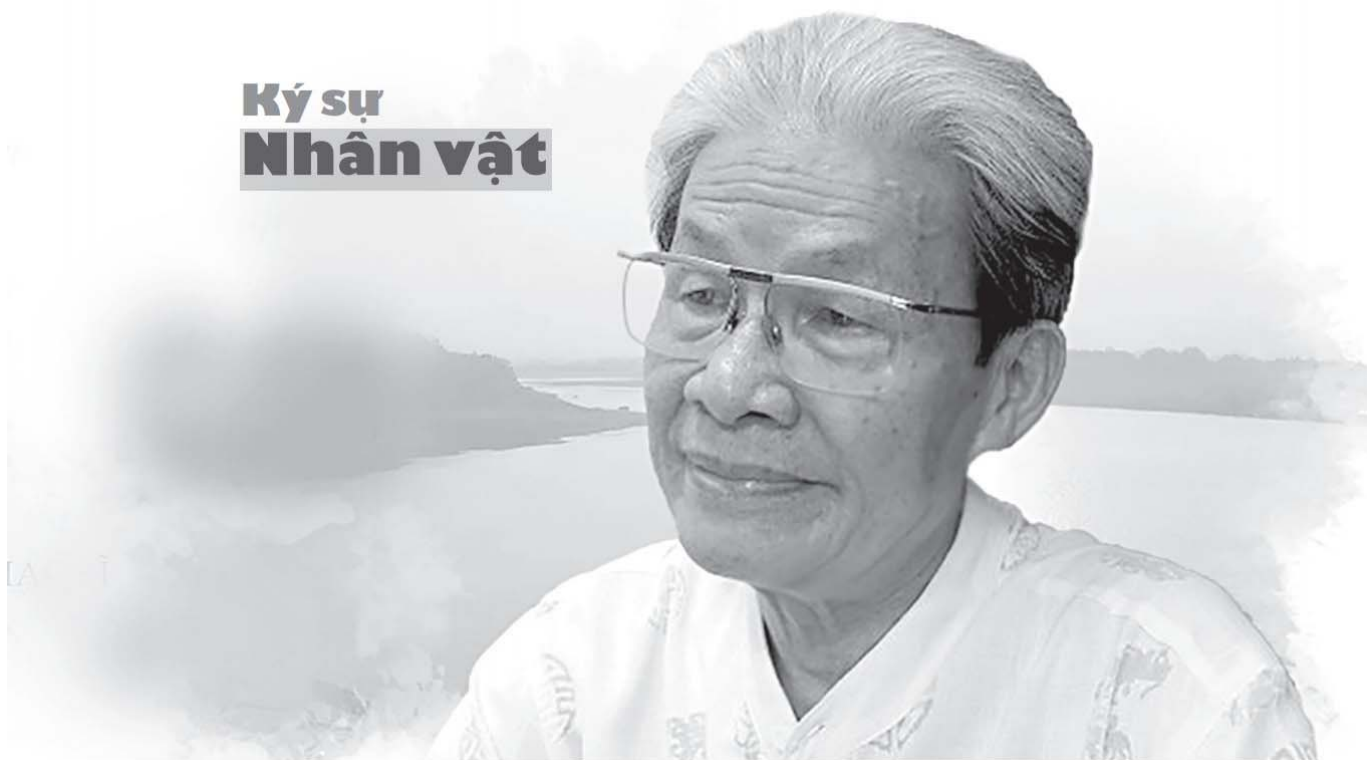
Cún con vừa tỉnh giấc
Đã thấy ông mặt trời
Đứng ngay bên cửa sổ
Nhìn cún, cười thật tươi.

Ngoài vườn đàn chim nhỏ
Đang nô đùa cùng nhau
Vừa chuyện trò rôm rả
Vừa miệt mài bắt sâu.

Đàn gà con líu ríu
Theo mẹ đi ra đồng
Bác gà trống bận bịu
Canh chừng chúng chạy rông.

Ngoài sân cậu mèo mướp
Đang háo hức tập bơi
Cả đêm rình bắt chuột
Nhưng cũng không ngủ lười...

Ai cũng đều chăm chỉ
Làm việc thật say mê
Cún con đi rửa mặt
Rồi học bài, ngoan ghê!



Nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ

Nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ, nhớ thương xa vời...

NGÔ ĐỨC HÀNH

Năm 2020, khi COVID-19 lắng xuống, đoàn các nhạc sỹ: NSND. Phạm Ngọc Khôi, nhạc sỹ Phạm Hồng Sơn (Giám đốc Thăng long Audio), nhạc sỹ Phạm Hồng Sơn (Bộ GTVT), nhạc sỹ Ngọc Thịnh; nhà văn Đỗ Ngọc Yên và tôi có chuyến “về nguồn” hành hương lên Pắc Bó.

Khi dừng chân bên suối Lê Nin, bài hát “Tiếng hát giữa rừng Pắc Bó” cất lên giữa núi rừng. “Trông vời lưng núi/ Khuổi Nặm rì rào núi cao tầng mây...”, da diết, tự hào và xúc động.

Cái tên *Khuổi Nặm* khá đặc biệt, theo tiếng Tày, Nùng có nghĩa là suối nước. Nơi đây còn in dấu chân Bác Hồ, những ngày cách mạng còn “trúng nước”. Con suối trong xanh trước mặt vốn có tên suối Khuổi Mịn lại được Người đặt tên là suối Lê-nin, núi Phja Tào từng sống được Người đặt tên là núi Các Mác. “Cụ Nguyễn Tài Tuệ thật vĩ đại. Nghe giữa khung cảnh này càng ngấm, càng ngộ, càng hay”, nhạc

sỹ Phạm Ngọc Khôi nghe xong, không giấu được cảm xúc. Trên đất thiêng cách mạng, cảm xúc thật quả khác biệt.

Nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ sinh ngày 15/5/1936 tại xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Nằm bên tả ngạn sông Lam, làng Thượng Thọ xưa (nay là xã Đại Đồng) đẹp như miền cổ tích. Thư tịch để lại, làng có lịch sử 600 năm gắn với sự khai phá và phát triển của dòng họ Nguyễn Tài - một trong những dòng họ khoa bảng trên đất Nghệ-Tĩnh.

Theo tài liệu của nhà báo Nguyễn Như Khôi (nay là Phó Chủ tịch HDND tỉnh Nghệ An) thì, ông nội Nguyễn Tài Tuệ là cụ Nguyễn Tài Thực, đỗ cử nhân tại một khoa thi ở miền Trung năm 1918. Cha ông, cụ Nguyễn Tài Độ, một nhà nho thức thời, biết trân trọng những giá trị tinh hoa của Nho giáo. Ông giỏi nho, y, lý, số, thông thạo y học cổ truyền để giúp chữa bệnh cho người nghèo trong vùng.

Biết uy tín của cụ Nguyễn Tài Độ, tên Công sứ Nghệ-Tĩnh chỉ định ông làm Bang tá tổng Đại Đồng, làm tai mắt đàn áp phong trào cộng sản. Trước tình thế ấy, một mặt vờ nghe theo lời Tây đồn Rạng để giữ thân, mặt khác ông bí mật liên lạc và giúp đỡ chi bộ địa phương hoạt động... Mẹ ông - cụ Nguyễn Thị Chục sinh ra trong một gia đình Nho giáo. Bà rất yêu ca hát, thuộc Truyện Kiều và hát ví, giặm rất hay.

Do quê hương và gia đình có truyền thống văn hóa, Nguyễn Tài Tuệ có niềm say mê từ tuổi thơ. Ông mê mẩn với những điệu *"ví giặm"* những khúc hát *"đò đưa"* của quê nhà. *"Nửa về nửa lại buồn đây, về thì nhớ mẹ mà ở đây thì nhớ nhà"*, có lúc ông đã khóc vì những câu hát đó.

Năm 1955, khi học hết cấp 3, Nguyễn Tài Tuệ ra Hà Nội. Bố mẹ muốn ông đi theo con đường văn chương để làm thầy giáo vì xứ Nghệ là đất học, ước mơ làm thầy giáo luôn lớn lắm. Nguyễn Tài Tuệ theo học guitar ở chỗ NSND. Trọng Bằng. Học được một thời gian, ông mới thấy âm nhạc là cái nghiệp của mình chứ không phải văn chương và ông đi theo tiếng gọi của nó. Bước đầu, Nguyễn Tài Tuệ về làm diễn viên của Đoàn Ca Múa Nhân dân Trung ương hát với những Quốc Hương, Mai Khanh, Chu Minh, Thương Huyền trong một dàn hợp xướng và cứ thế đi vào sáng tác dần dần.

Đầu năm 1957, ông lên công tác tại Đoàn Ca Múa Lao - Hà Yên. Tại đó ông được tiếp xúc nhiều với dân ca các dân tộc Tày, Nùng, Hmông, Dáy... và có những sáng tác đầu tay như: *"Mùa Xuân gọi bạn"*, *"Suối Mường Hum còn chảy mãi"*, hợp xướng *"Xuân về trên bản"*... Hết hai năm, đầu năm 1959, ông về Hà Nội công tác tại Ban Nghiên cứu âm nhạc dân gian - tiền thân của Viện Nghiên cứu Âm nhạc dân gian hiện nay. Tại nơi này ông đã hoàn thành ca khúc nổi tiếng *"Tiếng hát giữa rừng Pắc Bó"*, tiếp theo là ca khúc *"Xa khơi"*, *"Mơ quê"*... Và nhiều tác phẩm thanh nhạc và khí nhạc khác.

Nói về ca khúc *"Xa khơi"*, tác phẩm được giới chuyên môn đánh giá hay nhất trong gia tài âm nhạc Nguyễn Tài Tuệ, chính ông kể về hoàn cảnh ra đời cũng



Nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ trong đêm nhạc *Tình quê* do Đài PT-TH Nghệ An thực hiện.

khá đặc biệt. Những năm 1956 - 1957, Nguyễn Tài Tuệ đã đi thực tế ở khu vực cầu Hiền Lương, Cửa Tùng và đảo Cồn Cỏ... Nhà thơ Lưu Trọng Lư dẫn đầu đoàn văn nghệ sĩ, họ sống ở bên này sông Bến Hải hàng tháng trời. Lúc đó, khó khăn chồng chất khó khăn, đất nước bị chia cắt đôi miền.

Cảnh chiều chiều vợ ra bến ngóng chồng, ông ra sông ngóng cháu từ phía bên kia, những đôi trai gái chưa kịp cưới nhau đã phải chia lìa để cứ chiều chiều đứng bên này khoát nón sang bên kia gọi nhau mà không thể gần nhau được dội vào lòng người nghệ sỹ. “Con nục”, “con măng”... trong ca khúc “*Xa khơi*”, bình dị thôi, quá đối gần gũi với những ngư dân, với các bà nội trợ, nhưng có giá trị như một thông điệp. “Con nục”, “con măng” trở thành ẩn dụ cho ước mơ gần gũi của lứa đôi, xa hơn đó là khát vọng thống nhất đất nước.

“Tôi đứng trên cầu bắc qua sông Hiền Lương, nửa cầu cùng nửa dòng sông bên này là ta, nửa bên kia đang thuộc về Chính quyền miền Nam. Lúc ấy cảm thức chia cắt rất rõ. Tôi tự nghĩ, ngoài biển kia con cá nục đến con cá măng còn đi đi lại lại, bay nhảy thoải mái giữa hai miền, tại sao con người lại bị ngăn cách?...”, nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ kể lại cảm xúc bên dòng sông lúc đó. Và, ông lấy khát vọng thống nhất đất nước làm chủ đề bài hát. *“Mênh mông biển khơi câu hò thương nhớ/ Vang về miền Nam quê ta/ Biển dập dề, biển tâm tình/ Biển nói lên lời sóng cả ta chung lứa đôi”* (*Xa khơi*)

Tác phẩm “*Xa khơi*” của ông được đánh giá là một ca khúc rất chuẩn mực về âm nhạc. Không thiếu cuộc thi âm nhạc dòng thính phòng nào, không có thí sinh chọn “*Xa khơi*”. Đó là bài hát khó, nhưng tạo ra sự khác biệt, đẳng cấp của giọng hát. Nhiều tên tuổi lớn như NSND. Lê Dung nổi danh nhờ “*Xa khơi*”; ca sỹ Anh Thơ thành danh nhờ gắn bó với nhiều ca khúc sống mãi cùng năm tháng, trong

đó có “*Xa khơi*”. “*Xa khơi*” luôn có mặt trong “*Giai điệu tự hào*”, một sản phẩm âm nhạc đã trở thành thường niên.

Nhạc sĩ Nguyễn Thụy Kha đánh giá, giá trị lớn nhất trong tác phẩm của nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ là kết hợp được âm hưởng bác học vào âm hưởng dân ca với nhau rất nhuần nhuyễn, đỉnh cao là “*Xa khơi*”. Các ca khúc của nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ đều gần gũi với âm hưởng dân gian, có sức sống lâu bền và luôn mang trong mình các giá trị nghệ thuật.

PGS.TS. Trần Thị Trâm cho rằng, các sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ cùng một lúc thực hiện được cả 3 mục đích: nâng cao chất lượng, hiệu quả nghệ thuật; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy những giá trị âm nhạc truyền thống. Trong những tác phẩm của mình, chất liệu dân gian đã được nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ sử dụng một cách điệu nghệ tài hoa.

Nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ, rời bỏ “*cõi tạm*” ngày 11/2/2022 tại Hà Nội, hưởng thọ 87 tuổi. Với những ca khúc đi vào lòng người, năm 2001, nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ được trao *Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật*, Huân chương Lao động hạng Nhì, Huy chương Vì sự nghiệp Âm nhạc Việt Nam.

Giới nhạc sỹ không quên câu nói của ông: “*Cả đời tôi phấn đấu không mệt mỏi, ngay cả bây giờ khi đã ở tuổi cổ lai hy vẫn miệt mài với âm nhạc. Một nhạc sỹ phải duy trì được lòng yêu nghề bởi làm âm nhạc nghèo lắm. Tôi có thể đi viết thuê để kiếm tiền nhưng sẽ mất dần ý chí và ước vọng cho sự nghiệp. Tác phẩm nào tôi có thể viết được và tôi có thể viết hay, thì tôi sẽ làm, còn cái nào chỉ viết để lấy tiền thì dứt khoát tôi sẽ không bao giờ làm!*”. Đó là phẩm cách nghệ sỹ, xác tín tình yêu mà ông dâng hiến cho âm nhạc.

Nhà thơ Trần Hùng, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng chia sẻ, anh gặp nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ từ năm 2001. Hai người không thường xuyên gặp nhau nhưng thì thoảng vẫn gọi điện thoại nói chuyện. Lần nào lên Cao Bằng nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ cũng ghé qua nhà thăm Trần Hùng và cho quà. Lúc thì mấy hộp sâm, bánh cốm, lúc thì mấy đĩa nhạc..., nghĩa cử chân thành mà ấm áp.

“*Ông giản dị, khiêm nhu, rất thân tình nhưng hơi chút khái tính. Muốn được ông nhận lại chút quà cũng khó. Quà của lãnh đạo ông càng không muốn nhận. Ông chỉ thật sự là chính mình khi trở về với âm nhạc. Ông đã về miền mây trắng nhưng người dân Cao Bằng sẽ luôn mãi nhớ đến tên tuổi của ông - người đã sáng tạo nên ca khúc bất hủ: Tiếng hát giữa rừng Pác Pó*”, nhà thơ Trần Hùng trải lòng.

Nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ là một người tài hoa của quê hương xứ Nghệ, của nền âm nhạc đương đại Việt Nam. Cả cuộc đời ông là hành trình tận hiến cho âm nhạc, một tâm hồn lưu lạc luôn khắc khoải niềm thương, nỗi nhớ quê nhà. Còn nhớ năm 2018, trên thành phố Vinh có hai sự kiện âm nhạc diễn ra gần nhau. Sau đêm nhạc “*Khúc hát sông quê*” của nhạc sỹ Nguyễn Trọng Tạo là đêm nhạc “*Nguyễn Tài Tuệ - Tình quê*” - do Đài Phát thanh và truyền hình Nghệ An (NTV) đã thực hiện. Cả hai đêm nhạc đều để lại nhiều ấn tượng trong lòng khán giả,

những người thân, những người yêu mến hai nhạc sỹ tài danh xứ Nghệ. Nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ đã gửi lời tri ân sâu sắc tới ekip thực hiện chương trình, các nhà tài trợ, ca sỹ, diễn viên múa đã làm nên thành công của đêm nhạc.

“Cái bất ngờ của tôi là đã lọt vào cặp mắt xanh của anh, anh đã đưa tôi về sau 63 năm lưu lạc quê người, sống gian nan vất vả giữa cuộc đời đầy bất trắc và biến động của thời cuộc. Giờ đây giữa quê hương tôi đã được đón tiếp nồng nhiệt, ưu ái và nhất là được báo cáo về thân thể và sự nghiệp âm nhạc của tôi với tất cả những ai mà tôi nhớ nhung thương mến nhất”, sau khi đã trở về Hà Nội, nhạc sỹ viết thư cảm ơn, vẫn xúc động.

Chủ tịch Công ty Nhật Minh, chị Phan Ngọc Minh, một người gốc Nghệ, không quên tình cảm nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ dành cho mình. Năm 2014, Phan Ngọc Minh làm chương trình *“Ân tình ví giặm”* trên sân khấu Thủ đô, được nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ chỉ bảo, tư vấn ân cần. Thấy chương trình *“Ân tình ví giặm”*, thành công ngoài mong đợi, ông thực sự hạnh phúc, dù thời gian đó, ông không còn được khỏe.

Gần đây, ngày 27/2/2022, nhân dịp Xuân Nhâm Dần, Hội Đồng hương Nghệ An tại Hà Nội tổ chức gặp gỡ bà con sinh sống, học tập tại Hà Nội, ông Lê Doãn Hợp, nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết ý định, Hội sẽ tổ chức đêm nhạc nhằm tôn vinh, tri ân các nhạc sỹ Nghệ An có nhiều cống hiến cho đất nước, quê hương nhưng đã đi xa như: nhạc sỹ Nguyễn Văn Tý, nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ, nhạc sỹ Nguyễn Trọng Tạo, nhạc sỹ An Thuyên. *“Chúng tôi sẽ thực hiện trong một gian thích hợp, đáp ứng nguyện vọng của bà con quê nhà”*, ông chia sẻ.

Trong ca khúc *“Xa khơi”* có ca từ cuối cùng: *“Biển ơi/ Nhớ thương cách vời, ơi biển chiều nay/ Nhớ thương cách vời, ơi biển chiều nay”*. Nguyễn Tài Tuệ đã đi xa, dấu *“nhớ thương cách vời”* nhưng ông luôn hiện hữu. *“Tên tuổi nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ sẽ sống mãi cùng âm nhạc Việt Nam”*, Phó Chủ tịch Hội Âm nhạc Việt Nam, NSND. Phạm Ngọc Khôi nhận định.

HỮU BẢNG SƠN

Chú thỏ thông minh

Nhiều lần bị thỏ lừa
Hổ vẫn căm tức lắm
Giờ mà túm được hấn
Chén quách cho đã đời.

Một bữa Thỏ đi chơi
Bất thành linh gặp Hổ
Hổ gầm lên giận dữ
- Ta sẽ xé xác ngươi.

Hình hình hích thỏ cười
- Hổ Vằn đừng lếu láo
Trời vừa ra thông báo
Cho muôn vật muôn loài
Kể từ giờ phút này
Thỏ lên làm chúa tể.

- Hừm, oắt con thỏ để
Tài trí thua cả rùa
Trời thông báo bao giờ
Sao ta không hay biết?

- Thôi đi, đừng bép xép
Định chống lệnh trời à?
Lần này thì ta tha
Lần sau thì liệu đấy!

- Nếu lệnh trời đã vậy
Ta đâu dám trái lời
- Chúa hổ đã hết thời
Thời nay là chúa thỏ

- Đồ dốt văn, dốt võ
Tai dài hơn cả đuôi
Ngủ không biết nhắm mắt
Chỉ mồm năm miệng mười.

- Tin hay không, tùy ngươi
Nhưng không được hỗn xược
Nhớ ra trời biết được
Thì khôn to, nguy to!
...
Thỏ vờ húng hắng ho
Nghĩ ra ngay một chước
- Bây giờ ta sẽ phốc
Cưỡi lên lưng chú mày
Thẳng về phía rừng cây
Mọi việc sẽ sáng tỏ.

Hổ quát: Đồ phải gió
Phốc lên lưng ta mau!
...
Khỉ ngồi trên cành cao
Bất chợt nhìn thấy hổ
Vội chấp tay: - Lạy Chúa
Ngài có khỏe không à?

Thỏ gật đầu: - khỏe khỏe
Các con yêu của ta.
...
Những nơi hổ đi qua
Hươu, nai... vùng bỏ chạy
Gà rừng không dám gáy
Cáo, chồn đều im hơi.

...
Trán hổ toát mồ hôi
Trống ngực đập liên hồi
Miệng lắp ba lắp bắp
Mãi mới thốt nên lời.

- Bác thỏ kính yêu ơi
Tại cái dạ lòng tôi
Tối tăm và cạn hẹp
Nên mới ra nổi này
Dạ, bẩm thưa từ nay
Xin được hầu hạ bác.

(Hổ rưng rưng nước mắt
Làm thỏ suýt phì cười)
- Thôi được, tha cho ngươi
Lần sau, liệu hồn đấy!

Sự chân thật của thơ

HUỆ HƯƠNG HOÀNG

1. Vì sao phải đặt ra vấn đề về sự chân thật của thơ?

Bài viết này tôi viết từ góc độ của một độc giả, từng đọc rất nhiều. Từ nhỏ tôi đã đọc những cuốn tiểu thuyết để đời, những kiệt tác thơ của các tác gia. Tất nhiên, khi đọc các tác phẩm lớn của các tác gia thì tôi không phải bận tâm gì đến sự chân thật trong tác phẩm. Vấn đề này chỉ được quan tâm sau này, khi tôi đọc thơ, văn của bạn bè văn chương và của các tác giả thời hiện đại. Vì vốn dĩ, vấn đề phải tồn tại thì ta mới có thể quan tâm.

Vấn đề này đúng ra phải nói cho cả văn xuôi. Nhưng do khuôn khổ một bài báo, tôi chỉ đặt ra cho thơ. Và là thơ của các nhà thơ “chuyên nghiệp”, ý là các nhà thơ có tên ở Hội văn học nghệ thuật các tỉnh hay Trung ương.

Mạng xã hội phát triển. Nhiều khi gặp gỡ, đọc, bình luận trên mạng thay cho sinh hoạt hội họp với bạn văn chương. Tôi nhận thấy, mạng xã hội đã biến mọi người dùng thành những người không chỉ biết làm thơ, nhiều người trong đó còn làm thơ rất đáng nể. Khiến cho, thơ của các nhà thơ “chuyên nghiệp” lơ mơ là lẫn vào trong đó không có chút “mã vạch” nào để phân biệt. Tất nhiên, sự đáng nể này không nằm ở số like, hay số bình luận khen ngợi. Thơ đăng trên mạng xã hội, giống như hàng bày chợ, rất khó để tìm được “người mua” tinh tường, biết giá trị hàng hiệu. Nhưng nếu ta là nhà thơ chuyên nghiệp, mà thơ của ta lại là hàng chợ, thì có thể số like số coment vẫn nhiều trăm, nhưng sự thừa nhận của các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình đích thực không có. Nói chuyện hàng hiệu, cũng có nhiều hạng. Có hàng hiệu dành cho những đại gia tỷ phú, cũng có hàng có hiệu chỉ dành cho bình dân thành thị có chút phong lưu. Thơ cũng vậy. Tuy nhiên việc phân loại nó còn tùy thuộc vào cảm thức của từng người.

Có những tác giả viết nhanh, viết nhiều, ngôn từ bóng bẩy, sắc sảo. Đọc thơ họ thì ta thấy cũng “vào”, cũng “thích”. Nhưng đọc xong rồi thì quên luôn. Nhà thơ Lê Quốc Hán nói: Thơ đó được viết bằng mắt, bằng tai; không được viết bằng tâm hồn.

Có lần, một người bạn, vốn giáo viên văn chương, hỏi tôi là có nên dấn thân cho thơ? Tôi nói: Bạn thì có năng khiếu (thơ) rồi. Nhưng bạn có hy sinh được cuộc sống êm đềm để lấy một cuộc sống khổ đau không? Bạn có sẵn sàng bạc tóc để có được một câu thơ mà ai cũng nhắc, cũng đọc khi gặp nhau? Bạn ấy bảo: Thôi! Tôi nói: Vậy cứ làm thơ câu like thôi. Cho những năm tháng hưu trí đỡ buồn.

Thơ là tiếng nói của tình yêu, của nỗi đau. Nên khi nào ta thực sự yêu, khi nào ta thực sự đau, thì khi đó thơ ta sẽ thật là thơ, thơ ta mới là tiếng nói chân thật của tâm hồn, và thơ ta mới thực sự lan truyền những cơn sóng, gây bão, găm lại trong lòng độc giả.

2. Thế nào là sự chân thật của/trong thơ?

Có mấy thuộc tính cơ bản của sự chân thật:

1. Việc viết nên những câu thơ phải xuất phát từ nhu cầu tự thân. Nỗi niềm, vấn đề phải trở thành một nguồn năng lượng chỉ chực tuôn ra đầu ngòi bút.
2. Sự phản ánh bằng ngôn từ phải chuẩn xác là những gì ta muốn nói, muốn giải bày, muốn giải tỏa.
3. Có một thế giới quan và kiến thức sâu rộng để có thể tiếp cận được gần nhất với bản chất sự vật.

Bài thơ sẽ không có sự chân thật khi nó không thỏa mãn một trong ba điều trên. Tức là khi ta chưa thật sự có nhu cầu viết; chưa thật hiểu về điều ta muốn viết; viết không bởi nhu cầu tự thân (chẳng hạn bởi sự mong muốn danh tiếng là nhà thơ, bởi phân công của tổ chức, cá nhân). Vậy nên mới có tình trạng có những bài thơ, câu thơ, đọc lên rồi đổ ai biết được tác giả muốn viết về điều gì. Đám trẻ hay nói: Biết được chết liền! Có sự khác nhau giữa những câu thơ mới mẻ về ý tưởng, sâu sắc về thế giới quan tạo ra sự khó hiểu cho người đọc với những câu thơ vô nghĩa không có gì để mà hiểu. Xin không lấy ví dụ.

Có những bài thơ được viết bởi một ngòi bút có kỹ năng, có cảm xúc, nhưng tác giả lại như một người đánh cá không dám ra khơi, chỉ luẩn quẩn ven bờ. Nên những câu thơ cũng chỉ là những cơn sóng để thương mà nông nổi, không đủ sức lan truyền thành sóng trong lòng người đọc, làm cho người ta phải rung động cả khi đã gấp trang thơ lại. Lại có cả những bài thơ tuy tác giả có cảm xúc thật đấy, nhưng không có kỹ năng ngôn từ, cũng không đủ nội lực để ra khơi, nên bài thơ trở thành mờ nhạt.

Viết đến đây, nhớ đến bài thơ *Nhân dân* của Nguyễn Trọng Tạo, tôi tự hỏi: có hay không, những người mà sự đau đời đã trở thành một khối than rực cháy trong tim, nhưng không dám viết? Vì thế, những tác phẩm để đời lẽ ra được sinh ra đã không được khai sinh? Chắc không! Tài năng của người cầm bút không đi liền với sự tính toán, sự nhút nhát.

3. Sự chân thật sẽ đem lại điều gì cho tác phẩm thơ?

3.1. Khi ta chân thật, ngôn ngữ của ta sẽ tự khắc trở thành một nguồn năng lượng, chạm được đến tầng sâu nhất có thể của nhận thức và tình cảm của người đọc

Điều này thực sự hiện hữu. Ví dụ bài thơ *Sông Lam* của nhà thơ Trần Mạnh Hảo mà nhiều người đánh giá là bài thơ hay nhất về xứ Nghệ, đọc lên câu nào ta cũng cảm thấy như tác giả đã cháy hết mình khi làm người khách nông nằn trên đất Nghệ. Như ta thấy ở mấy câu kết của bài thơ:

*“...Sông Lam ăn cát mà xanh, uống trời mà mát
Trắng cháy hết lòng sâu quyết liệt cả cơ hàn
Người giàu có nên đất nghèo khô khát
Kìa gió Lào thổi cong sông Lam...”*

Còn đây là bài thơ của Nguyễn Trọng Tạo: *Đồng dao cho người lớn*:

*“có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi
có con người sống mà như qua đời

có câu trả lời biến thành câu hỏi
có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới

có cha có mẹ có trẻ mồ côi
có ông trăng tròn nào phải mâm xôi

có cả đất trời mà không nhà ở
có vui nho nhỏ có buồn mệnh mỏng

mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ
mà đời vẫn say mà hồn vẫn gió

có thương có nhớ có khóc có cười
có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi”.*

Bài thơ này được rất nhiều người yêu thích, một thời thường được những người yêu thơ đọc trong những cuộc vui. Mỗi người hiểu bài thơ ở một góc độ khác nhau. Có thể hiểu đúng với hàm ý của tác giả, cũng có thể ý tại ngôn ngoại. Tuy nhiên, vẻ đẹp của bài thơ là điều mà người đọc ai cũng thấy.

Vẻ đẹp đó được tạo nên bởi sự say đắm và nỗi day dứt trước nghịch lý của cuộc đời. Vì say đắm lắm nên nhìn thấy cuộc đời rất đẹp: có cánh rừng chết rồi mà vẫn còn xanh trong ký ức, có đất trời mệnh mỏng, có con thuyền trôi lơ lửng trên sông, và có bãi cỏ non xanh tận chân trời... và có người con gái để thương để nhớ cho ta. Cũng vì say đắm quá nên nhà thơ đã nhìn cuộc đời quá kỹ - kiểu như ngắm người yêu, để rồi nhìn thấy những nghịch lý, những điều làm thất vọng: *có câu trả lời hóa thành câu hỏi/ có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới/ có cha có mẹ có trẻ mồ côi/ có ông trăng tròn nào phải mâm xôi/*

mà vui thì nho nhỏ, buồn thì mênh mông... và “có thương có nhớ có khóc có cười/ có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi”. Ồ! Câu thơ sâu thăm thẳm, như thể nó chứa đựng cả một chiều dài ngàn năm trong nó. Vì sao thế? Vì người con gái ta gặp đã để thương để nhớ cho ta, rồi vì thế mà cũng làm ta khi cười, khi khóc. Và cái chớp mắt của nàng lần đầu gặp mặt, đã hút hồn ta, làm ta ngỡ như ta đã gặp nàng cả một ngàn năm rồi. Câu thơ này cũng ẩn chứa một triết lý vô cùng sâu sắc của triết học Phật giáo: Thời gian chỉ tồn tại trong tâm thức con người - một loài hữu tình biết tư duy, và vì thế, nó có tính tương đối. Có khi, một cái chớp mắt là cả ngàn năm. Và có khi ngàn năm cũng chỉ là cái chớp mắt. Vẻ đẹp của bài thơ cũng chính là sự chân thật của bài thơ vậy.

3.2. Một tác phẩm đạt được đến gần nhất với bản chất của sự vật mà chúng ta hay nói theo cách quen thuộc là tác phẩm có chiều sâu

Khi đó nhận thức của người đọc đối với tác phẩm sẽ có nhiều tầng nấc, phụ thuộc vào trí tuệ, căn cơ và cả cái duyên của người đọc với tác giả, tác phẩm.

Như ta thấy ở bài thơ Ông già nghễnh ngãng của Thạch Quỳ:

*“Chạy đến ga cuối cùng, con tàu dừng lại
Ông già không xuống tàu
Quay về ga đầu tiên, con tàu dừng lại
Ông già không xuống tàu
Người lái tàu hỏi: Ông già về đâu?
Ông già hỏi: Con tàu về đâu?
Ga cuối, ga đầu
Ga đầu, ga cuối
Ông già nói lảm nhảm
Người bán vé tàu cứ bán...
Chạy đến ga cuối cùng, con tàu quay lại
Chạy về ga đầu tiên, quay lại con tàu
Người lái tàu không hỏi thêm gì nữa
Rằng ông già nghễnh ngãng
Đi đâu?
Và
Về đâu?”*

Khi gặp bài thơ lần đầu tiên, tôi nhìn thấy, rất rõ ràng, một linh hồn già nua luân hồi từ kiếp này qua kiếp khác, kiếp sau lặp lại kiếp trước: không mục tiêu, không phương hướng, nghễnh ngãng, ngu ngơ... Ở đây người lái tàu chính là cỗ máy vận hành cuộc sống, cũng có lúc nào đó nó có lý do khi tái tạo một kiếp sống: *Người lái tàu hỏi: Ông già về đâu?* Nhưng phần lớn, cỗ máy này cũng chẳng cần có chủ đích gì: *Người bán vé tàu cứ bán/.../Người lái tàu không hỏi thêm gì nữa.* Nó cứ vận hành con tàu, trở đi, trở lại, và những chúng sinh cứ bị xô đẩy, kết thúc cuộc sống này để lại bắt đầu kiếp sống khác.

Có phải vậy không? Rằng: chúng ta đã đi qua cuộc đời này, tưởng là thông tuệ nhưng thật ra rất ngẩn ngơ? Tưởng có mục tiêu chí hướng, nhưng thật ra chỉ hoàn toàn thụ động, bị số phận dẫn dắt?

Bài thơ cho thấy, ngoài “sự miễn cảm thiên phú về thơ” (đánh giá của nhà phê bình Thái Doãn Hiếu trong *Thi nhân Việt Nam hiện đại*), thì có một trình độ tâm linh đáng nể của nhà thơ. Nhận thức cuộc sống qua con mắt tâm linh luôn gắn nhất với bản chất sự vật. Vì thế, thơ Thạch Quỳ luôn đầy sự thông tuệ và cuốn hút người đọc.

Có một dạo, tôi thấy một số nhà thơ của chúng ta ngẫu nhiên cùng yêu thích bài thơ và bình nó trên mạng Facebook. Tuy nhiên, tôi cũng thấy mỗi người nhìn bài thơ mỗi khác. Không sao! Cái chính là bài thơ đã đạt đến độ chân thực sâu sắc, để cho dù không hiểu đúng về nó, người ta cũng yêu thích nó.

Còn đây là bài thơ trong tập thơ *May* của nhà thơ, PGS.TS Lê Quốc Hán “*Tiếng hát*”:

*“Có thể đến từ núi cao rừng thẳm
đang lạc bầy khản giọng hát tìm nhau
có thể đến từ đồng hoang bãi vắng
véo von ca trước sự sống nhiệm màu*

*đầu đôi lần dính mũi tên hòn đạn
vẫn trong veo tiếng hát thuở ban đầu
trong hữu hạn gắng tìm ra vô hạn
để tình người chạm đến đáy thẳm sâu*

*rồi một mai héo trên cành cổ thụ
gửi lời ca trong tiếng lá xạc xào
xác tan biến dạt ra ngoài vũ trụ
hồn vẫn còn thánh thót hát trên cao.”*

Những bài thơ đặc sắc nhất của Lê Quốc Hán là những bài thơ được viết nên từ những cảm xúc của một người thơ trí thức và mang một thể giới quan, nhân sinh quan của triết học tôn giáo. Bài thơ *Tiếng hát* có giản dị hơn. Tuy vậy, nó cũng là một tuyên ngôn về tình yêu đối với cuộc đời, đối với sự sống nhiệm màu mà Đấng Sáng Thế đã sáng tạo ra.

Nói về những loài chim, mượn tiếng hát của chúng, tác giả muốn nói đến chính mình, nói đến những bài thơ, câu thơ của mình: *có thể đến từ núi cao rừng thẳm/đang lạc bầy khản giọng hát tìm nhau/ có thể đến từ đồng hoang bãi vắng/ véo von ca trước sự sống nhiệm màu*.

Dẫu cuộc đời có chông gai, có khi đau thương, vẫn nguyện hát tiếng hát trong veo - tiếng hát của thiện lương. Dẫu cuộc đời có bị giới hạn bởi những cơn áo, bởi những “vụn vặt đời thường”, vẫn nỗ lực để vươn tới một tình yêu rộng lớn, nỗ lực để có

thể thấu hiểu, đồng cảm, sẻ chia: “dấu đôi lần dính mũi tên hòn đạn/vẫn trong veo tiếng hót thuở ban đầu/ trong hữu hạn gắng tìm ra vô hạn/ để tình người chạm đến đáy thăm sâu”.

Bốn câu thơ này, những ai từng trải qua chiến tranh, trải qua thập niên 80 đói khổ của thế kỷ trước, đọc sẽ thấy thật cảm động với cái tâm hồn lành thiện mà sâu sắc của nhà thơ. Ở đây, thế giới quan của một nhà toán học trộn với thế giới quan của một tín đồ Cơ Đốc giáo, đã tạo ra câu thơ ẩn tượng: “trong hữu hạn gắng tìm ra vô hạn/ để tình người chạm đến đáy thăm sâu”

Và dù là với những ngôn từ giản dị thì tuyên ngôn vẫn mang một tư tưởng rộng lớn:

“rồi một mai héo trên cành cổ thụ
gửi lời ca trong tiếng lá xạc xào
xác tan biến dạt ra ngoài vũ trụ
hồn vẫn còn thánh thót hót trên cao”

Là một nhà toán học, một tín đồ Cơ Đốc giáo, và với tâm hồn một thi sĩ, thơ của Lê Quốc Hán luôn đạt đến độ chân thực để: thơ yêu làm cho người ta muốn yêu, thơ quê làm cho người ta nhớ quê, và thơ về nhân tình thế thái làm cho người ta muốn trở thành triết gia.

4. Khi nào thì có được sự chân thật của thơ?

4.1. Khi tình yêu hay nỗi đau đủ độ. Tạo nên một khối năng lượng nóng chảy chỉ chực tuôn trào như nham thạch

Bài thơ *Bài ca về một con thuyền* của Nguyễn Thị Phước là điển hình về một tình yêu và nỗi đau như thế:

“Đã tự hứa, đã học quên, tập an nhiên, cố neo thuyền vào bến
Vẫn không thể thoát là mình
Lại muốn căng lá buồm cũ nát
Lại muốn đón sóng triều mặn chát
Làm vỡ mình bởi đá ngầm
Tự băng bó
Tự ru mình
Hoan lạc trong nỗi đau
Góp vào gió một tiếng hú gọi
Thao thiết
Man dại
Đắm say!

Biết rằng sẽ trở về với những mảnh vỡ
Vẫn khát ra khơi!”

Lấy con thuyền rạn vỡ, với một cánh buồm cũ nát, để nói con tim của người nữ nghệ sĩ này trong tình yêu, tôi cho là không có gì chuẩn xác hơn: Con tim đau thương, dưng cảm, khát vọng dang hiển.

Ai trong chúng ta không nhiều lần thất bại trong tình yêu. Nguyễn Thị Phước cũng vậy. Nỗi đau tình yêu cứ dày vò triền miên, để bà chủ của nó phải tự chữa trị cơn bệnh mãn tính bằng cách: Tự hứa, học quên, tập an nhiên, cố neo thuyền vào bến... Mặc dù vậy, cái tâm thức đã nhiều đời nhiều kiếp sống trong tình yêu, đã không thể thoát được tình yêu: *Vẫn không thể thoát là mình*. Cái tâm thức ấy luôn có xu hướng đi tìm miền hứa yêu thương, dẫu cho nó xa vời vợi, dẫu biết đường đi đầy gian lao, giông bão, khổ đau: *Lại muốn căng lá buồm cũ nát/Lại muốn đón sóng triều mặn chat/Làm vỡ mình bởi đá ngầm*. Đánh đổi cả trái tim mình để đến với chỉ là một niềm hy vọng: *Tự băng bó/ Tự ru mình/ Hoan lạc trong nỗi đau/ Góp vào gió một tiếng hú gọi...* Tâm hồn của người nghệ sĩ đích thực có khả năng (mà cũng là cái “bệnh”) đẩy cảm xúc của mình lên đến đỉnh điểm: *Hoan lạc trong nỗi đau/ Góp vào gió một tiếng hú gọi/ Thao thiết/ Man dại/ Đắm say*.

Và đây là lý tưởng sống của người nghệ sĩ đích thực:

*Biết rằng sẽ trở về với những mảnh vỡ
Vẫn khát ra khơi!*

Người nghệ sĩ yêu để thỏa mãn nhu cầu tự thân là được dang hiển. Hạnh phúc là còn có khả năng thấp lửa trái tim mình. Sự phản ánh bằng ngôn từ phải chuẩn xác là những gì ta muốn nói, muốn dãi bày, muốn giải tỏa.

Hình như quan điểm này của tôi trái ngược với một số nhà thơ, ngay cả Nguyễn Thị Phước. Chị thường nói với tôi: Thơ là phải viết cho khó hiểu một tí. Viết cái mà không ai viết được.

Thế nhưng ở bài thơ *Bài ca của một con thuyền*, chị đã mô tả chính xác trạng thái tinh thần của chị, chính xác như một bà giáo trình bày lời giải bài toán (Nguyễn Thị Phước vốn là giáo viên dạy toán). Chỉ có điều, mô tả chính xác đến như thế, để người đọc có thể hình dung rõ nét cái khao khát tình yêu của một phụ nữ - nhà thơ, tài năng và đầy cá tính, dữ dội mà sâu thăm thẳm đến như thế thì tôi cho là hiếm thấy.

Đôi khi, những bài thơ, câu thơ rất giản dị, nhẹ nhàng lại nhen lửa được cho cảm xúc người đọc. Như những câu thơ trong bài *Quán đêm* của Cao Xuân Thượng:

*“Thật may trong quán còn đèn
Trong chai còn rượu còn em bán hàng
Thế là anh hết lang thang
Cô đơn neo lại bến nàng cô đơn...”*

Hay câu thơ đã trở thành ca dao của Trần Ngọc Thụy:

*“Dưới đồng ông lão đi bừa
Là con ông lão ngày xưa đi cày”.*

Với những câu thơ như thế này, người ta chỉ có thể dùng hai từ “thăng hoa” để giải thích cho trạng thái tinh thần của tác giả đã tạo nên những câu thơ mà tinh thần đã vượt ra khỏi ngôn ngữ, rồi bằng một cách huyền bí nào đó, nó vẫn qua câu chữ để làm dậy sóng trong lòng người đọc.

4.2. Cần có một thế giới quan sâu rộng để cái nhìn của tác giả tiệm cận gần nhất đến bản chất của sự vật

Quay trở lại với bài thơ của Thạch Quỳ: *Ông già nghểnh ngãng*. Bài thơ không có lấy một từ bóng bẩy. Cũng chẳng phô bày một thủ pháp nghệ thuật gì cao siêu, cả bài thơ chỉ là một phép hoán dụ. Bằng cách kể một câu chuyện tưởng chừng vu vơ, mà nói lên một quan điểm triết học tâm linh về sự tồn tại của kiếp người. Và ai đọc nó, dù không hiểu cũng cảm thấy bị thu hút bởi cái giọng kể đều đều như tiếng con tàu chạy, vô thường vô phạt mà đầy thông thái.

Còn trong bài thơ của nhà thơ Lê Quốc Hán mà từ thời còn trẻ, tôi đã nghe các anh sinh viên đọc “như vẹt”: *Hạt bụi*. Với bài thơ này, khỏi cần bàn đến tư tưởng nào đã làm nó cuốn hút người đọc: quá rõ ràng. Nhưng “đỉnh” nhất của bài thơ là câu: *Đôi linh hồn sinh từ nơi hơi thở/ Nên đêm ngày muốn trao lữa cho nhau/ Rồi cả gan bắt chước phép nhiệm màu/ Để tái tạo bản sao mình gửi lại*.

Kết thúc, tôi muốn nhắc đến bài thơ *Cáo tật thị chúng* của thiền sư Mãn Giác:

*“Xuân ruổi, trăm hoa rụng,
Xuân tới, trăm hoa cười.
Trước mắt, việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi...

Đừng tưởng Xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước, một nhành mai.”*

(Bản dịch Ngô Tất Tố)

Bài thơ nổi tiếng này đã tồn tại trong nhân gian trọn ngàn năm. Và được bao nhiêu học giả, thiền sư các thời đại yêu thích, bình giải. Cho đến nay, nó vẫn được người yêu thơ, thích thiền tìm kiếm. Vì sao vậy? Vì ngoài sự thi vị, tươi mát, bài thơ đã đem đến cho người đọc cái nhìn nhận minh triết, khoáng đạt về quy luật sinh - diệt của vạn vật, của vũ trụ, quy luật tuần hoàn của sự sống. Hai câu cuối của bài thơ là điển hình của một bài thơ thiền: với người phàm phu, cảnh mai sân trước là một cảnh mai trơ trụi buổi tàn Xuân. Nhưng với riêng tác giả, vị thiền sư đặc đạo, ngài còn nhìn thấy ở đây, trong cảnh mai trơ trụi ấy, trong chiều sâu của sự thay đổi biến diệt ấy, dòng chảy của sự sống vẫn liên tục không ngừng, và ở nó, đã lấp ló những bông mai rục rịch của mùa sau.

Thiếu tự nhiên

HỒ ANH THÁI

Sau chữ yên tâm, đúng ra phải có dấu chấm than, hàm ý hãy yên tâm. Một câu an ủi, một mệnh lệnh thức. Đúng ra là vậy, nhưng tôi thì không dùng, ít ra là trong hệ thống ngôn ngữ của tôi.

Bản thân chữ yên tâm đứng một mình thành một câu, ngắn gọn, khô, đủ toát ra ý nhắc nhở, an ủi, kêu gọi. Đủ rồi. Không cần thêm dấu chấm than làm gì.

Tôi vẫn ngại cái dấu này. Mạch văn đang tự nhiên, không khí văn đang tự nhiên, văn cảnh đang tự nhiên. Bất đồ đánh vào đấy một cái dấu chấm than như một mệnh lệnh đánh thép, như một cảm thán trời hỡi trời ơi, như một cảm xúc lâm li, như tiếng gào tiếng hét. Hết. Hết luôn một không khí tự nhiên dung dị.

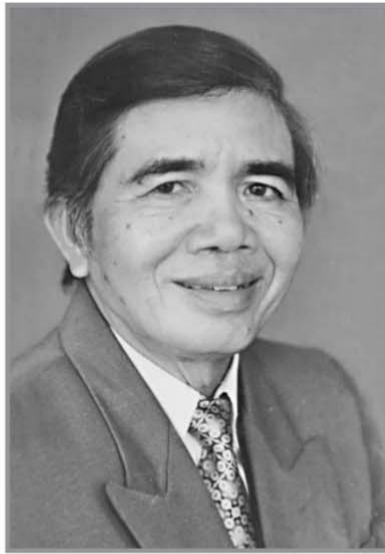
Trời ơi! Em không ngờ lại gặp anh ở đây! Em nghe tin anh đã chết! Em mừng quá! Em sung sướng quá! Anh! Anh của em! Em đây! Em của anh đây!

Ghê chưa (sau chữ ghê chưa này đúng ra phải có dấu chấm than). Cả một rừng dấu như mũi mác chìa lên trời. Như hàng rào cọc nhọn chìa lên trời. Tua tủa. Nó làm rối mắt rối trí. Nó làm cho người nhạy cảm bỗng thấy ngượng thay cho người viết.

Cứ thử bỏ toàn bộ dấu chấm than ấy đi mà xem. Hiệu quả ngôn từ sẽ không hao hụt. Bỏ dấu đi, nhiều khi cũng là chú ý của người viết, giảm đi tính căng thẳng, tính cường điệu, tính khoa trương, tính ồn ào. Bỏ dấu đi, nhiều khi cũng là giảm sự phô lộ, đưa người đọc chìm xuống một chiều sâu chữ nghĩa, ở nơi đang ẩn giấu những mạch ngầm.

Không khác lắm, nhiều người nghiện dấu ngoặc đơn ngoặc kép, nghiện những dấu gạch ngang. Nghiện đến mức lạm dụng, làm rối mắt và rối trí, mà hiệu quả câu văn cũng chẳng hơn, nếu như không nói là suy giảm.

Ta đang nói chuyện ngôn ngữ mang tính nghệ thuật. Ta hoàn toàn không tuyên truyền cho sự triệt tiêu dấu chấm than, cũng không triệt tiêu một số dấu khác trong trường học, nơi học sinh đang tập làm văn.



Nhà thơ Vũ Ngọc Toàn

Nhớ một người thơ của thiên nhiên

TRẦN HỮU VINH

Nhà thơ Ngọc Toàn, tên khai sinh là Vũ Ngọc Toàn, sinh ngày 22/02/1936 tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Vũ Ngọc Toàn tốt nghiệp Trường Sư phạm khu IV rồi làm giáo viên tiểu học, bằng nỗ lực vươn lên, ông học Đại học Sư phạm Vinh và về dạy cấp 2, sau đó được điều về làm chuyên viên Ty Giáo dục Nghệ An. Trước khi nghỉ hưu, năm 1996, Vũ Ngọc Toàn là giáo viên Trường Bồi dưỡng giáo viên huyện Quỳnh Lưu.

Là một nhà giáo có niềm đam mê thơ và văn học nghệ thuật, nhà thơ Ngọc Toàn tham gia hoạt động văn nghệ từ những năm 1959 - 1960. Ông chủ yếu sáng tác và thành công với thể loại lục bát. Thơ Ngọc Toàn mang đậm chất liệu ca dao, dân ca xứ Nghệ. Vì vậy ông được kết nạp làm hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. Ngọc Toàn thuộc thế hệ những hội viên sáng lập Hội Văn học, Nghệ thuật Nghệ An, ông từng cùng các bạn văn vượt bom đạn về tham gia Đại hội lần thứ nhất Hội Văn nghệ Nghệ An năm 1967 tại Yên Thành.

Nhà thơ Dương Huy chia sẻ: “Anh Toàn là người đam mê thơ, tôi cùng anh ấy sinh hoạt văn nghệ từ những năm 60. Ngọc Toàn từng được giải thưởng của Ty Văn hóa - Thông tin về thơ cổ vũ cho các phong trào lao động, sản xuất và chiến đấu của quân,

dân địa phương như phong trào “Tiếng trống Xô Viết”, phong trào chống hạn, phong trào xây dựng hợp tác xã... Ngoài ra, anh Ngọc Toàn có những vần thơ rực lửa ca ngợi và cổ vũ cuộc kháng chiến của quân, dân ta những năm chống Mỹ. Hồi tôi công tác ở Vinh, thi thoảng về quê là ghé nhà anh ấy chơi, anh em nói chuyện văn chương, chuyện đời rất tâm đắc. Ngọc Toàn là người ham đọc sách, trong nhà anh ấy có một tủ sách lớn, chủ yếu là sách văn học, nhiều đầu sách quý”.

Nhà thơ Trần Ngưỡng, là bạn văn thuộc lớp đàn em của nhà thơ Ngọc Toàn, tâm sự: “Tôi và anh Ngọc Toàn có nhiều thời gian sống gần nhau. Hồi những năm 1963 - 1964 gì đó, anh Toàn là giáo viên về dạy học ở Quỳnh Châu, anh ấy được địa phương sắp xếp về ở trong nhà ông anh tôi là nhà thơ Trọng Hà. Tôi còn nhớ, hồi ấy anh Ngọc Toàn có một bài thơ được đăng Báo Văn nghệ làm chúng tôi rất ngưỡng mộ, anh em kết thân nhau từ đó. Sau này, tôi làm Bí thư Đoàn xã Quỳnh Châu, Huyện Đoàn Quỳnh Lưu đóng ở Quỳnh Hồng nên có dịp về Huyện Đoàn là tôi ghé chơi nhà anh ấy. Lúc tôi bập bẹ sáng tác thì Ngọc Toàn là người động viên, chia sẻ và góp ý cho tôi. Sau này tôi thành lập Câu lạc bộ Thơ Tùng Linh (năm 1995), anh Ngọc Toàn là một trong những hội viên hoạt động năng nổ, tích cực nhất, lúc nào anh ấy cũng nhiệt tình tham gia các buổi sinh hoạt, sáng tác thơ đăng tập san của câu lạc bộ, có nhiều ý kiến xây dựng để sau này câu lạc bộ phát triển thành Chi hội Văn học Nghệ thuật Quỳnh Lưu, trực thuộc Hội Liên hiệp Văn học, Nghệ thuật tỉnh, từ tháng 11 năm 2000”.

Nói về nhà thơ Ngọc Toàn, bạn bè văn nghệ quý mến ông bởi tính cách hiền hòa, điềm đạm của một ông giáo làng, nhiệt tình với bạn bè. Ngoài thơ, ông còn có niềm đam mê cây cảnh. Ông tự tạo cho mình nhiều thể cây, nhiều dáng tượng đẹp để ngắm, có bạn bè nào quý mến ông sẵn sàng tặng ngay. Nhà thơ từng Ngọc Toàn chịu khó leo lên lên Long Sơn tìm những tảng đá lớn đem về tạc nên những bức tượng mà thỏa nỗi đam mê. Trong bài *Cây và đá*, ông viết: “*Rể lên vào kẻ đá/ Cây xanh thêm màu cây/ Đá có cây bầu bạn/ Nhen nhóm bao nghĩa tình*”. Cây, đá và bạn, bấy nhiêu thôi đã nói hết về con người, tình cảm của nhà thơ Ngọc Toàn với đời, với người. Yêu quý tấm chân tình của bạn, hiểu tâm hồn bạn, nhà thơ Trần Ngưỡng đã tặng Ngọc Toàn bài thơ *Long Sơn* nói về thú vui tao nhã của ông: “*Trước sân nhà có một Long Sơn/ Không gian nhỏ đủ đầy thiên cảnh/ Cái vẻ đẹp do tay người tạo dựng/ Vẻ đẹp từ trong hoang sơ*”.

Chắc vì quá yêu thiên nhiên mà sáng tác của ông ngồn ngộn hình ảnh về cây trái, hoa lá vườn nhà, những tập thơ của ông cũng mang tên những loài hoa, cây, trái mà ông hằng yêu quý. Nhà thơ Ngọc Toàn để lại một số tác phẩm đáng chú ý như: *Hương phong lan* (tập thơ, Nxb Nghệ An); *Hoa vạn tuế* (tập thơ, Nxb Thông tin, Văn hóa Hà Nội); *Quả đào tiên* (tập thơ, Nxb Nghệ An).

Ngọc Toàn - Vũ Ngọc Toàn đã về cõi vĩnh hằng. Có lẽ ông đã về chốn bồng lai tiên cảnh mà mình đã âm thầm tạo dựng. Ở đó có núi non, có dòng nước chảy, có cỏ cây, hoa lá, chim muông ru linh hồn ông yên ả bên những vần thơ lục bát. Sau bao vất vả, thăng trầm của cuộc sống, người đã về với chốn vô ưu.



Wisława Szymborska

Thơ Wisława Szymborska

HOÀNG XUÂN THƯỜNG (dịch)

■ **LTS:** Wisława Szymborska là nhà thơ Ba Lan đoạt Giải thưởng Nobel Văn học năm 1996. Bà sinh vào ngày 02/07/1923 tại Bnin (nay là Kórnik, gần Poznań) và mất vào ngày 01/02/2012 tại Kraków.

Giai đoạn 1945-1947, Wisława Szymborska học văn học Ba Lan và xã hội học tại Đại học Jagielloński. Năm 1945, bà khởi đầu sự nghiệp sáng tác với bài thơ *Szukam słowa* (Tôi tìm lời). Năm 1952, Wisława Szymborska được kết nạp vào Hội Nhà văn Ba Lan. Trong thời gian từ năm 1953 đến năm 1981 bà làm biên tập viên thơ, viết xã luận trên tuần báo *Życie Literackie* (Đời sống văn học). Ngoài hoạt động sáng tác, biên tập thơ Wisława Szymborska còn dịch thơ tiếng Pháp, tiếng Nga ra tiếng Ba Lan.

Vào năm 1952, Wisława Szymborska xuất bản tập thơ đầu tiên *Dlatego żyjemy* (Vì lẽ này chúng ta đang sống). Tiếp theo là các tập thơ: *Pytania zadawane sobie* (Những câu hỏi cho mình, 1954), *Wolanie do yeti* (Lời kêu gọi đối với người tuyết, 1957), *Sól* (Muối, 1962), *Sili* (1965), *Poezje wybrane* (Tuyển thơ, 1967), *Sto pociech* (Một trăm trò hề, 1967), *Poezje* (Thơ, 1970), *Wszelki wypadek* (Trường hợp bất kì, 1972), *Tarsjusz i inne wiersze* (Tarsius và những bài thơ khác, 1976), *Wielka liczba* (Số lớn, 1976), *Ludzie na moście* (Những người trên cầu, 1985), *Wieczór autorski* (Buổi chiều của tác giả, 1992), *Koniec i początek* (Kết thúc và mở đầu, 1993), *Dwukropek* (Dấu hai chấm, 2005), *Tutaj* (Ở đây, 2012). Thơ của Wisława Szymborska đã được dịch ra gần 40 thứ tiếng, trong đó có tiếng Việt.

Nhà thơ Wisława Szymborska đã được tặng nhiều giải thưởng văn học. Năm 1954 bà được tặng giải thưởng của thành phố Kraków; năm 1963 bà đoạt giải Văn học của Bộ trưởng Văn hóa Ba Lan; năm 1991 giải Goethe của Đức và năm 1995 giải thưởng Herder của Áo. Bà được trao giải thưởng Hội Văn bút Ba Lan (1996). Năm 1996, Nhà thơ Wisława Szymborska được trao giải thưởng Nobel Văn học.

Nhà thơ Wisława Szymborska đã được Tổng thống nước Cộng hòa Ba Lan vinh danh và trao tặng Huân chương Đại bàng trắng - huân chương cao quý nhất của Ba Lan vì có đóng góp to lớn cho nền văn hóa dân tộc và thành tựu xuất sắc trong sáng tác văn học (2011). Wisława Szymborska được trao bằng Tiến sĩ danh dự của Đại học Adam Mickiewicz tại Poznań (1995) và là Viện sĩ danh dự của Viện Nghệ thuật và Văn học Hoa Kỳ từ năm 2001.

Có thể coi hài hước là chất nổi bật nhất trong thơ Wisława Szymborska. Nhà thơ đã thể hiện chất hài hước đối với thế giới, đối với người khác và cả với chính mình.

Tạp chí Sông Lam xin gửi tới bạn đọc một số tác phẩm của nữ nhà thơ Ba Lan Wisława Szymborska do Hoàng Xuân Thường dịch chuyển ngữ.

Rozwód

Dla dzieci pierwszy w życiu koniec świata.
Dla kotka nowy Pan.
Dla pieska nowa Pani.
Dla mebli schody, łomot, wóz i przewóz.
Dla ścian jasne kwadraty po zdjętych obrazach.
Dla sąsiadów z parteru temat, przerwa w nudzie.
Dla samochodu lepiej gdyby były dwa.
Dla powieści, poezji - zgoda, bierz co chcesz.
Gorzej z encyklopedią i sprzętem wideo,
no i z tym poradnikiem poprawnej pisowni,
gdzie chyba są wskazówki w kwestii dwojga imion -
czy jeszcze łączyć je spójnikiem "i",
czy już rozdzielać kropką.

Ly hôn

Đối với trẻ em là sự tận thế đầu tiên trong cuộc đời.
Đối với con mèo là ông chủ mới.
Đối với con chó là bà chủ mới.
Đối với đồ nội thất là cầu thang, va chạm, xe đẩy và chuyển đồ.
Đối với những bức tường là những ô vuông sáng sau khi những
bức hình được tháo ra.

Đối với những người hàng xóm ở tầng trệt là đề tài (đàm tiếu), một cuộc chia tay trong buồn chán.
Đối với xe con sẽ tốt hơn nếu có hai chiếc.
Đối với tiểu thuyết, thơ ca là sự đồng ý, hãy lấy thứ gì bạn muốn.
Tệ hơn với bách khoa toàn thư và thiết bị video,
và với sách hướng dẫn luật chính tả này,
nơi có lẽ có các chỉ dẫn ghi họ tên hai người -
hoặc chúng vẫn liên kết với nhau,
hoặc đã cách ngăn bằng dấu chấm.

Vermeer

Dopóki ta kobieta z Rijksmuseum
w namalowanej ciszy i skupieniu
mleko z dzbanka do miski
dzień po dniu przelewa,
nie zasługuje Świat
na koniec świata.

Dịch ý:

Vermeer

Khi người phụ nữ này
trong bức tranh ở bảo tàng Rijksmuseum⁽¹⁾
vẫn ngày lại ngày
lặng lẽ tập trung vào việc
rót sữa từ bình vào bát,
thì thế giới không đáng chịu tận thế.

Dịch thơ:

Vermeer

Khi cô gái trong tranh
Tại bảo tàng Rijk⁽¹⁾
Trong tĩnh lặng ưa thích
Tập trung rót sữa ngon
Thì thế giới vẫn còn
Không đáng là tận thế.

1. Bảo tàng Rijksmuseum ở TP. Rotterdam, Hà Lan nơi trưng bày bức tranh "Cô gái vắt sữa" của họa sỹ Hà Lan Johannes Vermeer (1632-1675).



Nét duyên xứ Nghệ

Đây là những bức ảnh chụp phụ nữ xứ Nghệ trên khắp các vùng miền. Họ là cán bộ, công nhân, hay nông dân, họ đều là những hồng hông tỏa rạng, gánh trên vai trọng trách và thiên chức của mình, làm dịu đi những lo toan, vất vả của cuộc sống vốn nhiều biến động. Tập chữ Sông Lam gửi tới bạn đọc chùm ảnh này nhân một tháng Ba nhiều ý nghĩa đối với "một nửa thế giới".



QUANG DŨNG



NGUYỄN ĐÀO



HỒ NHẬT THANH



SÁCH NGUYỄN



Dua thuyền trong Lễ hội đền Cờn - Ảnh: NHẬT THANH



Ban mai Tri Lễ, Quế Phong - Ảnh: QUỐC ĐÀN



Phát triển du lịch cộng đồng vùng cao - Ảnh: SÁCH NGUYỄN



Năng chiều Đại Trù - Ảnh: QUỐC KHÁNH



Bán đảo Lan Châu - Ảnh: HỒ CHIẾN